

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



“TRÊN TẤT CẢ ĐỈNH CAO LÀ LẶNG IM”
Tưởng niệm Cư sĩ Nguyên Tánh—Phạm Công Thiện

16

THÁNG 3.2013



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704, U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình ảnh: **Oxford Alumni's Photostream**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **THỜI GIAN TRÔI MAU** (ĐNT Tin Nghĩa), trang 8
- ◆ **THIỆN TRÀ** (thơ Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC - Đức Phật, song ngữ** (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 10
- ◆ **CHỌN LỰA CON ĐƯỜNG RA ĐI** (Thích Chúc Đại), trang 14
- ◆ **TÌNH XUÂN** (thơ Tuệ Nguyên Thích Thái Hòa), trang 15
- ◆ **KIỆU MẠN** (Phạm Công Thiện) trang 16
- ◆ **THAY LỜI DẪN CHO THƠ CỦA PHẠM CÔNG THIÊN** (Tuệ Sỹ), trang 17
- ◆ **ĐỨC PHẬT VỚI NHỮNG NGƯỜI TRẺ TUỔI TRONG KINH TRUNG A HÀM** (Thích Phước An), trang 18
- ◆ **HUÂN TẬP** (thơ Phù Du), trang 21
- ◆ **ĐOẠN GHI TỪ BIỆT GAGA, tháp cây hương cho Phạm Công Thiện** (thơ Đinh Cường), trang 23
- ◆ **HÌNH ẢNH LÊ GIỎ TÒ HÀNG NĂM TẠI CHÙA BÁT NHÃ**, trang 24
- ◆ **NGÀY SINH CỦA RẪN** (thơ Phạm Công Thiện), trang 26
- ◆ **TRÊN NHỮNG ĐỈNH CAO** (Vĩnh Hào), trang 29
- ◆ **LỜI CŨ, ÂN TÌNH XƯA** (Tuệ Như), tr. 31
- ◆ **CHÚC TẾT, Ý XUÂN** (thơ Trúc Nguyên), trang 32
- ◆ **PHẠM CÔNG THIÊN, MỘT THI SĨ KỶ TUYỆT THIÊN TÀI** (Tâm Nhiên), tr. 33
- ◆ **TÌNH NGHĨA THẦY-TRÒ** (Tâm Minh Vương Thủy Nga), trang 37
- ◆ **TÂM PHỤNG SỰ và các bài thơ họa** (thơ Chúc Hiếu, Phước Quang, Phước Mỹ, Diệu Đức), trang 39
- ◆ **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỶ - bài 2** (Huỳnh Tấn Lê), trang 40
- ◆ **TÂM XUÂN** (thơ Thích Minh Tuệ), tr. 41
- ◆ **RỒNG RANG CHÀNG MỘT VỌNG ÂM** (thơ Nguyễn Tôn Nhan), trang 47
- ◆ **HÒI HAY ĐÁP ĐÚNG - song ngữ, chương 5** (Thích Nguyên Tạng dịch), trang 48

- ◆ **CHỨNG ĐẮC THA TÂM THÔNG...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 54
- ◆ **MỘT NGÀY ĐI QUA** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: TÀU HỦ CHIẾN HÀNH** (Diệu An), trang 57
- ◆ **MÙA XUÂN THEO MÂY THỜI GIAN** (Hoàng Mai Đạt), trang 58
- ◆ **MỪNG XUÂN QUÝ TỶ 2013** (thơ Bảo Thông), trang 60
- ◆ **TÌM NƠI KHUẤT GIÓ** (Nguyễn Phước Nguyên), trang 61
- ◆ **CẢM ƠN LÝ TƯỜNG** (thơ Tâm Tường Lê-Đình Cát), trang 63
- ◆ **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM - 5. CHUYỆN PHẬT GIÁO & 6. VẬT TƯỢNG TRƯỞNG TRONG ĐẠO PHẬT** (Tâm Minh Ngô Tằng Giao dịch), trang 64
- ◆ **RỜI MÙA CÚM TRẦN LAN...** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 66
- ◆ **XUÂN VỀ** (thơ Lê Bích Sơn), trang 70
- ◆ **HỌP MẶT TRUYỀN THÔNG GIỚI TRẺ PGVN** (Binh Sa), trang 71
- ◆ **ĐÊM THƠ NHẠC "MÙA XUÂN TUỆ GIÁC"** (VB), trang 72
- ◆ **TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí), trang 80

Đón đọc:

CHÁNH PHÁP SỐ 17, THÁNG 4. 2013: TƯỜNG NIỆM ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THÙ

CHÁNH PHÁP SỐ 18, THÁNG 5.2013: KỶ NIỆM PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2557



Báo Chánh Pháp số 16 (tháng 3.2013) do Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

Kẻ lữ hành đi ngang khu chợ huyền ảo. Lắng nghe trong im lặng.

Âm thanh ngôn ngữ của con người có khi nhẹ nhàng tựa hoa rơi (như lời tình tự, hay lời khuyên nhủ ân cần của một cao nhân); có khi rộn ràng, bén nhọn như gươm giáo (như khi phi báng, chỉ trích nhau); có khi rất ồn ào, nhức tai (như khi mời hàng hoặc khoa trương thành tích, băng cấp, tác phẩm, chức vị...)...

Thực ra chẳng có gì đáng để tranh cãi, khoe khoang.

Khoe khoang, tranh cãi chỉ xuất hiện ở những người tự mãn nơi chỗ thấp, và nơi họp chợ. Ở đó, mọi thứ đều có vẻ quan trọng, đáng để bận tâm. Có sự hơn-thua, thắng-bại, tốt-xấu, nhiều-ít, hay-dở... ở nơi ấy.

Nhưng khi một kẻ đã xuống ở tận cùng hố thăm, đã đi hết một đêm hoang vu trên mặt đất, () và leo đến chóp đỉnh cao sơn ngút ngàn, thì mọi thứ tư tưởng, lý tưởng, kiến giải, kiến thức, ngôn ngữ, văn tự, chứng từ... đều chỉ là giẻ rách.*

Có một cái gì thật nhẹ, thật mỏng, như tơ.

Như mây trắng, như sương mai trên đầu lá cỏ.

Từ xa thì như có, đến gần thì dường như không.

Một cái gì lỏng lẻo mênh mang khi tắt cả mọi thứ đều tuyệt dứt.

Ai đó vừa bước ngang cánh cửa đời huyền mộng.

Tịch lặng. Mây trắng bay.

(*) Một trong những tác phẩm thơ mộng của nhà thơ Phạm Công Thiện, “Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất.”

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHẬT BẢN: Sanjusangen-do – ngôi chùa có 1.000 tượng Quan Âm Bồ Tát

Kyoto, Nhật Bản – Sanjusangen-do, ngôi chùa tôn trí hơn 1.000 tượng gỗ giát vàng có niên đại từ thế kỷ 13, là một trong những kho báu văn hoá nổi bật nhất của Phật giáo Nhật Bản.

Có niên đại từ năm 1164, chùa Sanjusangen-do được xây theo yêu cầu của Hoàng đế Go-Shirakawa (1127-1192), một người tôn kính Quan Âm Bồ Tát và là người đã thực hiện những nỗ lực tuyệt vời để mang lại hoà bình và thịnh vượng cho đất nước bằng cách truyền bá Phật giáo.

Chánh điện của chùa ban đầu chỉ có 124 tượng Phật Quan Âm.

Sau trận hoả hoạn vào năm 1249, chánh điện được xây lại vào năm 1266. Và đến nay toà nhà này đã được sửa sang 4 lần, nhưng về tổng thể vẫn giữ được hầu như nguyên bản thời thế kỷ 13 của nó.

Hiện nay, chùa Sanjusangen-do tôn trí 1.031 tượng, bao gồm: một tượng Phật Quan Âm lớn (cao 3,4 m) ở trung tâm; 1.000 tượng Quan Âm cổ kích thước như người thật (khoảng 1,6 m) – trong số này có 124 tượng ban đầu được cứu từ trận hoả hoạn; 28 tượng Hộ pháp; 2 tượng thần gió và thần sấm.

Tất cả những tượng này được xem là một Kho báu Quốc gia hoặc có giá trị như Tài sản Văn hoá Quan trọng của Nhật Bản.

(japanese-buddhism.com – January 22, 2013)



Tượng Phật Quan Âm chính cao 3,4m



Một nghìn tượng Quan Âm Bồ Tát tại chùa Sanjusangen-do; hàng trước là tượng 28 vị Hộ pháp

ẤN ĐỘ: Hội nghị Phật giáo tại tu viện Udaygiri để quảng bá du lịch

Kendrapada, Odisha - Từ ngày 1-2-2013, khoảng 120 học giả từ khắp thế giới sẽ gặp nhau trong một hội nghị Phật giáo quốc tế 3-ngày ở tu viện Udaygiri tại quận Jajpur.

“Sở văn hoá và du lịch Odisha sẽ tổ chức hội nghị để thu hút thêm du khách và các nhà nghiên cứu đến với các địa điểm Phật giáo của bang”, Tiến sĩ Sunil Patnaik, thư ký của Viện Hàng hải và Đông Nam Á Học, nói. Ông cũng muốn nêu rõ rằng đây sẽ là lần đầu tiên tại bang này có một hội nghị như vậy.

“Các học giả nổi tiếng từ Trung quốc, Hoa Kỳ, Miến Điện, Nhật Bản, Thái Lan, Tích Lan, Cam Bốt và Bhutan sẽ tham dự sự kiện này. Hội nghị cũng sẽ có sự hiện diện của các vị Lạt ma từ Dharmaśāla”, ông Patnaik nói.

Tất cả đại biểu sẽ viếng các địa điểm Phật giáo nổi tiếng của Udayagiri, Ratnagiri, Lalitagiri, Langudi, Kaima và những nơi

khác của quận Jajpur trong dịp này.

(tipitaka.net – January 23, 2013)

CAM BỐT: Lễ cầu nguyện theo truyền thống Phật giáo để tôn vinh cố Quốc vương Sihanouk

Ngày 23-1-2013, chư tăng và các thành viên hoàng gia đã tôn vinh Thái thượng hoàng Norodom Sihanouk tại Cung điện Hoàng gia để đánh dấu 100 ngày trôi qua sau khi ông băng hà, một phong tục truyền thống được thực hiện rộng rãi theo thực hành tang lễ Phật giáo.

90 nhà sư, cùng các quan chức cao cấp của chính phủ, Quốc vương Norodom Sihamoni và Hoàng thái hậu Monineath Sihanouk đã tập trung tại cung điện để cầu nguyện và dâng thực phẩm cúng dường - một cửu trợ lý của cố vương Sihanouk là vương gia Sisowath Thomico nói. “Chúng tôi đã tổ chức theo các truyền thống bằng việc dâng thực phẩm cho 90 nhà sư”, ông nói.

Thủ tướng Hunsen và phu nhân cũng tham dự, cùng cầu nguyện và cúng dường thức ăn cho chư tăng.

Cố Quốc vương Sihanouk từ trần vào ngày 15-10-2012, hưởng thọ 89 tuổi.

(Phnom Penh Post – January 24, 2013)

ẤN ĐỘ: Hội nghị Nữ Phật tử Quốc tế thành công tốt đẹp

Hội nghị Nữ Phật tử được tổ chức tại Vaishali (từ ngày 5 đến 12-1-2013) đã đạt sự thành công tích cực.

Chủ đề năm nay, “Nền tảng Phật giáo”, tập trung sự chú ý vào hoàn cảnh sống và các dự án hiện nay của phụ nữ Phật giáo tại nhiều nước khác nhau.

Với đại biểu từ 32 nước, trong đó lần đầu tiên có mặt các đại biểu từ Thổ Nhĩ Kỳ và Estonia, hội nghị đã có sự đại diện rộng rãi từ Phật tử của các cộng đồng khác nhau và có một cơ hội để cập nhật về công việc tuyệt vời mà phụ nữ Phật giáo đang làm trên khắp thế giới.

Tour du lịch hành hương sau hội nghị là một cơ hội đặc biệt đối



Chánh điện dài 120 mét và cảnh vườn theo phong cách Nhật tại chùa Sanjusangen-do (Kyoto)

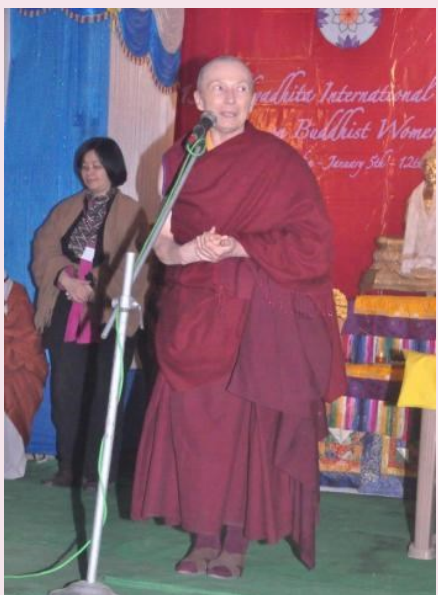
với phụ nữ Phật giáo từ khắp thế giới để viếng các địa điểm linh thiêng của Phật giáo, cùng cầu nguyện và bày tỏ nguyện vọng chung của mình.

(Buddhist Door – January 25, 2013)

Một số hình ảnh về Hội nghị Nữ Phật tử Quốc tế tại Vaishali, Ấn Độ:
Photos: Buddhist Door



Chư ni và các nữ Phật tử từ các nước khác nhau tham dự hội nghị phụ nữ Phật giáo Quốc tế Tại Vaishali, Ấn Độ -
Photos: Buddhist Door



ĐỨC: Kinh điển Phật giáo Ấn Độ 2.000 năm tuổi trên vỏ cây bạch dương

Các chuyên gia về Ấn Độ học tại trường Ludwig-Maximilians-Universitaet (LMU) ở Munich đang trong quá trình phân tích các tài liệu Phật giáo Ấn Độ 2000 năm tuổi vốn chỉ đưa ra ánh sáng trong thời gian gần đây. Các bản thảo quý giá đã mang lại một số kết quả đáng ngạc nhiên.

Những kinh điển Phật giáo lâu đời nhất còn tồn tại, lưu giữ trên những cuộn dài bằng vỏ cây bạch dương, được viết bằng chữ Gandhari – một ngôn ngữ khu vực của Ấn Độ cổ xưa vốn đã biến mất từ lâu. Các cuộn kinh này có nguồn gốc từ vùng Gandhara cổ đại, nằm ở tây bắc Pakistan ngày nay.

Đối với các nhà nghiên cứu quan tâm đến lịch sử sơ khai của Phật giáo, những bản thảo này là một phát hiện lớn: Về niên đại, một số của những tài liệu nói trên có từ thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên, hơn xa các bản văn mẫu cổ nhất của Phật giáo Ấn Độ. Nhưng theo các chuyên gia, nội dung của chúng cũng hấp dẫn không kém. Các văn bản này giúp họ thấy rõ hơn một truyền thống văn học được cho là đã bị mất hẳn, và chúng giúp các nhà nghiên cứu tái tạo các giai đoạn trong sự phát triển của Phật giáo tại Ấn Độ. Hơn nữa, các cuộn kinh nói trên khẳng định vai trò quan trọng của vùng Gandhara trong sự truyền bá của Phật giáo vào Trung Á và Trung Hoa.

(Buddhist Art News - January 27, 2013)



Bản thảo kinh điển Phật giáo Ấn Độ trên vỏ cây bạch dương - Photo: LMU

THÁI LAN: Chuyển đổi khu nhà tù thành công viên Phật giáo

Ngày 31-1-2013, tại khu trung tâm thành phố Chiang Mai, việc phá dỡ một nhà tù nữ cũ đã được khởi động để mở đường cho việc xây dựng một công viên tôn giáo.

Lễ tháo dỡ được tổ chức lúc 1 giờ chiều. Các thành viên nhóm Rak Chiang Mai 51 đã tập trung tại khu nhà tù và giúp các công nhân dọn gạch từ tường của nhà tù và của các toà nhà.

Nhóm này cho biết một công viên Phật giáo, hay Buddhamonthon, sẽ thay thế khu nhà tù. Kinh phí xây dựng công viên sẽ tốn khoảng 1,2 tỉ baht.

Dự án này dự kiến hoàn thành trong một năm, sẽ được giám sát bởi Văn phòng Thủ tướng và Văn phòng Phật giáo Quốc gia.

Nhà tù này xưa kia giam giữ nữ phạm nhân, sau đó nó bị bỏ hoang khi Bộ Trưởng giới chuyển tù nhân đến một cơ sở mới tại ngoại ô Chiang Mai.

(Buddhist Door – February 1, 2013)



Nhà tù nữ cũ vào ngày 31-1-2013, trước khi nó bị phá dỡ - Photo: The Bangkok Post

TÍCH LAN: Tổng thống Tích Lan sẽ viếng Bồ đề Đạo tràng

Vào ngày 8-2-2013, Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa sẽ sang thăm bang Bihar của Ấn Độ. Ông sẽ đến đền Bồ đề ở Bồ đề Đạo tràng để cầu nguyện cho nền hoà bình và sự phát triển của đất nước Tích Lan.

Trong chuyến thăm này, Tổng thống Rajapaksa cũng sẽ hội kiến Thống đốc bang Bihar là Nitish Kumar.

Mạng mạch Phật giáo của Bihar – bao gồm các di tích cổ Bồ đề Đạo tràng và Nalanda – là một trong số các mạng cổ hàng nghìn tín đồ Phật giáo đổ về tham quan hàng năm. Phần lớn trong số họ đến từ Nhật Bản và Tích Lan, 2 nước có cộng đồng Phật giáo chiếm đa số.

(Buddhist Door – February 2, 2013)



Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa - Photo: Daily Bhaskar

HÀN QUỐC: Lớp dạy kỹ thuật 'âm thực nhà chùa' tại chùa Sudoksa

Thực phẩm nhà chùa loại trừ nghiêm ngặt những loại thực phẩm có liên quan đến dục vọng hoặc sân hận. Truyền thống có từ nhiều thế kỷ này của ẩm thực Phật giáo đang được hồi sinh tại Hàn Quốc – một trong những xã hội căng thẳng nhất của châu Á.

Tại chùa Sudoksa ở thành phố Pyeongtaek cách nam Seoul khoảng 60 km, nhà sư Hàn quốc Jeokmun dạy các kỹ thuật nấu ăn cho hàng chục học viên



Món nấm áp chảo được đặt trên bàn trong giờ dạy nấu ăn của sư Jeokmun



Kim chi củ cải được nhà sư Jeokmun trình bày sau buổi dạy học nấu ăn



Các món (xem ngược chiều kim đồng hồ - từ dưới, bên phải) đậu khuôn chiên, nấm áp chảo, mì trộn tương ớt và rau và kim chi củ cải được trình bày sau giờ dạy nấu ăn - Photos: AFP

(Big News Network – February 4, 2013)

TRUNG QUỐC: Phát hiện bản khắc chữ cổ về Phật giáo trên phiến đá

Một phiến đá khắc chữ được cho là có từ 1.000 năm trước đã được tìm thấy tại một khu nghĩa trang của chùa tại Giang Tô.

Phiến đá nằm dưới đáy một quan tài nhỏ bằng đất nung, trong một căn phòng dưới lòng đất. Nó có dạng viên gạch hình vuông với bản khắc chữ rõ ràng, cho biết nó được khắc vào năm 1013 – cách đây đúng 1.000 năm. Nó cũng cho biết trong chiếc quan tài bằng đất nung có

đựng 2.000 xá lợi của Đức Phật, vốn được thu thập bởi 2 nhà sư của một ngôi chùa gần đó.

Quan tài đã bị vỡ, và dường như bên trong có chứa một hộp gỗ. Nhưng do hộp bị bùn bao phủ nên cần phải khai quật thêm để xác định xem có đúng là bên trong có 2.000 mảnh xá lợi hay không.

Các nhà khảo cổ học cũng tìm thấy 240 tượng Phật bên dưới một phòng ngầm khác tại đây.

(Mahabodi IP – February 6, 2013)



Phiến đá dạng viên gạch hình vuông, trên mặt có các ký tự - được cho là khắc cách đây 1.000 năm - liên quan đến Phật giáo - Photo: CNTV

HÀN QUỐC: Thu giữ 2 tượng Phật bị trộm từ Nhật Bản

Seoul, Hàn quốc – Ngày 29-1-2013, cảnh sát nói rằng 5 người Hàn quốc đã bị bắt giữ do tình nghi ăn cắp và buôn lậu 2 tượng Phật quý giá từ Nhật Bản.

Bị trộm từ thành phố Tsushima ở Tỉnh Nagasaki, Nhật Bản, cả 2 tượng nói trên đã bị tịch thu và đang được Cục Quản lý Di sản Văn hoá của Hàn quốc giữ.

Hai pho tượng này gồm một tượng Phật Như Lai – được chính phủ Nhật xếp hạng là một tài sản văn hoá quan trọng - bị lấy cắp từ đền thờ Kaijinjinja, và một tượng Quan Âm Bồ Tát – được xếp hạng là một tài sản văn hoá vật thể bởi Tỉnh Nagasaki – bị trộm từ chùa Kannonji vào tháng 10-2012.

Cục Quản lý Di sản Văn hoá của Hàn quốc có kế hoạch mời các quan chức có liên quan từ Nhật Bản để xác thực các tác phẩm nghệ thuật này trong một thời gian ngắn, sau đó các tượng sẽ được trả lại theo yêu cầu của các quan chức Nhật.

(Tipitaka Network – February 7, 2013)

Tượng Quan âm Bồ tát và tượng Phật Như Lai của Nhật, tịch thu được từ bọn trộm và đang được lưu giữ tại Cục Quản lý Di sản Văn hoá của Hàn quốc - Photos: Akira Nakano

—>



5 trong số 7 thành viên của ban nhạc Ưu đàm
Photo: Yonhap
(hình dưới)



HÀN QUỐC: Ban nhạc Phật giáo đầu tiên tại Hàn quốc

Ban nhạc Ưu đàm, gồm 7 thành viên đều là tăng sĩ, là ban nhạc Phật giáo đầu tiên của Hàn quốc. Tất cả các thành viên đã luyện tập nhạc cụ của họ từ hơn 20 năm nay.

Theo truyền thuyết Phật giáo, Ưu đàm là một loại cây 3.000 năm mới nở hoa một lần. Tên của ban nhạc được đặt theo cây hoa này là để đánh dấu sự thành lập ban nhạc Phật giáo đầu tiên trong lịch sử lâu đời của Phật giáo Hàn quốc.

Ban nhạc Ưu đàm hướng đến việc chủ động giao lưu với thanh niên Phật giáo, là giới thường xem đạo Phật như một tôn giáo lỗi thời. Ban nhạc gồm các nhạc sĩ có trình độ này dự định sẽ chơi các thể loại nhạc hiện đại khác nhau như Pop và Jazz. Vào tháng 3-2013, ban nhạc Ưu đàm sẽ tổ chức lễ ra mắt

của họ tại thành phố Daegu.
(Buddhist Art News – February 8, 2013)

NGA: Tổng thống Putin chúc mừng Phật tử Nga nhân năm mới âm lịch

Moscow, Nga – Vào ngày 11-2-2013, Tổng thống Vladimir Putin đã gửi lời chúc mừng đến Phật tử liên bang Nga khi họ đón mừng Năm Mới Âm lịch, lễ hội tôn giáo chính của họ. Tổng thống Putin viết, “Lễ Bạch Nguyệt (hay ngày lễ Sagaalgan theo tiếng Buryat), vốn đánh dấu Năm Mới Âm lịch, có truyền thống cổ xưa và tốt đẹp đã trở thành một phần không thể tách rời của sự phong phú về di sản tinh thần và văn hoá của Đất nước đa dân tộc chúng ta”. Thủ tướng Dmitry Medvedev

cũng gửi lời chúc của ông vào ngày 11-2, ca ngợi Phật tử về việc khuyến khích đối thoại liên tôn giáo và tình hữu nghị giữa các dân tộc của đất nước (Nga) đa quốc gia.

Có khoảng 1,3 triệu Phật tử sống tại Nga, chủ yếu tại các nước cộng hoà Kalmykia, Buryatia và Tuva, nơi các buổi lễ được tổ chức suốt ngày 10 và 11-2-2013.

(bignewsnetwork.com – February 12, 2013)

CỘNG HOÀ TUVA: Mừng lễ Năm Mới theo Phật lịch

Người dân tại nước cộng hoà Tuva mừng lễ Shagaa (Năm Mới) theo Phật lịch nhằm ngày 11-2-2013. Khural Tối cao (Quốc hội) của nước này đã tuyên bố ngày 11-2 (ngày đầu tiên của lễ Shagaa) là một ngày nghỉ lễ.

Trong số 310.000 dân của nước Cộng hoà Tuva có 62% là Phật tử.

Ngày đầu năm mới Phật giáo được Hiến pháp Tuva công nhận là ngày lễ Shagaa. Lễ hội này kết thúc bằng nghi thức San Salyr truyền thống, diễn ra trên đỉnh Núi Dogee ở Kyzyl. Nghi thức bao gồm lễ thả sáng ngọn lửa để tôn vinh Năm Mới. Tất cả tà ý và bất hạnh đều bị ngọn lửa đốt cháy. Sau đó, một nhóm nam Phật tử sẽ thực hiện một đêm leo lên núi Dogee đến độ cao gần 1 km.

(Buddhist Door – February 12, 2013)



Chư tăng và Phật tử Tuva - Photo: Buddhist Door

VƯƠNG QUỐC ANH: Lễ kỷ niệm Ngày Độc lập của Tích Lan được tổ chức tại ngôi chùa ở Heathrow

Gần đây, Phật Tự Quốc tế Athula Dassana ở Heathrow đã tổ chức lễ kỷ niệm Ngày Độc lập năm thứ 65 của Tích Lan.

Cao uỷ Tích Lan là Tiến sĩ Chris Nonis, khách mời chính tại lễ khai mạc, đã thả sáng ngọn đèn

dầu truyền thống và treo quốc kỳ Tích Lan. Cao ủy phát biểu rằng ông rất hài lòng vì chỉ trong một thời gian ngắn, những người Tích Lan tại Vương quốc Anh đã có thể tổ chức thành công một chương trình kỷ niệm ngày Độc lập.

Hơn 300 khách mời bao gồm các hội viên của Chùa Quốc tế Athula Dassana đã tham dự lễ. Nhà tổ chức chính của sự kiện này là Thượng toạ Wanduraba Kassapa, sư trưởng đương nhiệm của Phật Tự Athula Dassana.

(dailynews.lk – February 13, 2013)



Lễ kỷ niệm Ngày Độc lập của Tích Lan diễn ra tại Chùa Quốc tế Athula Dassana ở Heathrow, Vương quốc Anh - Photo: dailynews.lk

MÔNG CỔ: Bản thảo kinh Phật tại Thư viện Quốc gia Mông Cổ

Thư viện Quốc gia Mông Cổ tại thủ đô Ulaanbataar đã trở thành một kho lưu trữ dành cho các bản thảo kinh Phật. Trong số những bản thảo nổi bật là một bộ sưu tập những bản tiếng Phạn của Long Thọ, một triết gia Phật giáo Ấn Độ của thế kỷ thứ 2. Nhưng bảo tàng này cũng gặp rắc rối trong việc duy trì và lập danh mục cho bộ sưu tập.

Photos: Pearly Jacob (EurasiaNet.org – February 14, 2013)



1/ Một số bản thảo tràn ngập các phòng lưu trữ tại Thư viện Quốc gia của Mông Cổ. Với không gian lưu trữ có giới hạn, nhân viên thư viện cố gắng sắp xếp chỗ chứa sao cho tốt nhất, và hết sức quan tâm đến tình trạng để bị hư hỏng của các bản thảo.

2/ Một phần của bộ sưu tập các văn bản đã được xác định, liệt kê, bọc vải mới và đóng gói lại cẩn thận trong vỏ bọc ban đầu.

3/ Một người điều hành dữ liệu đầu vào cố gắng thiết lập nguồn gốc của một bản thảo bằng cách tìm các tem có đóng dấu tu viện tương tự.

4/ Khoảng 600 quyển kinh bằng tiếng Mông Cổ, Tây Tạng và tiếng Phạn đã được chuyển giao cho ban bảo tàng của Thư viện Quốc gia.



5/ Một bộ sưu tập các bản tiếng Phạn được viết trên vỏ cây bạch dương bởi luận sư Phật giáo Long Thọ là một trong những bản chép tay quý giá nhất tại Bảo tàng này.



TƯỜNG NIỆM

THỜI GIAN TRÔI MAU

Điều ngự tử Tín Nghĩa

Tín Nghĩa tôi đến định cư Hoa Kỳ vào ngày 19 tháng 09 năm 1979, do nhị vị Hòa thượng Thích Thiên Ân và Hòa thượng Thích Mãn Giác bảo lãnh từ trại tỵ nạn Hongkong.

Ngồi tính số thời gian thì cũng đã gỡ gần ba chục cuốn lịch. Giá như thời gian này mà ở trong tù thì cũng mục xương và chẳng bao giờ được thấy ánh sáng của thiên nhiên.

Tuy thế, đã gần ba chục năm qua, tuổi đời chông chắt, thân thể cũng đã từ từ mục rữa theo như lời đức Phật dạy là thành, trụ, hoại, không. Có lẽ, bản thân vật lý của mình đang ở trong thời kỳ tàn hoại. Bấm theo số đời cũng thuộc loại cổ lai hy; thế nhưng, cảm nhận được rằng chưa làm được những gì cho Đạo, cho Đời.

Giai đoạn ban đầu: Một ngày như mọi ngày, sớm chuông chiều mõ. Ngày còn ở quê nhà được theo chân quý ngài Thạch trụ, Long tượng của Phật pháp, của Giáo hội nên được học hỏi thêm những gì từ quý ngài từ giáo lý đến kinh nghiệm. Khi mang thân phận lưu đầy xa xứ, nhận nơi này làm quê hương thứ hai vừa mưu sinh vừa hành đạo. Có bao nhiêu học được từ tuổi trẻ, mang xuống thuyền, đến trại tỵ nạn, đi định cư cũng với đi một số vốn liếng Phật pháp. Đã thế, lại chẳng được gần gũi các bậc Tôn túc là bao, phần lớn ở xứ văn minh này, đất rộng, hàng con Phật xuất gia cũng như tại gia không bao nhiêu trong thời gian trên hai mươi năm trước đó. Ngày tôi bước chân đến Los Angeles, một số Đại đức mà nay là ngôi vị Hòa thượng: Hòa thượng Nguyên Đạt, Hòa thượng Tịnh Từ, Hòa thượng Minh Đạt và chúng tôi, không quá nắm ngón tay của bàn tay; sau này có thêm các ngài như Trí Tuệ, Nguyên An, Nguyên Trí, Thiện Trì và Phước Thuận. Còn các ngài như Đức Niệm, Thiện Thanh, Trí Chơn đều là ngôi vị Thượng tọa. Bên trên có hai ngài Thiên Ân và Mãn Giác. Tinh thần sinh hoạt huynh đệ pháp lữ thật nhịp nhàng. Lúc ban đầu, năm anh em chúng tôi, gánh vác việc đạo nơi quê hương mới này là tùy duyên và tùy cơ. Rất ít khi có dịp gặp nhau, ngoại trừ những ngày họp thường niên tại chùa Việt Nam, Los Angeles. Mãi ấm êm đầm ấm được một thời gian thì chướng duyên lại đưa vào một khúc quanh khác; mặc dầu ai nấy chùa chiền cũng chưa được như nguyện.

Trong cùng một lúc thì: Thầy Tịnh Từ đang sinh hoạt chùa Từ Quang, San Francisco, lại có phước báo đúng ra tạo lập Tu viện Kim Sơn thật to rộng, Tăng chúng lại đông, tiền hô hậu ủng rất nhịp nhàng; thầy Minh Đạt đang sinh hoạt tại Từ Quang lại có cơ duyên về hóa độ và tạo lập chùa Quang Nghiêm, Stockton, thầy Nguyên Đạt lên lập Tu viện Liễu Quán vùng San Bernadino, tôi (*Tín Nghĩa*) đang cùng chung lo Phật sự với ngài Đức Niệm ở Phật Học Viện Quốc Tế thì lại có túc duyên với hàng Phật tử vùng Dallas - Fort Worth, nên về đây tạo dựng ngôi Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại. Từ đây, mấy anh em pháp lữ chúng tôi đều phải gánh lấy trách nhiệm mà mình đã khai sáng ra nó. Bốn anh em chúng tôi ai nấy cũng có cơ sở; tuy thế, riêng ngài Nguyên Đạt



ít khi ba chúng tôi (*Tịnh Từ, Minh Đạt và Tín Nghĩa*) được gặp; kể từ khi có Phật sự riêng thì chỉ được gặp hai lần. Lần thứ nhất là trong tang lễ của Hòa thượng Thiện Trì, tại chùa Kim Quang trong giờ phút tiễn đưa kim quan đến nơi trà tỳ; lần thứ hai là tang lễ của Hòa thượng Đức Niệm thì cũng trong giờ phút tương tự, rồi thôi. Phật sự tuy đa đoan, nhưng tình đời nghĩa đạo của ba chúng tôi vẫn sắt son, như môi hở răng lạnh vậy.

Giai đoạn hình thành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ: Mặc dầu đã có đường hướng sinh hoạt giáo hội nhịp nhàng rồi, nhưng Khâm thừa Di huấn của cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Chánh thư ký Xử lý viện Tăng thống; vâng lời Giáo chỉ của Hòa thượng Thích Huyền Quang, quyền Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để thành lập Đại hội vào các ngày 25, 26 và 27 tháng 09 năm 1992 tại thành phố San Jose, miền Bắc của tiểu bang California với tinh thần tương thân, tương kính, tương ái và tương thuận như Giáo Hội Mẹ tại quê nhà đang mong mỏi.

Khi thành lập Giáo Hội vào tháng 9-1992 thì Hòa thượng Thích Thiện Thanh đã hầu Phật, chỉ còn Hòa thượng Thích Đức Niệm và Hòa thượng Thích Trí Chơn.

Hòa thượng Thích Đức Niệm trong nhiệm vụ Chánh Văn Phòng Hội đồng Đại diện, mà những trọng trách như Trưởng ban Tổ chức Đại lễ Phật đản quy tụ trên 20,000 người; Đại hội Khoảng đại nhiệm kỳ 8 do Giáo Hội Mẹ giao phó, vì hoàn cảnh quê nhà khó khăn; Lễ truy niệm đức Chánh thư ký Viện Tăng Thống Cổ Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu; kể cả những Đại hội bất thường, Thường niên; Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Tập san Phật giáo Hải Ngoại của Giáo hội, gánh vác luôn cả viết bài, gọi điện thoại xin bài; trong khi đó, một số lớn có học vị, có điều kiện viết lách kể từ hàng Chủ tịch cho đến Hội đồng Điều hành không đóng góp bài vở, tịnh tài; bao nhiêu phí tổn từ ấn phí cũng như cước phí đều do một tay Hòa thượng Chánh Văn Phòng; có nghĩa là Hòa thượng Thích Đức Niệm phải lo liệu hết từ A đến Z. Hòa thượng và Phật Học Viện Quốc Tế lo cho đến lúc không còn lo được, Giáo hội phải chấp nhận đình bản, và Hòa thượng cũng bắt đầu thân bệnh cho đến ngày hầu Phật. Tính đến hôm nay, năm Quý tỵ là vừa tròn mười năm. Cũng phước báo cho Hòa thượng là khi Giáo chỉ số 9 giáng xuống thì không có Hòa thượng. Giá như Hòa thượng còn trụ thế không



Thiền Trà

*Ta ngồi đây bên giác
Sẵn bên kỷ thiền trà
Với trầm hương giải thoát
Thường thức Ưu Đàm hoa.*

*Bờ kia trường biển mộng
Vạn vật không ngừng trôi
Trên dòng đời di động
Họ tưởng rằng an vui.*

*Phù sinh bao thế hệ
Biến thiên mấy nhịp cầu
Sầu biệt ly đâm lẹ
Roi thâm kiếp ngàn dâu.*

*Tuy họ về quá khứ
Nhưng ta vẫn ngồi đây
Ra ngoài vòng sanh tử
Còn chi có đôi thay.*

*Ta ngồi từ vô thi
Nơi bờ giác uống trà
Sáng soi trăng trí tuệ
Độc tấu bản thiên ca.*

THẮNG HOAN

thơ

biết Hội đồng Lương viện tại quê nhà cũng như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo xử sự ra sao? Và, giá như Hòa thượng không bị Giáo chỉ số 9 đánh gục, thì ba phần tư nhân viên Đồng sự Pháp lữ chung quanh Ngài bị gánh chịu như thế, liệu Ngài có được yên tâm mà thừa hành Phật sự? Hay là Ngài cũng hoan hỷ rút về với Đại khối Tăng ni Phật tử chỉ biết trợn đời lo cho Đạo, cho Đời mà không một mảy may vì danh vì lợi,...

Phải thật tâm mà nhìn nhận rằng: Cuộc đời hy hiển của Hòa thượng cho Đạo pháp và Dân tộc qua hình ảnh vừa thần giáo vừa bồ giáo bằng cách in ấn tất cả những kinh sách rải đều khắp toàn cầu, kể cả trên 50,000 bộ kinh Pháp hoa cúng dường cho các chùa ở miền Bắc Việt Nam sau năm 1975. Thân bệnh mà tâm không bệnh. Ngày thường tâm sự cùng anh em đồng môn cũng như môn đệ xuất gia do chính ngài giáo dưỡng rằng:

... "Chúng ta cố gắng làm những gì mà đức Bổn sư Từ phụ cũng như chư Tổ đã răn dạy, đừng vì danh văn lợi dưỡng một cách hèn mạt mà đánh mất chơn tâm, bản tánh cao minh của mình; đừng bao giờ cô phụ chí nguyện xuất gia lúc ban đầu để đắc tội với Phật và Phật tử đang trông ngóng. ..."

Chúng tôi cũng đã từng ngồi nghe khi Hòa thượng dạy kinh luật cho đồ chúng.

Riêng về hạnh nguyện của Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Chơn, khi thành lập Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Hoa Kỳ; trong lúc hàng hàng lớp lớp Phật tử và Tăng ni đứng dậy niệm Phật, cung thỉnh ngài vào ngôi vị Chủ tịch Hội đồng Điều hành, Ngài đứng dậy vừa từ chối vừa khóc và than rằng:

... "Chính bản thân chúng tôi không nghĩ lại có ngày này và gánh lấy một khúc quanh nghiệt ngã của Phật giáo chúng ta. Chính trong thâm tâm chúng tôi khi đứng ra vận động để thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 1992 vừa qua, trong suốt một thời gian dài như thế, hùng mạnh như thế, cuối cùng anh em chúng ta nay lại phải ra đi. Lịch sử sẽ không tha thứ những ai đã tạo nên oan nghiệt của khúc quanh này..."

Lời phát biểu ngậm ngùi đã làm cho Đại hội phải nín thở.

Kể từ khi đến đất Hoa Kỳ để thừa hành Phật sự, bao nhiêu hy hiển không ngừng nhất là về mặt Văn hóa, dịch thuật và tạo lập cơ sở, đào tạo và bảo trợ Tăng Ni trẻ. Ngài đã hành xử với câu: Cô thân vạn lý du. Con người nhỏ thó. Vai mang đầy y bạc thếch với một bộ đồ nâu đã phai màu, lúi thúi lên xuống với những chuyến xe bus, với cuốn tự điển nhỏ loại bỏ túi đã mục bìa, một tập bản nháp thô sơ. Ngài Trí Chơn quả là con người kỳ bí. Có ai đó nói nặng hoặc không đàng hoàng với ngài, thì ngài nhoen miệng cười thay cho câu trả lời.

Hai ngài Đức Niệm và Trí Chơn, đúng là những bậc Bồ tát hóa thân, giáng trần độ chúng sanh. Giáng trần làm xong một số hạnh nguyện đã phát từ nhiều kiếp, giống như hoa Linh thoại đúng thời mới nở. Hạnh nguyện đã xong, người trước người sau quây gót đăng trình. Giờ này hai ngài đã đi xa và xa lắm. Thời gian thấm thoát tựa thoi đưa, nó đi mãi, có chờ chờ ai. Ngài Đức Niệm mười năm tròn, ngài Trí Chơn cũng đã hai năm. Hôm nay môn đồ pháp quyền và chư Tôn đức Tăng ni cung tựu trước Tổ đường Phật Học Viện Quốc Tế để làm lễ tưởng niệm công hạnh của hai ngài. Đúng là thời gian trôi qua mau, không chờ không hẹn.

Trước Tổ đường, hương trầm quyện, khói trầm bay, nhìn lên thấy di ảnh của quý ngài tiền bối, cận đại mà bản thân chúng tôi cảm thấy tê tái lòng; bởi vì, tự thân không làm nên những gì ra hồn. Thời thì cố giữ tâm bình thản, không phân tranh và cố gắng làm được những gì cho đời, cho đạo để không cô phụ Giáo hội và các bậc long tượng mà đã một thời có phước báo theo học, hoặc thân cận từng sự.

Nguyện cầu Nhị vị Trưởng lão Giác linh chứng giám.

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: “THE BLUEPRINT OF HAPPINESS” by Ven. ANOMA MAHINDA

Người dịch: HT. Thích Trí Chơn

ĐỨC PHẬT

Đức Phật không phải là đấng Thượng Đế hay nhà tiên tri của Thượng Đế. Ngài sinh ra, đã sống và từ trần như mọi người. Ngài không để lại trong giáo lý của Ngài bất cứ một giả thuyết nào. Sự diệt độ của đức Phật là nguồn hy vọng lớn lao nhất cho tương lai con người, bởi lẽ chúng ta không tìm thấy ở Ngài như một thần linh hay Thượng Đế, nhưng đức Phật là đấng đã chỉ bày ra cái đạo vô thượng mà con người có thể đạt tới. Chính đức Phật được công nhận như một nhân vật vĩ đại nhất chưa từng có từ trước đến nay; nhưng chỉ số ít người trong chúng ta có can đảm và quyết tâm hành động theo tấm gương cao cả của Ngài. Chúng ta có thể thực hiện điều này mà không trở thành Phật (mặc dù căn cứ vào Phật tánh, mỗi người đều có thể thành Phật) bằng cách đi theo con đường giải thoát mà chúng ta gọi là giáo lý (*Sasana*) của đức Phật, hay Phật Giáo đối với sự hiểu biết của người Tây Phương.

Chúng ta hãy tìm hiểu nhiều hơn về đức Phật, con người đã chiến thắng điều mà không ai dễ chiến thắng, thành tựu được điều khó ai đạt tới; và đã trao lại cho thế gian một kho tàng triết lý đang là ánh sáng dẫn đường cho phần lớn nhân loại, trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ. Đức Phật giáng sinh vào năm 623 trước tây lịch tại nước Ca Tỳ La Vệ (1), cách 100 dặm về hướng đông bắc thành phố Ba La Nại (2), dưới chân núi vĩ đại Hy Mã Lạp Sơn (3). Thành phố Ca Tỳ La Vệ xưa kia là kinh đô nhỏ của dòng họ Thích Ca (4) thuộc dân tộc Aryan (5), có cùng tổ tiên với các chủng tộc ở Âu, Mỹ và Úc châu ngày nay. Lãnh thổ hiện nằm trong biên giới của xứ Nepal.

Là con của một gia đình quý tộc, có đầy đủ hạnh phúc mà nhiều người không có, thái tử hưởng thụ cuộc sống đầy thú vui, mà đứa trẻ sinh ra trong gia đình cha mẹ giàu sang đều dễ dàng có được. Sau khi trải qua thời niên thiếu, và lớn lên thành một thanh niên, thái tử đã tưởng nghĩ đến nỗi đau của nhân loại, mà các triết thuyết bấy giờ xem đó như là điều không thể tránh khỏi được. Thái tử nhận thức rằng mặc dù sự phú quý và địa vị đã đem lại cho mình nhiều phúc lợi, so với hạng người kém may mắn; nhưng các điều ấy không thể giải thoát cho con người khỏi những đau khổ của sự sanh, già, bệnh, chết. Trong khi đương đầu với những vấn đề này, mọi thú vui tạm bợ của cuộc sống đã trở nên vô giá trị; và thái tử đã không những chỉ nghĩ đến phương cách giải thoát khỏi sự khổ đau, mà Người còn quyết tâm đi tìm phương pháp đó.

Thái tử không phải là nhân vật đầu tiên nhận thức được bản chất phổ quát của sự khổ đau, mà nhiều đạo sĩ vào thời đó, đều đã hoặc đang đi tìm cách thức chữa trị (bệnh khổ), nhưng từ xưa nay, không ai đạt kết quả. Với quyết tâm đi tìm đạo, thái tử đã từ bỏ cung điện, gia đình, chức vị, kho báu lên mình chiếc y vàng của một khất sĩ nghèo nàn,

một mình đi khắp nơi để tìm sự An Lạc Vĩnh Cửu.

Lúc mới sanh, thái tử tên là Cồ Đàm Tất Đạt Đa (*Siddhattha Gotama*), nhưng sau khi xuất gia, thái tử được gọi là đạo sĩ hay Cồ Đàm Khổ Hạnh. Cồ Đàm (*Gotama*) là họ của thân phụ thái tử. Thái tử đã không lùi bước trong khi thực nghiệm những phương pháp tu hành khổ hạnh buồn tẻ nhất, mà rất được người đời bấy giờ tán dương. Vào thời đó, người ta tin rằng kẻ nào trong kiếp này càng chịu nhiều khổ đau thì đời sau tái sinh họ càng được nhiều hạnh phúc, cho đến khi sự đau khổ chấm dứt.

Trải qua sáu năm dài mệt mỏi, thái tử đã đến tu học với đạo sĩ này rồi đạo sư khác; và mặc dù đã học hỏi rất nhiều, nhưng thái tử nhận thấy rằng giáo lý của họ không thể hướng dẫn đến mục đích mà thái tử đang đi tìm. Thái tử suy gẫm gần bỏ mạng do thiếu thức ăn, vì đã quá sức tu tập khổ hạnh và nhịn đói. Chính trong tình trạng tuyệt vọng này đã giúp cho thái tử nhận thức rằng nếu mục đích giải thoát chưa đạt tới, thái tử cần có sức khoẻ và nghị lực để đi tìm đạo. Thái tử đã trở lại ăn uống và cuộc sống bình thường, nhưng cũng vì thế, mà những bạn đồng tu với thái tử chán ghét, bởi họ nghĩ rằng, thái tử đã từ bỏ sự đấu tranh để đi tìm lại cuộc sống dục lạc.

Tuy nhiên, thực sự không phải như vậy. Mặc dù những đệ tử này đã rời bỏ thái tử, thái tử vẫn tiếp tục tinh tấn tìm đạo như trước. Chỉ có khác là về phương thức của cuộc sống, nên tránh sự tu hành quá ép xác khổ hạnh vô ích, mà còn làm hại cho sức khoẻ. Thái tử gọi nó là con đường ở giữa hay Trung Đạo (*Middle Path*). Bấy giờ thái tử một mình tiếp tục cuộc hành trình, thiền định, và suy tưởng đến mọi vật khi thái tử nghỉ ngơi. Không ai nhìn thái tử đang đi trên đường cắt bụi, hay ngồi dưới gốc cây bóng mát mà có thể đoán nghĩ rằng, không bao lâu nữa thái tử sẽ trải qua một biến cố lớn lao nhất trong lịch sử, và trình bày ra sự khám phá trọng đại nhất của nhân loại.

Thái tử tiếp tục đi cho tới khi đến một địa điểm rất đẹp và yên tĩnh gần Ưu Lâu Tần Loa (6), cạnh bờ sông Ni Liên Thuyền (7). Gần đó là một ngôi làng, thái tử có thể đi vào khất thực; và ở đây lại có một cây Tất Bát La (8) to lớn, dưới đó thái tử ngồi ẩn trú và tham thiền.

Giờ phút mà thái tử đi tìm từ lâu, bấy giờ đã đến; và dưới gốc cây này, trở thành cây Bồ Đề (9) hay cây Giác Ngộ; thái tử đã chứng Đạo Quả Vô Thượng và thành PHẬT hay Đấng Giác Ngộ. Do thành quả này, mọi cảnh rộng lớn của cuộc sống và triết học đã cùng lúc sụp đổ toàn bộ như những mảnh cây phổi hợp của trò chơi ráp hình. Đức Phật đã tìm ra Chân Lý cùng bản thể chân chính của Thực Tại và giáo pháp (*Dhamma*) của Ngài được mọi người biết đến cho sự giải thoát của nhân loại.

Suốt trong bốn mươi lăm năm đức Phật đã đi thuyết pháp, chỉ dạy và giáo hóa. Hàng nghìn dân chúng đã noi theo phương pháp sống hoặc trở thành

đệ tử của Ngài. Những người giàu, cao sang, thấp kém và nghèo khổ lũ lượt kéo nhau đến nghe đức Phật giảng pháp để tìm hạnh phúc và an lạc trong giáo lý của Ngài. Mặc dù nhiều người ủng hộ đức Phật là vua chúa và hoàng tử, nhưng Ngài vẫn không thừa nhận có giai cấp cao quý, trừ phi người đó có được đời sống đạo đức và thanh tịnh. Trong đoàn thể Tăng Già (*Sangha*) mà đức Phật thành lập, Ngài đã thu nhận vào như nhau không phân biệt hạng người quý tộc, buôn bán hoặc công nhân quét đường.

Vào năm tám mươi tuổi, đức Phật nhập diệt tại thành Câu Thi Na (10), kết thúc một đời sống với sự vô địch đấu tranh và vị tha phục vụ cho nhân loại. Không lâu sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, các đệ tử thân cận của Ngài đã kết tập lại những kinh điển, giáo lý, và luật giới của chư Tăng. Ban đầu, các kinh luật được (các đệ tử của đức Phật) duy trì bằng trí nhớ, nhưng về sau chúng được ghi chép lại nơi sách làm bằng lá buông (palm-leaf). Giáo pháp này được kính cẩn bảo trì và truyền lại qua nhiều thế kỷ. Ngày nay, Phật giáo được xem như một trong những nền văn học phong phú nhất thế giới; và phục vụ (nhân loại) như một đạo dẫn viên tin cậy chẳng khác gì Phật Giáo đã đóng góp ở thời xưa.

(còn tiếp)



THE BUDDHA

The Buddha was neither a god nor the prophet of a god. He was born, lived and died a man. He left no room in his teachings for any other supposition. The Buddha's mortality is man's greatest hope for the future, since in Him we have no deity or supernatural being, but One who showed the great heights to which a man could reach. He Himself has become acknowledged as the greatest man who ever lived, but few of us will possess the courage and determination to approximate His great example. Yet it is within the province of all of us to follow His Teachings and eventually attain the Goal of Sublime Peace. We can do this without becoming Buddhas ourselves, (although it is in the nature of everyman to become a Buddha), by following the Path of Deliverance which we call the Buddha Sasana, or as it is known among western people Buddhism.

Let us learn more about this man, who conquered what is least easily conquered; who attained

what is least easy to attain; and who left the world a treasure of philosophy which has been the guiding light for a great part of mankind and which has endured for more than twenty-five centuries. He was born about 623 BC, at *Kapilavatthu*, a hundred miles north-east of Benares, at the foot of the majestic Himalayas. The city of *Kapilavatthu* was once the small capital of the Sakya Clan, an Aryan people who had the same ancestors as the people of Europe, America and Australia claim today. The area now lies within the frontiers of Nepal.

The son of a noble family and having advantages denied to many, he enjoyed the pleasures of life which come easily to a child born of wealthy parents. After he passed the stage of boyhood and became a young man, his thoughts turned to the suffering of mankind which the philosophies of those days held to be inescapable. He realized that although wealth and position gave great advantages over less fortunate people, it could not save one from the sufferings of birth, disease, old-age or death. While confronted with this problem, the transient pleasures of life began to lose their value and he not only felt that there must be some way of escape from suffering, but he was determined to find it.

He was not the first to recognize the universal nature of suffering, for many in those days, had sought or were seeking for a cure, but none had ever been successful. With the determination, that he would seek and find, he renounced his home, family and position; and clad in the yellow robes of a penniless mendicant, wandered alone to find Eternal Peace.

At his birth he had been named Siddhattha Gotama, but after the renunciation, he became known as the Sage or Ascetic Gotama. Gotama was the family name of his father. He did not shrink from experimenting with the most painful and tedious practices which were so highly praised. It was the current belief that the greater the suffering endured during this life, the better would be the rebirth into the next, until suffering disappeared.

For six long weary years, he went from teacher to teacher, and though he learned much, he knew their doctrines could not lead him to the Goal he sought. The austerity and fasting were taken to the extreme limits until he nearly died for want of food. Even this desperate situation he turned to profit because it brought him to the realization that if the Goal was ever to be attained, he would need health and strength to do so. He reverted to a normal diet and a balanced mode of living, but in so doing, earned the disgust of his followers, for they considered him to have abandoned the struggle and to be seeking a life of luxury.

This, however, was far from the case. Although these disciples deserted him, he continued the search with as much intensity as before. The difference was a mode of living, which avoided extreme practices which were useless and even ruined the health. He called this the Middle way or the Middle Path. Now he was alone again but still he journeyed on and on meditating and thinking things over whenever he rested. None who saw him walking the dusty road or sitting beneath a shady tree could guess that he was soon to undergo the greatest event in history and unfold the most momentous discovery of mankind.

On, on he went, until he came to a quiet and beautiful spot near Uruvela on the banks of the Neranjara River. Nearby was a village where he could beg food and here also was a giant tree, of the species *Ficus Religiosa*, under which he sheltered and meditated.

The moment he had sought so long, now came, and beneath this tree, which became the Bodhi-tree or Tree of Awakening, he attained Supreme Enlightenment and became

the BUDDHA or Enlightened One. By virtue of this phenomenon, the vast panorama of life and philosophy, fell together like the interlocking pieces of a jig-saw puzzle, into one complete whole. He had realized Truth and the exact nature of Reality and the Dhamma or Law of life became known by man for the deliverance of mankind.

For forty five years He preached, counseled and instructed. Thousands followed His way of life or became His lay-followers. The rich and noble, the low born and the poor, flocked to hear Him preach and to find happiness and grace in his Teachings. Although many of His supporters were kings and princes, the Buddha recognized no nobility of caste except that which a man attained by his morality and purity. In the Sangha, or Order of Monks, which He founded, He admitted alike the nobleman, the merchant or scavenger.

At the age of eighty, the Lord passed away at Kusinara and so closed a life of unequalled struggle and unselfish service to mankind. Soon after His death, His immediate followers, collected together all the sermons, teachings and rules of conduct for the monks. At first these were preserved by memory but were later written down in palm-leaf books. These Teachings have been carefully preserved and passed down through the centuries. Today, they rank as some of the world's greatest literature and serve as an unflinching guide just like they have done in the past.

(to be continued...)

Chú Thích Của Dịch Giả:

1. **CA TỶ LA VÊ** (tiếng Pali: *Kapilavatthu*; tiếng Sanskrit: *Kapilavastu*): Nơi đức Phật đã ra đời vào thế kỷ thứ 7-6 trước tây lịch, là một trong những tiểu quốc của Ấn Độ thời xưa, dưới quyền trị vì của vua Tịnh Phạm (P; S, *Suddhodana*). Về vị trí địa dư, Ca Tỳ La Vê bấy giờ nằm dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn (Himalayas); hướng đông giáp hai vương quốc Vajji (P; S, *Vrjji*) và Ma Kiệt Đà (P; S, *Magadha*); hướng tây giáp nước Kiều Tát La (P, *Kosala*; S, *Kausala*); và phía bắc là sông Rohini làm ranh giới ngăn chia Ca Tỳ La Vê với xứ Câu Ly (P; S, *Koliya*). Ngày nay, Ca Tỳ La Vê (*Kapilavatthu*) được các nhà khảo cổ xác nhận thuộc làng Tilaurakota trong địa hạt Terai, xứ Nepal, một vương quốc nằm về phía đông bắc nước Ấn Độ, gần núi Hy Mã Lạp Sơn (Himalayas), trong vùng nam Á Châu.

2. **BA NA LẠI** (P; S, *Bārānaṣi*): Một trong những thành phố linh thiêng nhất của Ấn Độ. Thời Phật còn tại thế, có tên Bārānaṣi, là thủ đô của vương quốc Kasi, một trong 16 tiểu quốc của Ấn Độ thời xưa (xem chú thích 10). Ngày nay, Ba La Nại, dân chúng Ấn gọi là thành phố Varanasi, còn người Anh đọc là Benares, nằm trên bờ phía trái của sông Hằng (Ganga river) trong quận Varanasi, tiểu bang Uttar Pradesh, miền bắc Ấn Độ. Cách xa thành phố Ba La

Nại (Varanasi) khoảng sáu dặm (miles) là vườn Lộc Uyển (Sarnath), nơi đức Phật đã thuyết pháp đầu tiên "Tứ Diệu Đế" cho năm đệ tử xuất gia của Ngài.

3. **HY MÃ LAP SƠN** (Himalayas): Dãy núi cao nhất thế giới, trải dài 1,500 dặm (miles) xuyên qua những vùng từ đông bắc Hồi Quốc (Pakistan), Kashmir (miền bắc Ấn Độ), nam Tây Tạng (Tibet) đến các vương quốc Nepal, Sikkim và Bhutan. Rặng núi này được chia làm ba phần: khu Đại Hy Mã Lạp Sơn (Great Himalayas) nằm ở hướng bắc, tiếp đến Tiểu Hy Mã Lạp Sơn (Lesser Himalayas) và Ngoại Hy Mã Lạp Sơn (Outer Himalayas) nằm về phía nam. Trung bình đỉnh cao ở Đại Hy Mã Lạp Sơn là 20,000 feet, trong đó có đỉnh Everest cao nhất thế giới tới 29,028 feet. Ngoài ra còn có 11 ngọn núi khác với đỉnh cao độ 26,000 feet.

4. **THÍCH CA** (P, *Sakiya*; S, *Sakya*): Tên một bộ tộc thuộc dòng họ của đức Phật, sống vào thế kỷ 7-6 trước tây lịch tại nước Ca Tỳ La Vê (*Kapilavatthu*) gần chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Người cai trị bộ tộc này bấy giờ là vua Tịnh Phạm (P; S, *Suddhodana*) và hoàng hậu Ma Gia (P; S, *Maya*). Về tổ chức chính trị, thị tộc Thích Ca thời ấy theo chính thể Cộng Hòa (Republic). Dân chúng bầu lên một vị trưởng tộc, tiếng Ấn gọi là "Raja" (vua) để lãnh đạo trong nước. Mọi việc hành chính và pháp luật của thứ dân đều được mang ra bàn cãi và thảo luận ở đại hội với sự tham dự của mọi giới trẻ cũng như già tại một nơi gọi là "hội trường" được dựng nên thường chỉ có một mái che ở trên còn bốn phía để trống chứ không có tường vách. Hội trường này được xem như tòa nhà quốc hội hay nghị viện trong chế độ dân chủ của chúng ta ngày nay.

5. **A-RI-AN** (ARYAN): Danh từ "Arya", tiếng Phạn (Sanskrit) có nghĩa là cao quý (noble). Chúng tộc A-Ri-An thuộc giống dân Ấn-Đức (Indo-European) hoặc Ấn-Đức (Indo-Germanic) mà theo các học giả, quê hương chính gốc của họ là ở vùng Trung Á (Central Asia) hoặc Trung Âu (Central Europe). Dân A-Ri-An gồm có hai huyết hệ: Đông Huyết Hệ (Eastern Branches) gồm các dân tộc Ba Tư (Persia), A Phú Hãn (Afghanistan), Ấn Độ (Hindustan) và Tây Huyết Hệ (Western Branches) gồm các dân tộc ở Châu Âu, ngoại trừ dân Thổ Nhĩ Kỳ (Turks) và Hung Gia Lợi (Magyars).

Chúng tộc A-RI-AN (Aryan) xâm nhập Ấn Độ thuộc giống Ấn-Âu (Indo-European) khoảng vào năm 5000 trước tây lịch đến 1500 (trước T.L.) hoặc vào giữa năm 2500 đến 2000 trước tây lịch, và định cư đầu tiên tại vùng Punjab thuộc miền bắc Ấn Độ ngày nay. Phần đông dân chúng Ấn thuộc chúng tộc A-Ri-An (Aryan) đều theo Ấn Độ Giáo (Hinduism), chuyên thờ các đấng thần linh (Gods) như Brahma (Phạm Thiên), Thần Vishnu và Shiva.

6. **ƯU LÂU TÂN LOA** (P, *Uruvela*; S, *Uruvilva*): Danh từ "Uruvela" có nghĩa là "bãi cát lớn" (great sandbank). Ưu Lưu Tân Loa thời Phật còn tại thế là một thị trấn nhỏ nằm cạnh sông Ni Liên Thuyền (P, *Neranjara*) thuộc vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha), dưới quyền trị vì của vua Tần Bà Xa La (*Bimbisara*: 543-493 trước T.L.). Trước khi chúng đạo giác ngộ, đức Phật đã trải qua sáu năm tu khổ hạnh ở đây. Và cũng tại nơi này, đức Bồ Tát Tất Đạt Đa (P, *Siddhattha*; S, *Siddhartha*) khi chưa thành Phật đã nhận bát cháo sữa do tín nữ Tu Già Đa (Sujata) dâng cúng trong khi Ngài đang tu thiền định dưới gốc cây cổ thụ Ajapala.

Sau khi thành đạo và đến thuyết pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển (Sarnath), đức Phật đã trở lại Ưu

Lâu Tần Loa để hóa độ cho ba anh em ông Ca Diếp theo đạo thờ lửa là Uruvela Kassapa, Nadi Kassapa và Gaya Kassapa xuất gia tu hành và sau này cả ba vị đều chứng đắc quả A La Hán (P, Arahat; S, Arhat). Ưu Lâu Tần Loa (Uruvela) ngày nay tức làng Urel, cách xa sáu dặm thị trấn Gaya, trong quận Gaya, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ.



7. **NI LIÊN THUYỀN:** Thời Phật còn tại thế vào thế kỷ thứ 7-6 trước tây lịch, con sông có tên tiếng Pali "Neranjara" hay Sanskrit "Nairanjana" chảy ngang gần thị trấn Ưu Lâu Tần Loa trong vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha). Sông gồm hai nhánh Nilajana và Mohana, bắt nguồn gần vùng Simeria trong quận Hazaribad, tiểu bang Bihar (miền đông bắc Ấn). Vì giao điểm nơi hai nhánh sông gặp nhau có tên "Phalgu" nên người ta cũng gọi là sông Phalgu. Đây là con sông lịch sử thường thấy nhắc đến trong các kinh điển Phật Giáo Nam Tông.

Dòng sông này chảy ngang qua Ưu Lâu Tần Loa (Uruvela) có nước sạch, trong mát và nhiều bãi tắm rất tốt. Chính xưa kia, Bồ Tát Tất Đạt Đa đã để chiếc bình bát bằng vàng đựng cháo sữa do tín nữ Tu Già Đa (Sujata) dâng cúng trên bờ sông này. Và sau khi xuống sông tắm, dùng xong bát cháo, Ngài đã quăng bình bát xuống sông với lời nguyện rằng: "Ta sẽ trở thành bậc chánh giác nếu chiếc bát trôi ngược dòng sông". Đúng y như vậy, bình bát của đức Bồ Tát vừa ném xuống sông, nó đã trôi ngược dòng và ngày hôm sau, Ngài đã chứng đắc đạo quả vô thượng dưới cội Bồ Đề.

Sông Ni Liên Thuyền (Niranjana) ngày nay người Ấn gọi là "Lilajana". Dòng sông có một khúc dài gần một phần tám dặm (200 yards) chảy ngang qua trước chùa Đại Giác (Maha Bodhi) ở làng Buddha Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng), nơi đức Phật thành đạo trước kia, trong quận Gaya, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ. Dòng sông rộng khoảng ba phần tư dặm, gần như khô cạn quanh năm, biến thành một bãi cát trắng dài trong mùa hè và đông; chỉ đầy nước vào mùa mưa.

8. **CÂY TẤT BÁT LA:** Tiếng Hindi (Ấn Độ) và tiếng Nepal gọi là "Pipal"; tiếng Pali "Pipphala", có tên thực vật là "Ficus Religiosa". Loại cây này có liên hệ bà con với

giống cây sung (fig) được thấy trồng khắp nơi tại Ấn Độ. Vỏ cây màu xám, dày gần nửa inch. Lá cây mập tròn phía dưới và hẹp ở gần trên, cuống lá dài. Dân chúng Ấn, nhất là các tín đồ theo Phật và Ấn Độ Giáo rất kính trọng cây này. Họ không bao giờ chặt, cưa, bẻ nhánh cây làm củi, hái lá ăn hay có bất cứ hành động nào làm thương tổn đến thân cây, ngay cả đến việc nằm ngửa nghiêng bất kính dưới tàng cây họ cũng không dám.

9. **BỒ ĐỀ** (P; S, Bodhi): Bồ Đề có nghĩa là "Giác Ngộ". Cây Bồ Đề và cây Tất Bát La là một. Chính tại gốc cây này xưa kia, Bồ Tát Tất Đạt Đa (Siddhattha) sau khi ngồi thiền định 49 ngày đã chứng đạo giác ngộ. Từ đó cây Tất Bát La (Pipphala) được người ta gọi là cây Bồ Đề (Bodhi tree) hay "cây giác ngộ" (tree of enlightenment). Cây bồ đề hiện nay cao khoảng 100 feet và nằm về hướng tây, sát cạnh chùa Maha Bodhi (Đại Giác). Chùa này do vua A Dục (Asoka: 273-232 trước T.L.) của Ấn Độ dựng nên

vào thế kỷ thứ ba trước tây lịch nhằm ghi dấu nơi đức Phật đã thành đạo hơn 2500 năm trước tại làng Buddha Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng), nay thuộc quận Gaya, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ.

Theo tài liệu ghi chép trong tập "Tây Du Ký" (Si Yu Ki) của ngài Huyền Trang (Hiuen Tsiang), một danh tăng Trung Hoa sang Ấn Độ tu học vào năm 629-645, cho biết cây Bồ Đề đã bị vua A Dục (khi ông chưa quy y Tam Bảo); vua Sasanka (năm 606 sau tây lịch) và vua Mihiragule (năm 500 sau T. L.) theo Ấn Độ giáo ra lệnh triệt hạ, đốt cháy nhiều lần, nhưng vẫn không hủy diệt được. Tương nên biết rằng cây Bồ Đề hiện nay chúng ta trông thấy khi đến chiêm bái thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng (Buddha Gaya) không phải là cây Bồ Đề gốc xưa khi lúc đức Phật còn tại thế, mà theo nhà khảo cổ Anh Quốc, ông Al-exander Cunningham (1814-1893) thì đó chỉ là cây con chiết nhánh từ cây mẹ; và nó đã được trồng đi trồng lại ít nhất đến hai mươi lần kể từ thời đại vua A Dục (thế kỷ thứ ba trước tây lịch) đến nay.

Năm 1811, Dr. Buchanam Hamilton đến thăm viếng cây bồ đề thấy vẫn còn xanh tốt, và ông phỏng chừng nó đã sống qua 100 năm. Ông A. Cunningham đến thăm cây Bồ Đề năm 1861 và sau đó năm 1871, cho biết trong vòng 10 năm, các nhánh chính và thân cây Bồ Đề đã bị hư hại, mục nát nhanh chóng. Vào năm 1876, một trận bão lớn đã làm cây Bồ Đề gãy ngã, và tại nơi cây Bồ Đề cũ người ta trồng lại một nhánh mới, và nó đã sống từ ngày ấy cho đến nay (1991) được 120 tuổi thọ.

10. **CÂU THI NA** (P, Kusinàra; S, Kusinagara): Là thị trấn nơi đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn (viên tịch) trong rừng Sa La (Sala) vào năm 543 trước tây lịch.

Vào thời trước khi đức Phật ra đời, Kusinàra có tên gọi là Kusavati. Theo kinh Maha Sudassana trong bộ Trường A Hàm (Digha Nikaya) và kinh Đại Bát Nết Bàn (Mahaparinibbana Sutta), đức Phật thuyết cho biết kinh thành Kusavati xưa kia dưới quyền trị vì của vua Maha Sudassana, có chiều dài từ đông sang tây 12 yojana hay do tuần (bằng 84 dặm) và rộng từ bắc đến nam 7 do tuần (49 dặm) với bảy thành lũy, bốn cổng và bảy con đường lớn trồng toàn những cây kê, thốt nốt (Palm trees).

Thời đức Phật còn tại thế, Kusinàra là thủ đô của xứ Mạt La (P; S, Malla), một trong 16 tiểu quốc của Ấn Độ ngày xưa gồm có: 1) Anga; 2) Magadha; 3) Kasi; 4) Kosala; 5) Vajji; 6) Malla; 7) Ceti; 8) Vamsa; 9) Kuri; 10) Pancala; 11) Maccha; 12) Surasena; 13) Assaka; 14) Avanti; 15) Gandhara và 16) Kamboja. Theo học giả Anh Quốc, giáo sư

Rhys Davids (1843-1922), xứ Mạt La bây giờ nằm về phía đông nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) thuộc dòng họ Thích Ca (Sakyas) và hướng bắc xứ Vajji của bộ tộc Licchavi hay Ly Xa (nay là thành phố Besarh, quận Muzzaffapur, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ).

Ngày nay, Kusinàra (Câu Thi Na) nằm cách ba cây số hướng tây nam thành phố Kasia thuộc quận Deoria trong tiểu bang Uttar Pradesh (miền bắc Ấn Độ) là một trong những thánh tích Phật Giáo quan trọng, mỗi năm có hàng nghìn du khách Phật Tử khắp nơi trên thế giới đến chiêm bái hành lễ v.v...

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

CHỌN LỰA CON ĐƯỜNG RA ĐI

Thích Chúc Đại

Cuộc sống luôn thay đổi từng ngày, từng giờ và trong từng sát na. Đứng trước sự thay đổi đó, con người luôn hướng về phía trước, luôn đi về phía trước để tìm kiếm cho mình hạnh phúc. Nhưng trong cuộc ra đi ấy, có người lên đường mang theo bao nỗi buồn nhớ nhung; có người mang theo bao hy vọng gởi vào nơi xa xôi; có người ra đi vì tìm cầu chân lý; có người ra đi mang theo hạnh nguyện vĩ đại để lên đường. Ở đây, chúng ta hãy cùng thảo luận về sự ra đi của Phật giáo.

Ngược dòng lịch sử, cách đây hơn hai ngàn năm có một cuộc lên đường làm chấn động muôn loài, làm vỡ tan bao thành kiến, bao tư tưởng cổ hủ thời bấy giờ. Người ra đi ấy mang theo thông điệp của hòa bình, thông điệp của trí tuệ, thông điệp của sự giải thoát để gởi tặng cho tất cả mọi người. Có thể nói đây là cuộc ra đi mang ý nghĩa rất lớn cho nhân loại, không chỉ cho nhân loại ý nghĩa sống, mà còn chỉ cho nhân loại con đường sáng ở phía trước, con đường ấy là đoạn tận khổ đau, chứng ngộ giải thoát.

Lịch sử cũng ghi nhận rằng, sau cuộc ra đi của người thầy vĩ đại này, là sự tiếp nối của những người học trò ưu tú, thông qua lời dạy tha thiết: "*Này các Tỳ kheo, hãy lên đường thuyết pháp vì hạnh phúc, vì an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người.*"⁽¹⁾ tiếp nối lời huấn từ của thầy, bao đệ tử đã lên đường, mà trong đó tiêu biểu là hình ảnh ra đi của Tôn giả Xá lợi Phất. Trong kinh Trung A Hàm đã ghi lại rằng: "*Này Xá Lợi Tử, Thầy hãy đi đến nơi theo ý muốn. Những người nào chưa được hóa độ hãy khiến cho được hóa độ. Những người nào chưa được giải thoát hãy khiến cho họ được giải thoát. Những người nào chưa chứng Niết-bàn hãy cho chứng đắc Niết-bàn. Này Xá Lợi Tử, Thầy hãy đi đến nơi nào theo ý muốn.*"⁽²⁾ Như vậy, ở đây chúng ta thấy sự ra đi của Tôn giả Xá lợi Phất là ra đi để đem lại an lạc cho đời, đem lại hạnh phúc cho cuộc đời, làm đẹp cho cuộc đời, làm thăng hoa cuộc sống bằng chất liệu của giải thoát. Thiết nghĩ, chỉ có chất

liệu ngọt ngào của giải thoát mới là chất liệu mà chúng ta cần trong cuộc sống với bao nhiêu biến đổi thăng trầm này.

Ai trong chúng ta không khỏi bùi ngùi xúc động khi nhìn thấy hình ảnh một vị tăng sĩ quần trên mình một chiếc y màu vàng, một bình bát, thong dong bước vào đời, để truyền trao năng lượng của tình thương, của tuệ giác cho dù phải mất thân mạng vô thường này. Lịch sử Phật giáo ghi nhận rằng, Phú Lâu Na Tôn giả vì tinh thần hoằng dương Phật Pháp, mang hạnh phúc vào đời, vượt qua bao sự khó khăn, bao giông bão của cuộc đời, cho dù phải chịu đánh đập, chịu hủy báng mạ lỵ, chịu sự chê cười của người đời... bất chấp tất cả chỉ với một tâm niệm duy nhất bên người là hướng dẫn mọi người trở về bến giác, nơi đó chính là sự an lạc chân thật của cuộc sống.⁽³⁾ Phải chăng hình ảnh này là cảm xúc cho sự dạy dỗ của chư Tổ trong văn cảnh sách. "*Phàm là người xuất gia khi cất bước lên đường là hướng về một phương trời siêu tuyệt, với tâm nguyện và hình dung thoát tục, nhằm phát huy và làm rạng rỡ hạt giống của giòng Thánh, nhiếp hóa và hàng phục ma quân để trên có thể đền đáp bốn ân nặng, dưới có thể cứu độ ba đường khổ.*"⁽⁴⁾

thể cứu độ ba đường khổ."⁽⁴⁾

Ngoài ra, trong Tap A Hàm, kinh số

1078 đã ghi lại cuộc đối thoại của vị thiên tử với vị tỳ kheo, kinh đã chép rằng, vào một buổi sáng tinh sương, vị tỳ kheo xuống tắm rửa bên bờ sông, bờ sông với tên gọi Tháp Bồ, và cũng tại bờ sông này thiên tử đã gặp vị tỳ kheo sau khi tắm rửa, khoác sơ một cái y đợi thân khô. Thiên tử nhìn thấy vị tỳ kheo, không ngần ngại tiến về phía trước và hỏi vị tỳ kheo trẻ: "Ông

trẻ tuổi xuất gia, tươi trắng, tóc đen, đang ở vào lứa tuổi tráng thịnh đẹp đẽ. Đáng nên hưởng thụ ngũ dục, trang nghiêm chuỗi ngọc, xúc dầu thơm, đeo tràng hoa, tự vui sướng với năm dục. Nhưng sao bây giờ lại trái với người thân, quay lưng với thế tục, khiến họ phải khóc lóc biệt ly; cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà? Sao lại bỏ cái vui hiện tiền mà tìm cái lợi phi thời?" Vị Tỳ-kheo liền đáp: "Tôi không xả bỏ cái lạc hiện tại, để tìm cầu cái lạc phi thời. Thật sự chính tôi đang xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền." Và Thiên tử tiếp tục hỏi Tỳ-kheo: "Thế nào là xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền?" Với câu hỏi này, vị Tỳ-kheo trả lời như thế này: "Như Thế Tôn nói, dục là phi thời, vị ngọt ít mà khổ nhiều; ít lợi nhiều nạn. Tôi nay trong các pháp hiện thực đã là sự thiêu đốt, chẳng đợi thời tiết, hay tự thông đạt, hiện tiền quán sát, duyên tự tâm mà tri giác. Này Thiên tử, như thế gọi là xả bỏ cái lạc phi thời, được niềm lạc hiện tiền." Sau khi nghe những lời trả lời của vị tỳ kheo trẻ, thiên tử muốn hiểu tường tận về vấn đề này, nhưng



do sự tu học có hạn, tỳ kheo đã giới thiệu thiên tử đến gặp Thế Tôn tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà. Tại nơi đây bậc giác ngộ đã giải nghi những nghi lầm và dạy dỗ thiên tử, qua bốn đoạn kệ tụng sau:

- Kệ tụng 1: "Chúng sanh theo ái tưởng
Do ái tưởng mà trụ
Vì chẳng biết rõ ái
Nên thẫn chết tùy tiện".
- Kệ tụng 2: "Nếu biết ái được yêu
Ở đó không sanh yêu.
Người không có sự này
Người khác không thể nói".
- Kệ tụng 3: "Ai thấy: bằng, hơn, kém
Ắt có ngôn luận sanh.
Ba việc chẳng khuynh động,
Không yếu mềm, trung, thương".
- Kệ tụng 4: "Đoạn ái và danh sắc
Trừ mạn, không ràng buộc
Tịch diệt, đừng sân nhuế
Lìa kết, bật dục vọng
Chẳng thấy nơi trời, người
Đời này và đời khác".

Chúng ta nhận được gì từ thông điệp của bài kinh trên, thế gian này đã có biết bao người luôn quan niệm và tư duy rằng, cuộc sống là phải hưởng thụ: Hưởng thụ tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, quyền uy thế lực, vợ đẹp con xinh v.v... và họ cũng chủ trương rằng, những dục lạc của đời thường này, là chất xúc tác tạo nên hạnh phúc ngay trong hiện đời này. Cho nên, họ vẫn thường nghĩ rằng người xuất gia là người không biết hưởng thụ, quay lưng với hạnh phúc, vẫy tay chào cuộc đời và tách ly cuộc đời. Tuy nhiên, đối với bậc trí, tất cả những thú vui đó chỉ là căn nguyên của khổ đau, chỉ là gốc rễ của tội lỗi, chỉ là giềng mối của sinh tử trầm luân, dẫn chúng ta đi qua đi lại giữa luân hồi này. Với ý thức như vậy, tư duy quán chiếu như vậy, nên các bậc trí đã chọn cho mình một con đường đi, con đường đó là con đường hạnh phúc, con đường thẳng lạc, con đường của hiện pháp lạc trú.

Tóm lại, trong cuộc sống, chúng ta có quyền lựa chọn cho mình một sự ra đi, nhưng thiết nghĩ đi theo hướng của sự tu tập, dẫn lối về đường giải thoát, vượt thoát trầm luân là có ý nghĩa tuyệt vời nhất trong cuộc đời này.

Chúng ta hãy cùng nắm tay nhau đi qua bên kia bờ giác, nơi ấy có suối ngọt của cam lồ, có chất liệu của trí tuệ, có hoa trái của từ bi, và có cả sự viên mãn của Niết Bàn tịch tĩnh.

Ghi chú:

- 1) *Kinh Đại Bản, Trường Bộ Tập 1*, Đại tạng kinh Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991, tr.502.
- 2) *Kinh Trung A Hàm*, quyển 5, Xá Lợi Tử Tương Ứng Phẩm, Kinh Sư Tử Hống, Đại chánh 01, Trang 452.
- 3) *Kinh Tạp A Hàm*, quyển 13, kinh số 311, Đại tạng kinh 02, trang 89.
- 4) *Quy Sơn Cảnh Sách Chú*, quyển 1, Tục tạng 63, trang 227.
Truy Môn Cảnh Huấn, quyển 1, Đại chánh 48, trang 1043.



Tình Xuân Ca

*Giữa đời mưa nắng phù vân
Ta nghe cát bụi hôn xuân đi về;
Đá mòn in dấu sơn khê
Thiền quang rực sáng giữa quê hương này.*

*Không gian có triệu đường bay
Trong ta xuân triệu tháng ngày rong chơi;
Bao la xuân giữa đất trời
Xuân bao la giữa nụ cười hạo nhiên.*

*Xuân tâm vạn đại bình yên
Xuân hoa cánh bướm bay quên lối về;
Loanh quanh bướm hẹn hoa thê
Xuân đời thế đó, ta về với ta!*

*Chấp tay chào vạn thiên hà
Trong ta đã có hằng sa xuân rồi;
Trong từng hơi thở thanh thoi
Trong câu niệm Phật xuân vời vợi duyên.*

*Xuân xưa xanh mượt trắng huyền
Xuân nay sáng đẹp trăm miền thế gian;
Cỏ thơm sâu bướm cười khan
Cánh chim hồng hạc vượt ngàn mù sương;*

*Nghêu ngao khúc hát diệu thường
Hát chân thường giữa vô thường thế gian;
Tình ca xuân ngập nắng vàng
Xuân ca tình hát diệu đàn vô chung.*

Xuân – Quý Ty - 2013

**TUỆ NGUYỄN
THÍCH THÁI HÒA**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

KIÊU MẠN LÀ GÌ?

Phạm Công Thiện

(Bài này trích từ chương 4, tác phẩm “Làm thế nào để Trở thành một vị Bồ-tát Sáng rực Khắp Mười phương?” của Cư sĩ Nguyễn Tân-h - Phạm Công Thiện do Nxb. Viên Thông ấn hành)

Bốn điều khiến cho lụi mất trí huệ của Bồ Tát đều liên hệ mật thiết với nhau: Vì không tôn trọng Phật Pháp, cho nên không kính trọng Pháp sư, cho nên giữ lại Phật Pháp thâm sâu và làm chướng ngại cho những kẻ vui sướng tu hành, cho nên có lòng kiêu mạn và khinh thường hạ thấp người khác. Hoặc cũng có thể hiểu từ điều thứ tư (kiêu mạn) trở lui đến điều thứ nhất (không tôn trọng Phật Pháp); vì có lòng kiêu mạn cho nên không tôn trọng Phật Pháp và tôn kính Pháp sư.

Kiêu mạn là gì?

Kiêu khác với *mạn*; *kiêu* có liên hệ với những cái mình đang có tạm thời, còn *mạn* có liên hệ tới những gì mình không có mà tưởng rằng mình có. *Kiêu* và *mạn* gọi chung là *kiêu mạn* để nói lên thái độ tâm thức về những cái mình đang có tạm thời và sẽ mất (kiêu), và về những gì mình không có mà vọng tưởng rằng mình có. Hai thái độ (kiêu và mạn) đều xuất phát từ cái vọng tưởng về sự xác nhận: “tôi là” (như “tôi hiện là thế”, “tôi bằng ngang với...”, “tôi thấp thua đối với...”, “tôi lớn cao hơn đối với...”)

Trong *kinh Phúng Tụng* (Sangiti Sutta) đức Phật đã dạy rằng có ba điều gọi là *kiêu*:

I. *Vô bệnh kiêu* (arogya-mado; kiêu ngạo về sức khỏe lành mạnh của mình)

II. *Niên tráng kiêu* (yobbana-mado; kiêu ngạo về tuổi trẻ của mình)

III. *Hoạt mệnh kiêu* (jivita-mado; kiêu ngạo về đời sống sinh tiền của mình)

“Vô bệnh kiêu”, “niên tráng kiêu”, “hoạt mệnh kiêu” là những điều đang tạm có đó nhưng sẽ mất. Mình đừng nên tự phụ và khoe khoang rằng mình không bệnh, rằng mình còn trẻ, rằng mình đang sống, vì tất cả đều vô thường. Ba điều “kiêu” này khiến mình làm điều ác về thân, khẩu và ý, để rồi “sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào cõi dữ, đọa xứ, địa ngục”; cũng vì ba cái “kiêu” này mà kẻ tu hành đã “từ bỏ Phật Pháp và trở lui lại đời sống thế tục” (*Anguttara Nikaya*, Kinh Bộ Tăng Chi, chương Ba, tiết 39).

Còn về *mạn*, đức Phật dạy rằng có ba mạn:

I. *Thẳng mạn* (*atimana*; tự phụ cho rằng mình cao quý hơn...);

II. *Đẳng mạn* (*māna*; tự phụ cho rằng mình bằng ngang như...);

III. *Tỳ liệt mạn* (*omāna*; tự phụ cho rằng mình kém thua...).

Theo *kinh Phúng Tụng* (Sangiti Sutta), đây là ba hình thức của *mạn*:

a) “Tôi tốt đẹp hơn...” (“seyyo’ham asmiti” vidha...)

b) “Tôi ngang bằng với...” (“sadiso’ham asmiti” vidha...)

c) “Tôi tệ thua đối với...” (“hino’ham asmiti” vidha...)

Kinh luận Phật giáo thường nói đến ba mạn, bảy mạn và mười hai mạn, nhưng tất cả đều xuất xứ từ *ngã mạn* (Asmimāna).



Trong *kinh Thủ Lăng Nghiêm* (quyển 9) có liệt kê ra bảy mạn (thất mạn):

I. Mạn (māna: hơn ít mà tưởng hơn nhiều)

II. Ngã mạn (asmimāna: tưởng mình tài giỏi, khinh thường kẻ khác)

III. Tà mạn (mithyamāna: ngạo vì chấp trước tà kiến)

IV. Quá mạn (abhimāna: bằng mà tự cho là hơn hoặc thua mà cho là bằng)

V. Mạn quá mạn (manatimāna: thua nhiều mà tự cho là hơn)

VI. Tăng thượng mạn (adhimāna: chưa chứng đạo mà tự cho chứng đạo)

VII. Tỳ liệt mạn (unamāna: thua nhiều mà cho là thua ít hoặc không thua; có ít lại khoe nhiều)

Chúng ta cũng có thể hiểu bảy cái *mạn* một cách cụ thể rõ ràng trong những trường hợp khác như vậy:

a) Thấy tướng mình cao siêu hơn một người nào đó kém thua mình;

b) Thấy tướng mình cao siêu hơn một người nào đó ngang hàng với mình;

c) Thấy tướng mình cao siêu hơn một người nào đó cao siêu hơn mình;

d) Thấy tướng mình có bản ngã cao siêu hơn mọi người về nhiều phương diện (cá tính, màu da, vị thế xã hội, quốc tịch, giáo dục, văn vân);

e) Thấy tướng mình cao siêu về những đức tính mà mình tưởng rằng mình đạt được nhưng thực ra đó chỉ là tướng tượng;

f) Thấy tướng mình cao siêu vì tự cho rằng mình ngang hàng hay gần ngang hàng với những kẻ quá vĩ đại hơn mình đến một trời một vực, chẳng hạn cho rằng mình ngang hàng với Phật, với chư Đại Bồ Tát, với những bậc Đại Thánh Tăng, Đại Sư Trưởng, Đại Thiên Sư hay Đại Ví Nhân, vân vân.

g) Thấy tướng mình cao siêu vì tưởng rằng mình hơn người qua những tài vật, như kiêu anh hùng rơm qua những thành công có tính cách thế tục như đào hoa, truy lạc, buôn lậu, thể thao, săn bắn, đánh bạc, du côn, đàng điếm hay bất cứ mảnh khoe bị bợm nào khả dĩ qua mặt và lường gạt người khác.

Có một điều dễ nhận rõ ràng: bất cứ kẻ nào còn có một chút mảy may kiêu ngạo thì không bao giờ có thể học được Phật Pháp một cách đúng đắn; tu hành chứng nhập những giáo lý cơ bản ở ngay bước đầu hành trình cần phải dẹp trừ tính kiêu căng, khinh mạn, tự phụ, tự cao, tự đại.

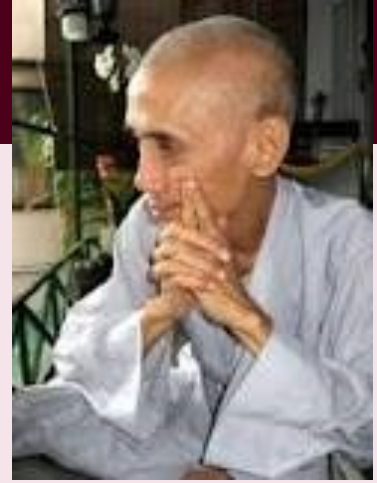
Kiêu mạn làm dơ bản tâm thức và đóng chặt lại trí óc. Một Phật tử kiêu mạn là người phá hoại Phật Pháp, và một thầy Tỳ kheo kiêu mạn là kẻ chỉ mang danh hiệu “Tỳ kheo” mà thực chất thì tệ hại hơn kẻ phàm phu tục tử, vì chính sự kiêu mạn trong hàng tăng chúng sẽ đưa Phật Pháp đến chỗ tiêu diệt. Đó là lý do mà đức Phật đã nêu ra về sự thối thất trí huệ của bậc Bồ Tát: “Không tôn trọng Phật Pháp, không kính Pháp sư, kiêu mạn tự cao, và khinh bỉ, làm thấp hèn kẻ khác.”

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Thay lời dẫn cho thơ của Phạm Công Thiện TRÊN TẤT CẢ ĐỈNH CAO LÀ LẶNG IM

Tuệ Sỹ

LTS: Đây chỉ là "Lời Dẫn" ngắn cho một thi phẩm. Ngắn nhưng cô kết cả một đời 70 năm của nhà thơ rợn rùng nhất và cũng lặng im nhất trong số những nhà thơ kỳ tuyệt của nền thi ca Việt Nam. (VH)



Anh đã ra đi từ đó, từ thời buổi hỗn mang. Trong từng khoảnh khắc sát na, từng quãng liên tục vi tế của hạt bụi, anh từ chối chính mình. Khi mọi người ca tụng anh như một thiên tài, anh vất bỏ thần tượng để đi như một tên lãng tử vô lại. Khi người đời khinh miệt, khi những người thân yêu thù ghét, căm hận, anh đốt lửa soi đường độc hành bằng ánh sao Mai lẻ loi.

Đã đi thì đã đi rồi.

Bước chân thoát chớm khởi hành ấy đã vấp phải âm vang địa chấn của Long Thọ:

gataṃ na gamyate tāvad

agataṃ naiva gamyate/ MK. ii. 1a

Có gì trong những bước đi, và còn gì trong những bước đi? Chỉ một khoảng ngăn cần vượt qua, khoảng ngăn được đo bằng chính tự ngã của ta. Anh nhảy qua hố thẳm. Hố thẳm như là, vì chính là, ý hướng tính của ta phóng xuất ra đó; bóng tối của thời gian tích tụ ảo ảnh ngưng tụ của tuổi trẻ. Anh nhảy qua hố thẳm, nhảy qua cái bóng của chính mình. Những bước nhảy vẽ thành chuỗi thất bại liên tục trong đời, trong dòng tương tục vô hạn của thời gian, lan tràn qua biên độ vô biên của thế giới:

Đã đi mất hẳn đi rồi

Hạ phương tịch tịch trùng khơi phong kiêu



Cái đã đi, một cái gì đó vô nhân, vô ngã, đã đi qua trong tôi, trong người, trong đầu đó, hữu biên và vô biên, hữu hạn và vô hạn; cái đã đi ấy chưa hề được thực hiện, chưa hề được đi. Khoảng khắc đột nhiên ngưng lại. Quá khứ biến mất. Cái đã đi, cái tôi nào đó đã đi, con đường nào đó đã được đi, ngày tháng nào đó đã trải đi; thời gian và thế gian ngưng tụ, ngưng đọng. Không quá khứ; phóng ảnh vị lai chợt dừng lại, như bị đẩy lùi lại sau,

đẩy lui vào quá khứ, rồi biến mất. Câu chân ngôn xuất hiện:

Oṃ ga ga ṇa: An nga nga nāṅg.

oṃ sarva-saṃskāra-parisuddha dharmate gaganā samudgate svabhāva:

Hết thảy hiện tượng thảy đều thanh tịnh, tự tánh xuất hiện trong hư không pháp tánh!

Ồ, hư không! Hư không hủy diệt. Tìm dấu chim bay trong hư không:

Có còn gì nữa mà thương.

...

Sắt son tình cũ ...

Người anh yêu, một phương trời mất dấu; như sợi lông thiên nga phất phơ trong không gian rực lửa. Lửa soi sáng trái tim, trong đó hiện hình Thiên nữ. Thiên nữ chuyển thân thành Thánh mẫu Bồ tát Cứu Độ Đa-la:

An Ā La tịch tịch hồng.

Oṃ tātā tuttāre ture svāhā

Những giọt nước mắt từ khóe mắt Đại Bi của Bồ tát Quán Thế Âm rơi xuống; giọt nước mắt hiện thân thành Thánh nữ Đa-la. Ngài hiện thân sức mạnh để dẫn người khốn khổ vượt qua khỏi những tai họa hiểm nghèo. Tai họa bởi nước cuốn, bởi thú dữ, cũng như bởi sự phản bội của người tình. Bởi vì Tāra có nghĩa là Cứu độ.

Từng âm thanh mật ngôn như những ánh sao lấp lánh – bởi Tara cũng có nghĩa là Ngôi Sao, mờ nhạt nhưng có đủ uy lực để đưa người đến chỗ an toàn. Tara, hay Tāra, Mẹ của Đại Bi và Đại Trí, luôn nhìn xuống những đứa con ngu xuẩn, và yếu đuối, đang lang suốt cả đêm dài trên mặt đất hoang vu.

Bài thơ có năm đoạn, hay một thiên thơ có năm bài, đi theo nhịp bước chân của Bát-nhã: *gate – gate – paragate – parasāṅgate – svāhā!* Hoặc vô tình, hoặc cố ý, để cho cảm xúc từ những hoài vọng tiếc nuối quá khứ, đã đi và đã mất, diễn theo từng đợt sóng xô. Người lữ hành bước đi, từng con sóng của đại dương cuốn theo, xóa sạch từng dấu chân đi. Lưu lại trong khách ảo ảnh tiền thân, phảng phất mùi hương, và sắc màu quá khứ không phai nhạt.

yathā māyā yathā svapno

gandharvanagaraṃ yathā/

tathotpādas tathā sthānaṃ

tathā bhaṅga udāhṛtam // MK. vii. 35

Như huyền tượng, như chiêm bao, như thành phố giữa hư không, cũng vậy, những gì xuất hiện, tồn tại, rồi hủy hoại.

Đã đi rồi đã đi chưa

Thượng phương lựa trắng đong đưa giữa trời.

ĐỨC PHẬT VỚI NHỮNG NGƯỜI TRẺ TUỔI TRONG KINH TRUNG A HÀM

Thích Phước An

Mỗi khi đọc Lại-Tra-Hòa-La trong kinh Trung A Hàm* thì lúc nào tôi cũng liên tưởng đến nhân vật Siddharta trong tác phẩm *Câu Chuyện Dòng Sông* của Hermann Hesse (do Phùng Khánh và Phùng Thăng dịch). Và tôi vẫn nghĩ rằng thế nào thì Hermann Hesse cũng có đọc Trung A Hàm, vì đọc tiểu sử của văn hào Đức từng đoạt giải Nobel Văn chương vào năm 1946 này thì ta được biết rằng cha của Hermann Hesse đã từng sống ở Ấn Độ trong ba năm với tư cách một nhà truyền giáo và quan trọng hơn nữa là cha của mẹ ông là tiến sĩ Hermann Gundert, một người rất thông thạo về tư tưởng Ấn Độ lại có cả một thư viện lớn về Ấn Độ học. Tiểu sử cũng cho biết rằng Hermann Hesse đã từng chôn vùi tuổi trẻ của mình trong thư viện này.

Dù chi tiết có nhiều điểm khác nhau nhưng Lại-Tra-Hòa-La và Siddharta có điểm giống nhau là cả hai đều sanh ra trong gia đình quý tộc của xã hội Ấn Độ đương thời.

Nếu Hermann Hesse đã để cho nhân vật chính của mình là Siddharta mỗi lần dạo bước qua phố phường với vầng trán vương giả đã khiến cho các cô gái quý tộc Bà La Môn thấy lòng mình rộn lên niềm yêu thương thì Lại-Tra-Hòa-La cũng thế, khi các bạn biết Lại-Tra-Hòa-La có ý định từ bỏ gia đình để theo chân Đức Phật thì các bạn đã khuyên Lại-Tra-Hòa-La như thế này:

"Lại-Tra-Hòa-La con trai cư sĩ, người bạn mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngời trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao? Lại-Tra-Hòa-La, bạn hãy mau đứng dậy sống với đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-Tra-Hòa-La, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng khó hơn." Và cũng như Siddharta của Hermann Hesse đã phải cầu xin cha nhiều lần để được rời gia đình theo các Sa Môn nhưng lần nào cũng bị cha từ chối, Siddharta phải áp lực cha mình bằng cách quỳ suốt đêm cho đến khi nào cha chấp thuận thì mới đứng dậy. Cuối cùng cha của Siddharta đã miễn cưỡng chấp nhận để Siddharta ra đi. Cũng vậy, Lại-Tra-Hòa-La cũng phải khẩn khoản cầu xin cha mẹ đến những ba lần với lời thưa thốt thiết như thế này:

"Thưa cha mẹ, như con biết đối với giáo pháp mà Đức Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền toái, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con ở trong chánh pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo." Và cả ba lần Lại-Tra-Hòa-La đều bị từ chối với lí lẽ "Lại-Tra-Hòa-La, cha mẹ chỉ có một mình con hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì con sống mà lìa xa lìa, không nhìn thấy được mặt sao?"

Và cuối cùng cũng như Siddharta của Hermann Hesse, Lại-Tra-Hòa-La đã phải áp lực cha mẹ bằng

cách "liền vật mình xuống đất rồi nói: Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con ở trong chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo". Cứ như vậy Lại-Tra-Hòa-La "trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày, nhiều ngày không ăn." Dù đã hết lời năn nỉ, nhưng Lại-Tra-Hòa-La lại lặng im không đáp. Sau đó, cha mẹ Lại-Tra-Hòa-La phải nhờ bà con và cả các quan lại địa phương đến khuyên bảo nhưng Lại-Tra-Hòa-La vẫn nằm im bất động. Cuối cùng, phải nhờ đến các bậc thiện tri thức và bạn bè nhưng vẫn không lay chuyển được ý chí sắt đá của Lại-Tra-Hòa-La. Sau cùng các vị thiện tri thức đưa ra đề nghị với cha mẹ Lại-Tra-Hòa-La: "Hai bác nên cho Lại-Tra-Hòa-La ở trong chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu anh thích sống như vậy, thì ngay trong đời này còn có thể gặp nhau. Nếu anh ấy chán cảnh sống nơi ấy thì tự nhiên sẽ trở về lại với cha mẹ. Bây giờ nếu không cho anh ấy đi, nhất định anh ấy sẽ chết, không nghĩ ngờ gì nữa, như thế có ích gì?" Và cha mẹ Lại-Tra-Hòa-La không còn cách nào hơn là phải đồng ý với đề nghị này và "Lại-Tra-Hòa-La nghe vậy, vui mừng khôn tả, hân hoan, sinh ái, sinh lạc, bèn đứng dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, liền rời khỏi thôn Thâu-Lô-Tra, đi đến chỗ Phật cúi sát chân Phật và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, cha mẹ đã cho con ở trong pháp luật này, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỷ Kheo."

Và cuối cùng thì có sự khác nhau giữa Siddharta của Hermann Hesse và Lại-Tra-Hòa-La của Trung A Hàm là, Siddharta sau khi đã gặp Đức Phật thì Siddharta biết chắc rằng đây là con người vĩ đại đầu tiên và cũng là cuối cùng mà mình đã gặp. Thế nhưng Siddharta vẫn phải từ giã Đức Phật để ra đi tìm kiếm trong cô độc, còn Lại-Tra-Hòa-La thì chấp nhận ở lại dưới cái bóng vĩ đại ấy.

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La sau khi xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Ngài đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cao bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là chỉ cầu hoàn thành vô thượng phạm hạnh, ở ngay đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trú, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa."

Khoảng mười năm sau khi đắc quả giải thoát, một hôm Lại-Tra-Hòa-La chợt nhớ đến cha mẹ và lời hứa năm xưa nên Lại-Tra-Hòa-La xin Đức Phật trở về lại quê quán để thực hiện trọn vẹn lời hứa đó. Được Đức Phật cho phép, Lại-Tra-Hòa-La liền lên đường trở về quê. Khi Lại-Tra-Hòa-La về đến làng thì

trời đã tối nên Lại-Tra-Hòa-La quyết định nghỉ qua đêm tại khu vườn Thi Nhiếp Hòa nằm phía Bắc thôn Thâu-Lô-Tra.

Sáng hôm sau, như thường lệ, Lại-Tra-Hòa-La đắp y mang bình bát vào làng để khất thực. Lại-Tra-Hòa-La nhớ lại lời căn dặn của Đức Phật là khi đi khất thực thì không được phân biệt giàu nghèo, mà phải thứ tự từ nhà này sang nhà khác. Khi Tôn Giả Lại-Tra-Hòa-La đến trước cửa nhà mà Tôn giả đã sanh ra và lớn lên thì



“lúc ấy cha của Tôn giả đứng trong cửa, đang chải tóc cạo râu thì chợt thấy một Sa môn mang y bát bước vào thì ông lập tức quát mắng một cách thậm tệ: “Sa môn trọc đầu này bị quỷ đen trời chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con hết sức thương yêu, chiều chuộng, lòng những quyến luyến không thể nào kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất - đừng cho nó ăn”.

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La nghe cha mình chửi mắng như vậy thì vội vàng bỏ đi nhưng “lúc đó người nô tì trong nhà xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đồng rác” thì Lại-Tra-Hòa-La liền lên tiếng: “Này cô em, nếu đồ ăn thiu thối này đáng bỏ đi thì nên bỏ vào bình bát của tôi, tôi sẽ ăn.” Trong khi đồ đồ ăn vào bình bát người nô tì chợt nhận ra rằng, đây không phải là một Sa môn nào xa lạ, mà chính là Lại-Tra-Hòa-La con của ông chủ nhờ cô nhận ra bàn tay và đôi chân nhất là giọng nói.

Lập tức người nô tì vào nhà báo cho ông chủ mình biết, ông chủ mừng quá nhưng khi ra đến nơi thì “thấy Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La đang ngồi quay mặt vào vách ăn đồ thiu thối” mà người nô tì vừa đổ vào bình bát cho Tôn giả.

Khi nhìn thấy cảnh xót xa này thì người cha liền lên tiếng: “Lại-Tra-Hòa-La con, người con rất mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường ăn thức ngon. Tại sao nay con lại ăn đồ thiu thối như thế này? Và vì lẽ gì con đã về đến thôn Thâu-Lô-Tra này mà không về nhà cha mẹ.”

Tôn giả trả lời bằng cách nhắc lại lời chửi bới của người cha khi Tôn giả đứng trước cửa nhà mình: “Thưa cư sĩ, con đã vào nhà cha, nhưng không được bố thí mà lại còn bị rửa xà rằng “Sa môn trọc đầu này bị quỷ đen trời chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta, ta có một đứa con hết sức thương yêu chiều chuộng lòng những quyến luyến không kể xiết thế mà nó dẫn đi mất, đừng cho nó ăn”. Con nghe như vậy nên vội vàng bỏ đi.

Khi nghe con mình nhắc lại những lời đau đớn này thì người cha liền xin lỗi và mời Lại-Tra-Hòa-La vào nhà rồi bảo vợ lo cơm nước để đãi Lại-Tra-Hòa-La. Nhưng khi cơm nước xong, mẹ của Lại-Tra-Hòa-La không mời con mình ăn mà “bà liền mang tiền bạc ra để giữa nhà một đồng lớn. Đồng tiền lớn đến nỗi một người đứng bên này, một người đứng bên kia không trông thấy nhau. Dồn một đồng lớn xong bà đi đến trước mặt Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La nói:

“Đây là phần tiền của mẹ, còn phần tiền của cha con thì nhiều vô lượng trăm ngàn, không thể tính được. Nay giao hết cho Lại-Tra-Hòa-La con, con

nên xả giới bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bỏ thi, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Vì cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng khó hơn”.

Nhìn đồng vàng bạc Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La muốn thưa với mẹ mình một lời nhưng không biết mẹ mình có đủ bình tĩnh để đón nhận một sự thật mà đối với những người đang tham đắm như cha mẹ mình có chịu nhận ra sự thật hay không? Nhưng rồi cuối cùng Lại-

Tra-Hòa-La vẫn quyết định nói lên sự thật dù sự thật đó có làm đau lòng cha mẹ mình đến đâu đi nữa. Lại-Tra-Hòa-La cẩn thận thưa trước với mẹ:

“Con nay có một điều muốn nói, mẹ có chịu nghe không?”

Bà mẹ đáp:

“Này con, có điều gì con cứ nói, mẹ sẵn sàng lắng nghe.”

Tôn giả lễ phép thưa với mẹ:

“Mẹ nên may bao vải mới, đựng đầy tiền, dùng xe chở đến sông Hằng, đổ xuống chỗ sâu. Vì sao vậy? Vì do tiền này làm cho con người lo khổ, sầu thương, khóc lóc, không được an vui.”

Thấy tiền bạc không dụ dỗ được thì bà bèn dùng nữ sắc bằng cách xúi giục những người vợ cũ của Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La đến quyến rũ Tôn giả. Bà bày mưu tính kế cho các cô dâu cũ của mình: “Các con ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc. Trước khi trang điểm thân thể, thử ngọc ngà mà Lại-Tra-Hòa-La lúc ở nhà rất ưa thích, dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi các con cùng nhau đến Lại-Tra-Hòa-La, mỗi đứa ôm chân mà nói rằng: “Không biết Hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho Hiền lang bỏ tôi để tu hành phạm hạnh vì nàng?”

Các cô dâu cũ sau khi làm theo lời dặn của mẹ chồng nghĩa là trang điểm sửa soạn rồi thì đồng loạt đến trước Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La ôm chân Tôn giả mà nhắc lại lời mẹ chồng đã bày.

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La nghiêm chỉnh đáp lại lời các cô vợ cũ của mình rằng:

“Này các cô em, các cô nên biết, tôi không vì thiên nữ mà tu phạm hạnh. Sở dĩ tôi tu phạm hạnh là để đạt được quả vị giải thoát. Nay tôi đã đạt được mục đích ấy. Những điều Phật dạy, nay tôi đã làm xong.”

Mặc cho các cô vợ cũ trách móc, Lại-Tra-Hòa-La quay sang phía cha mẹ mà thưa rằng:

“Thưa cư sĩ, nếu có thí cơm đúng giờ thì nên thí, tại sao phải làm phiền với nhau?”

Cha mẹ Lại-Tra-Hòa-La liền đứng dậy đích thân mời Lại-Tra-Hòa-La thọ thực. Sau khi thọ thực xong, Lại-Tra-Hòa-La bèn dùng Vô Lượng Phương Tiện để thuyết pháp cho cha mẹ. Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, Lại-Tra-Hòa-La nói lên bài kệ như thế này:

*Hãy nhìn hình bóng trang sức này
Trần bảo ngọc ngà và các thứ
Tóc uốn lượn buông xuôi phía hữu
Nốt ruồi xanh, mắt kè, mi dài
Trò dối trá gạt người si dại
Nhưng lừa sao được kẻ sáng bờ!*

Với bao nhiêu gấm vóc lụa là
Mong làm đẹp thân hình xú uế
Trò dối trá gạt người si dại
Nhưng lừa sao được kẻ sáng bờ!
Và bao nhiêu hương liệu bôi xoa
Chăm chăm điểm phấn vàng son đỏ
Trò dối trá gạt người si dại
Nhưng lừa sao được kẻ sáng bờ!
Áo tịn điều trang hoàng thân thể
Những nguyên hình huyền hoặc còn trơ
Trò dối trá gạt người si dại
Nhưng lừa sao được kẻ sáng bờ!
Khi nài đã đập tan lưới bẫy
Và phá tung cổng nhốt một đời
Ta bỏ lại miếng mồi, đi mất
Ai yêu gì trời buộc thân nài.

Vậy là chỉ trong một bài tụng ngắn gọn Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La đã nói lên tất cả cái lỗi bịch mà cha mẹ của Tôn giả đã bày trò từ khi Tôn giả bước vào nhà cho đến khi Tôn giả ra đi.

"Kinh nói rằng sau khi nói xong bài tụng Lại-Tra-Hòa-La đã "dùng như ý túc nương hư không mà đi". Tôn giả về lại rừng Thâu-Lô-Tra, đi vào rừng, trải ni-sư-đàn ngồi kiết già dưới gốc cây Tì Hê Lặc.

Việc Lại-Tra-Hòa-La một người trẻ tuổi giàu có đi theo Đức Phật chẳng những đã gây xúc động lớn trong dân chúng ở thôn Thâu-Lô-Tra mà còn cả đến vị vua đang cai trị ở vùng đất này có tên là Câu-Lao-Bà nữa. Khi nghe tin Lại-Tra-Hòa-La đã về lại nguyên quán Câu-Lao-Bà rất đổi vui mừng liền ra lệnh các thợ săn hãy đi tìm Lại-Tra-Hòa-La đang dừng chân ở đâu, để Câu-Lao-Bà đến thăm viếng. Những người thợ săn sau khi dò biết Tôn giả đang ở trong rừng Thâu-Lô-Tra, trải tọa cụ ngồi kiết già dưới cây Tì-Hê-Lặc thì nhà vua lập tức truyền lệnh sửa xa giá để tự mình đích thân đến rừng Thâu-Lô-Tra yết kiến Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La.

Khi thấy vua Câu-Lao-Bà đến nơi, Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La nói:

"Đại vương, nay đến đây, muốn ngồi đâu tự nhiên ngồi thì ngồi, có được chăng?"

Vua Câu-Lao-Bà đáp:

"Hôm nay, tuy tôi đến bờ cõi của mình, nhưng ý tôi muốn thiện nam tử Lại-Tra-Hòa-La mời tôi ngồi".

Tôn giả liền mời vua Câu-Lao-Bà:

"Đây có chỗ ngồi riêng, xin mời đại vương ngồi".

Sau khi đã ngồi xuống, nhà vua liền nói lên sự thắc mắc của mình về việc xuất gia học đạo của Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La. Nhà vua hỏi:

"Có phải Ngài vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo chăng? Nếu vì không có tài vật nên sống đời học đạo thì nay Lại-Tra-Hòa-La trong nhà của Câu-Lao-Bà vương giả này có nhiều tài vật, tôi sẽ xuất tài vật cho Lại-Tra-Hòa-La, khuyên Lại-Tra-Hòa-La xả giới bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, tùy ý

tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Lại-Tra-Hòa-La, giáo pháp của Thế Tôn rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn".

Tôn giả Lại-tra-Hòa-La sau khi nghe xong, nói rằng:

"Đại vương, nay bằng sự bất tịnh mà mời tôi, không phải bằng sự thanh tịnh mà mời."

Vua Câu-Lao-Bà hỏi lại:

"Tôi phải làm sao để thỉnh mời Lại-Tra-Hòa-La bằng sự thanh tịnh không phải bằng sự bất tịnh?"

Tôn giả đáp:

"Đại vương, nên nói như thế này: "nhân dân trong nước tôi an ổn, sung sướng, không có việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có nô dịch, lúa gạo đầy đủ, khát thực dễ dàng, Lại-Tra-Hòa-La sống trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp. Đại vương, nói như vậy gọi là bằng sự thanh tịnh mà mời tôi, không phải bằng sự bất tịnh mà mời."

Như vậy, qua câu nói của Lại-Tra-Hòa-La ta thấy rằng A La Hán (của Tiểu thừa) hay Bồ Tát (của Đại thừa) đều không có gì



khác nhau nghĩa là cả Tiểu thừa và Đại thừa đều đặt sự an lạc của chúng sanh trên sự an lạc của riêng mình. Nói cách khác, ngày nào còn có một chúng sanh đau khổ, bị ngược đãi hay bị đối xử một cách hà khắc thì ngày đó các bậc A La Hán hay Bồ Tát đều không thể an nhiên hưởng bất cứ sự an lạc riêng tư nào cho chính bản thân mình.

Việc một thanh niên trẻ tuổi từ bỏ giàu sang phú quý để theo Đức Phật đã khiến vua Câu-Lao-Bà phải đi đến quyết định là

nhà vua thấy có bốn phạm phải lên tiếng bác bỏ tất cả những luận điệu xuyên tạc mà xã hội Ấn Độ đương thời đã nêu ra đối với những người trẻ tuổi như Lại-Tra-Hòa-La:

"Lại nữa, Lại-Tra-Hòa-La có bốn trường hợp suy vi, do suy vi nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, sống không gia đình học đạo. Những gì là bốn? Đó là bệnh suy, lão suy, tài sản suy, và thân tộc suy."

Sau đó vua Câu-Lao-Bà đã giải thích rõ ràng từng trường hợp và đi đến kết luận người thanh niên trẻ tuổi Lại-Tra-Hòa-La không có bất cứ một trường hợp suy vi nào trong bốn trường hợp trên:

"Lại-Tra-Hòa-La, thế nào là bệnh suy? Hoặc có người thường xuyên bị bệnh, bệnh tật rất nặng, quá đau đớn, người ấy nghĩ rằng: "Ta trường kỳ bị bệnh, bệnh tật rất nặng, quá đau đớn. Ta thật có dục vọng nhưng không sống đời dục lạc được. Nay ta cạo bỏ râu tóc (...). Đó gọi là bệnh suy."

"Lại-Tra-Hòa-La, thế nào là lão suy? Hoặc có người tuổi già, các căn đều suy yếu, tuổi thọ gần hết, ta thật có dục vọng, nhưng không thể sống đời dục lạc được, ta nay nên cạo bỏ râu tóc (...). Đó gọi là lão suy."

"Lại-Tra-Hòa-La, thế nào tài sản suy? Hoặc có người bản cùng cô thế, người ấy nghĩ rằng: "Ta bản cùng cô thế, nên phải cạo bỏ râu tóc (...). Đó gọi là tài sản suy."

"Lại-Tra-Hòa-La, thế nào gọi là thân tộc suy?"

Hoặc có người bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai, người ấy nghĩ rằng: "Ta nay bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc (...). Đó gọi là thân tộc suy."

Và vua Câu-Lao-bà xác nhận một nữa rằng, Lại-Tra-Hòa-La không có bất cứ một sự suy vi nào trong bốn trường hợp suy vi trên:

"Lại-Tra-Hòa-La, khi xưa không bệnh hoạn, an ổn trọn vẹn, đường tiêu hóa điều hòa, không lạnh không nóng, bình chánh an lạc, thuận hòa không tranh chấp. Do đó, các thứ đồ ăn dù mềm hay cứng đều được dễ dàng tiêu hóa, an ổn. Như vậy Lại-Tra-Hòa-La chẳng phải vì bệnh suy mà cạo bỏ râu tóc..."

"Lại-Tra-Hòa-La, khi xưa vào tuổi niên thiếu, tóc đen óng mượt, thân thể khỏe mạnh, rồi xướng ca tấu nhạc, mặc tình thỏa thích. Lại chứng diện thân thể, thường thích dạo chơi. Lúc ấy bà con không ai muốn để Ngài xuất gia học đạo, cha mẹ khóc lóc, lo sầu cũng không muốn Ngài lìa bỏ gia đình. Nhưng Ngài đã cạo bỏ râu tóc..."

"Lại-Tra-Hòa-La ở trong thôn Thâu-Lô-Tra này, về phần tài vật, gia đình Ngài là đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng, như vậy Lại-Tra-Hòa-La không vì tài sản suy mà xuất gia học đạo."

"Lại-Tra-Hòa-La ở trong thôn Thâu-Lô-Tra này, các bà con giàu có đều còn sống. Như vậy Lại-Tra-Hòa-La không phải vì thân tộc suy mà đi học đạo."

Như vậy, vì nguyên nhân nào khiến Lại-Tra-Hòa-La quyết định từ bỏ tất cả để xuất gia học đạo? Đây là lời giải thích của chính Lại-Tra-Hòa-La cho vua Câu-Lao-Bà:

"Này đại vương, Thế Tôn là đấng đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã thuyết giảng bốn sự. Tôi chấp nhận điều ấy, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều ấy, nên tôi tự nguyện sống không gia đình học đạo."

Những gì là bốn?

"Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa. Thế gian này nhất thiết phải đi đến sự già nua. Thế gian này không thường, cần phải bỏ đi. Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái."

Vua Câu-Lao-Bà hỏi:

"Lại-Tra-Hòa-La, như ngài vừa nói "thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa". Nhưng Lại-Tra-Hòa-La tôi có con, cháu, anh, em, bè đảng, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thầy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị, dũng mãnh như vương tử, lực sĩ, lại có người xem tướng, có kẻ bày mưu, có người tính toán, có kẻ thông hiểu điển sách, có người giỏi đàm luận, có quân thần, có quyền thuộc, người trì chú, kẻ biết chú, bất cứ phương nào có sự khủng bố thì có kẻ chế phục, ngăn cản. Nếu như Lại-Tra-Hòa-La nói "thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa" thì này Lại-Tra-Hòa-La nói như thế có nghĩa là gì?"

Lại-Tra-Hòa-La đáp:

"Đại vương, bây giờ tôi hỏi Ngài xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời, Đại vương thân này có bệnh không?"

Vua Câu-Lao-Bà đáp:

"Lại-Tra-Hòa-La, nay thân này của tôi thường có phong bệnh."

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La hỏi:

"Đại vương, khi phong bệnh bộc phát rất trầm trọng, rất đau đớn, thì này đại vương, lúc ấy có thể bảo bọn con cháu, anh em, họ hàng thân thích, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thầy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị, dũng mãnh

Huân tập

thơ

*tôi lặn qua nẻo đời kia
thấy ai phong độ tình mê bao tình
nụ tình kín hết đường lên
mà tình tôi cứ mông mênh gọi người
tình ai chảy giọt ly bôi
chảy trong chung thủy có lời ngoa ngôn
chảy từ xương cốt hao mòn
lời ra có tự lưu tồn lời vô
tôi lặn tám hướng bốn mùa
xác thân chênh lệch giữa bờ quạnh hiu
neo vào thân thức ít nhiều
phiêu ca rơi rụng chút rêu xanh lòng
tôi về hỏi chuyện thời không
ở em và những long đong không thời.*

PHÙ DU

như vương tử, lực sĩ, Bát La Khiên Đề, Ma Ha Năng Già, kẻ xem tướng, kẻ bày mưu, người tính toán, kẻ thông hiểu điển sách, người giỏi luận đàm, quân thần, quyền thuộc, kẻ trì chú, người biết chú rằng: "Các người hãy đến, tạm thời thay thế ta chịu sự khổ sở đau đớn để ta khỏi bệnh, an lạc, được chăng?"

Vua Câu-Lao-Bà đáp:

"Không thể được. Vì sao vậy? Tôi tự gây nghiệp, nhân bởi nghiệp, duyên bởi nghiệp, riêng một mình tôi chịu khổ đau đớn."

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La lại nói:

"Đại vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy rằng: "Thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa. Tôi muốn nhả lạc điều đó, tôi thấy, tôi nghe, hiểu biết điều đó nên quyết chí xuất gia học đạo."

Vua Câu-Lao-Bà lại nói rằng:

"Này Lại-Tra-Hòa-La, tôi cũng muốn nhả lạc điều đó. Vì sao vậy? Thế gian này quả thực không được bảo vệ, không đáng nương tựa."

Vua Câu-Lao-Bà lại hỏi:

"Như Lại-Tra-Hòa-La đã nói "Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua". Lại-Tra-Hòa-La nói như thế có nghĩa là gì?"

Tôn giả đáp:

"Đại vương, bây giờ tôi hỏi Ngài xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Lúc đại vương còn hai mươi bốn tuổi hay hai mươi lăm tuổi thì như thế nào? Khi ấy sự nhanh nhẹn như thế nào đối với ngày nay? Khi ấy, gân sức, hình thể, nhan sắc như thế nào đối với ngày nay?"

Vua Câu-Lao-Bà đáp:

"Khi tôi hai mươi bốn hay hai mươi lăm tuổi, tự nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, gân sức, hình thể, nhan sắc không ai hơn tôi. Lại-Tra-Hòa-La nay tôi đã

già nua, các căn lụn bại, mạng sống sắp chấm dứt, tuổi đã tám mươi, đâu có mạnh khỏe như xưa”.

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La lại nói tiếp:

“Đại vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy rằng “thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua” tôi muốn tiếp nhận điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên quyết chí xuất gia học đạo.”

Vua Câu-La-Bà nói:

“Như Lại-Tra-Hòa-La đã nói: “Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua” tôi cũng tiếp nhận điều đó. Vì sao vậy? Vì thế gian này quả thật tất cả đều đi đến chỗ già nua.”

Nhà vua lại hỏi tiếp:

“Như Lại-Tra-Hòa-La đã nói: “Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi”. Lại-Tra-Hòa-La nói như vậy có nghĩa là gì?”

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi Ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương, có phải nước Câu-Lâu-Sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng cũng dồi dào không?”

Vua Câu-La-Bà đáp:

“Đúng vậy!”

“Đại vương, có nước Câu-Lâu-Sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, nếu thời gian đã đến, không thể nương tựa, chịu đựng sự tan vỡ, tất cả đời này đều đi đến chỗ diệt vong, lúc đó nước Câu-Lâu-Sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, có thể từ đời này sang đời sau không?”

Nhà vua đáp:

“Không được. Vì sao vậy? Tôi phải đơn độc, cô thân, không bạn bè, từ đời này cho đến đời sau.”

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La lại nói:

“Thế cho nên đức Thế Tôn dạy rằng: “Thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi”. Tôi muốn nhận lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo”.

Vua Câu-La-Bà lại nói:

“Như Lại-Tra-Hòa-La đã nói: “Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi”. Tôi cũng muốn nhận lạc điều đó. Vì sao? Vì thế gian này quả thật vô thường, cần phải bỏ đi”.

Vua Câu-La-Bà lại hỏi:

“Như Lại-Tra-Hòa-La đã nói: “Đại vương, thế gian không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của tham ái”. Lại-Tra-Hòa-La, nói như thế có nghĩa là gì?”

Tôn giả đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi Ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Có nước Câu-Lâu-Sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào phải không?”

Nhà vua đáp:

“Đúng vậy!”

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La lại hỏi:

“Có nước Câu-Lâu-Sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào. Nếu có một người từ Phương Đông đến, đáng tin nhiệm, không lừa dối, nói với vua rằng: “Tôi từ Phương Đông đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có, an vui, nhân dân đông đúc. Đại vương, có thể đánh chiếm đoạt của cải, nhân dân, lực dịch nước ấy. Vua có thể đi đánh chiếm nước ấy không?”

Nhà vua đáp:

“Lại-Tra-Hòa-La, nếu tôi biết có nước nào giàu có của cải, nhân dân đông đúc, lực dịch như vậy, nhất định tôi sẽ đi đánh chiếm nước đó.”

“Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương

Bắc cũng như vậy. Từ bờ biển lớn, nếu có một người đến đáng tin nhiệm nói với vua rằng: “Tôi từ bờ biển lớn đến đây, thấy nước đó vô cùng giàu có, nhân dân đông đúc, an lạc. Đại vương, có thể chiếm đoạt của cải, nhân dân, lực dịch nước ấy. Vua muốn đi đánh chiếm nước ấy không?”

Vua Câu-La-Bà đáp:

“Lại-Tra-Hòa-La, nếu tôi biết có nước nào giàu có của cải, nhân dân, lực dịch như vậy, nhất định tôi sẽ đi đánh chiếm nước đó.”

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La lại hỏi:

“Đại vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy rằng: “Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của tham ái” tôi muốn nhận lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên tôi quyết chí xuất gia học đạo”

Vua Câu-La-Bà lặp lại:

“Như Lại-Tra-Hòa-La đã nói: “Đại vương, thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, làm tôi tớ của tham ái”. Tôi muốn nhận lạc điều đó. Vì sao? Vì thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của tham ái.”

Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La nhắc lại:

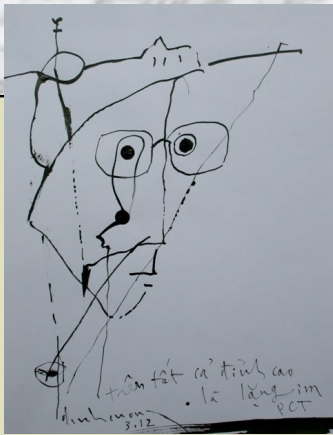
“Đức Thế Tôn là đấng đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nói cho tôi nghe bốn điều này. Tôi muốn nhận lạc điều đó nên quyết chí xuất gia học đạo.”

Thì ra, những lời than thở của vua Câu-La-Bà với Tôn giả Lại-Tra-Hòa-La đệ tử của Đức Phật tại một khu rừng Thâu-Lô-Tra ở Ấn Độ cách đây đã 25 thế kỉ: “Khi tôi còn hai mươi bốn tuổi hay hai mươi lăm tuổi, tự nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, gân sức, hình thể, nhan sắc, không ai hơn tôi. Lại-Tra-Hòa-La, tôi nay đã già nua, các căn đã lụn bại, mạng sống sắp chấm dứt, tuổi đầy tám mươi, đâu còn mạnh khỏe như xưa.” Vẫn không có gì thay đổi, đối với số phận bi thảm của con người, dù con người đã lên được Mặt Trăng, và đang chuẩn bị đổ bộ lên sao Hỏa và các hành tinh khác nữa. Nhưng chắc chắn con người sẽ vẫn tiếp tục than thở như Câu-La-Bà đã từng than thở nếu mỗi người trong chúng ta không tự làm một cuộc cách mạng trong chính tự bản thân của mình. Cuộc cách mạng tự thân ấy phải bắt đầu từ đâu?

(còn tiếp một kỳ)

(*) Trung A Hàm, toàn bộ 3 tập, Tuệ Sỹ dịch, NXB Phương Đông và Thư quán Hương Tích phát hành 2009.





Đoạn ghi từ biệt GaGa ⁽¹⁾ thắp cây hương cho Phạm công Thiện

ĐINH CƯỜNG

En ce monde bouleversé je ne vis plus que dans le souvenir (Paul Klee)

Khi Nguyễn xuân Hoàng từ San José
điện thoại báo tin Phạm công Thiện đã chết
tôi đang ăn múi cam mà ghen
buổi chiều mưa mù trời, lại tiếng còi tàu ứa nước
mắt
loanh quanh tìm lại kỷ niệm
những năm xưa mịt mù xa vắng
Thiện đi xe hơi con nhà giàu ở Mỹ Tho
(sau này phá sản lên xây nhà ở Finom bên đường đi
Đà Lạt)
lên Sài Gòn thường ghé thăm tôi ở Tân Định
đêm tối xuống ra nhà may Can của Ninh Chữ (2)
đường Tự Do, có căn gác nhỏ lên đó ngồi chơi
rồi qua phòng trà Tự Do cách một ngã tư
có cả Tuấn Huy mà Thiện đã viết
lá thư mở đầu *Y thức mới trong văn nghệ và triết
học* (3)

*Huy, suốt đời tôi chắc chắn không bao giờ tôi quên
được*

*đôi mắt ướt lệ của một nàng ca sĩ mà chúng mình
đã nhìn thấy vào một đêm mưa tầm tã trong một
phòng trà mở tối ở Saigon ...*

Những giọt nước mắt của Thanh Thuý giọng hát mù
sương (4)

Huy nhớ không, Tuấn Huy tác giả *Ngày vui qua mau*
bây giờ đang ở Costa Mesa, California
người bạn luôn thủ những viên thuốc ngủ và thích
ngồi nhìn lung

xuống dòng sông Thiện nhắc trong lá thư
như nhắc đến Trịnh khắc Hồng, người bạn luật sư
trẻ tuổi

đã mất năm nào, lá thư ghi Nha Trang, tháng 6 năm
1963

và tôi đã vẽ bìa cho nhà xuất bản An Tiêm của
Thanh Tuệ

một con ngựa xám đang tung vó giữa trời
khi bị con rắn năm sinh của Phạm công Thiện cắn,
Thiện khoái chí

Cuốn sách tôi mua lại được nơi hàng sách cũ
trước nhà thương Từ Dũ

trong phần cuối, thư gửi cho Nietzsche
Sau khi đã phá hoại đến cùng cực... Đi vào im lặng
Chào Dionynos Philosophos

Trên tất cả đỉnh cao là lặng im (5)

Thư quán Hương Tích in ở Sài Gòn
Thầy Tuệ Sỹ nhờ tôi đem về mấy quyển
giao cho Thiện, chỉ có một người liên lạc được
với Thiện ở Houston ...còn thì lặng im

Bây giờ thì

Đã đi rồi đã đi chưa

Thượng phương lụa trắng đông đưa giữa trời

Đã đi mất hẳn đi rồi

Hạ phương tịch tịch trùng khơi phong kiều (6)

Ngọn lửa tịch tịch đã tắt

nhớ xưa trên căn gác nhà Thanh tuệ ở Lý thái Tổ
Bùi Giáng gặp Nguyễn đức Sơn và Phạm công
Thiện

cả ba mặt trời như muốn nổ tung
làm Bửu Y phải can, tôi thì nhìn xuống con hẻm
chờ kêu mua mấy chén chè xôi nước
các ngài ăn cho ngọt giọng rồi cười

Ôi làm sao nhớ hết thời xa xưa ấy
thời Thiện ở dưới căn phòng nhỏ tầng hầm
đường Yagut, mê mãi viết Saroyan

Đà Lạt nay tên đường vẫn vậy tôi ghé qua
muốn chụp tấm ảnh đưa về Thiện xem mà không
kịp nữa

Ơi Hoài Khanh đang còn ở Biên Hoà tóc bạc phơ
nhớ đêm giáng sinh nào lên Đà Lạt thăm Thiện
Ơi Hoàng trúc Ly khuất mặt những câu thơ Thiện
ngợi ca

bởi Thiện là thi sĩ là hoạ sĩ lạ lùng kia đã đi qua
rồi

đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất (7)

Thiện đã về Thiện đã tới.

Virginia, March 10.2011
(hopluu.net)

Ghi chú:

1) "ông tự đặt tên là GaGa

gọi cô gái nhỏ là BinBin

chiều ba mươi Tết làm thơ lạ

gà tre nhỏ cùng bông mồng gà"

(4 câu trong bài thơ Thư Cho Cô Nhỏ Mừng Một
Tết, Việt Báo Xuân – California 2011)

2) Nhà thơ Ninh Chữ tên thật Tạ văn Ân, sinh
năm 1938 tại Hà Nội, mất sau 1975 tại Sài Gòn. 4
tập thơ đã xuất bản: Tuổi đời 1962, Miền lưu đày
1963, Tầm gửi 1964, Ngôn ngữ 1968.

3) An Tiêm xuất bản Sài Gòn 1965.

4) ...Xin chiều mưa biên giới hỡi Thanh Thuý xin
chiều mưa biên giới

Phù hộ tôi đêm nay. Xin chiều mưa biên giới...
(Phạm công Thiện – *Bay đi những cơn mưa phùn*,
Phạm Hoàng Xuất bản, Sài Gòn 1970, trang 195)

5) Nhà xuất bản Văn Hoá Sài Gòn, Thư quán
Hương Tích, 2009

6) *Trên tất cả đỉnh cao là lặng im* (bài Đi, đoạn 2,
trang 22)

7) Trần Thi xuất bản California 1988.

HÌNH ẢNH LỄ GIỖ TỔ HÀNG NĂM TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA, VÀO NGÀY MỪNG 2 TẾT (11.02.2013)



Photos: Dzung Nguyễn

**HÌNH ẢNH LỄ GIỖ TỔ HÀNG NĂM TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA,
CALIFORNIA, VÀO NGÀY MỪNG 2 TẾT (11.02.2013)**



Photos: Dzũng Nguyễn

Ngày Sinh Của Rắn

thơ

PHẠM CÔNG THIỆN

I

tôi đi đông chìm
trời âm u thung lũng khô
nhiều mây chim bay không nổi

tôi đi
dưới kia sụp đổ
núi cấm nô tôi ra
cửu long ca từ tây tạng

tôi về
tôi hiện
đền tắt trời gió tắt trăng
chim lạ
kêu tiếng người
hồ thăm ra đời
tôi bay trên biển

II

tôi nằm cho rã chiếu cạp điều
nước chảy lên vùng phố tịch liêu
tôi nhớ một lần cây quế mọc
tôi đứng gọi hương trọn buổi chiều

III

mưa chiều thứ bảy tôi về muộn
cây khế đời cao trở hết bông

IV

trời mưa nữu ước cây mọc
nhớ hương trời mưa ngày tháng
nhớ hương đường hoang mái vắng
nữu ước chỉ còn hương trong giấc ngủ
tim anh tràn máu
con chim đã bay về rừng đạn
anh không còn làm tu sĩ
anh chỉ còn hương trong giấc ngủ
anh chỉ còn máu để đổ vào tim hương
đổ vào tám tách cà phê đen anh uống mỗi đêm
tại greenwich village
tại làng thi sĩ
tại đường khói bay
tại hương trong giấc ngủ
tại chiều ba mươi tết ở việt nam
bây giờ anh xa hương đến mấy đại dương xanh
mấy phương trời cỏ mọc
mấy phương trời hương khóc

hương còn ca hát
hương còn phơi áo giữa phố buồn
hương còn cười
mười năm rồi cây quế vẫn mọc trên đời anh
trên mắt anh
môi anh
trên bước chân buồn phố mẹ ngày xưa
trên bước chân chiều phố lạ hôm nay
mưa làm tóc anh thơm
mùi cây quế
giữa hồ
mọc giữa hồ quế hương
tóc anh mọc dài
che chở hương
lúc mưa rơi
lúc đông lạnh
lúc chim chiều đi mất
mưa trên phố đêm
trên quán cà phê ý đại lợi
trên chiến tranh
của quê hương
của quê hương
còn anh



V

rạng đông tôi xin thê thức dậy ba giờ sáng
 đợi kinh đào chảy ngược
 cửa nhỏ đóng kín
 những chiếc cầu tuổi đại
 mười sáu năm tôi thức trong đời
 mười sáu con kinh đào không bao giờ chảy ngược
 đứng ngang cầu pont-neuf
 nhìn sông seine tôi thấy ciu long
 paris đuổi mắt mây mộng hoang đường
 đập vỡ con diên trên triển đá sương
 tôi trốn giấc đời
 tắm trong hồn hương
 trái đu đủ
 trong khu vườn xưa
 con rắn nhỏ

VI

tôi chấp chới
 đấng giọng
 giữa tháng ngày mơ mộng
 nốt ruồi của hương
 hay nốt ruồi của rigvéda
 tôi mùa máu đen
 trên nửa đêm paris
 tôi giao cầu mặt trời sinh ra mặt trăng
 tôi thủ dâm thượng đế sinh ra loài người
 cho quế hương nằm ở nhà thương điên của trí nhớ
 mặt trời có thai!
 mặt trời có thai!
 sinh cho tôi một đứa con trai mù mắt

VII

tôi nuốt nọc đen giữa đường guillaume apollinaire
 từ xóm saint-germain-des-pres
 mọc lên giáo đường hang động
 cà phê biến hồn đầu thai
 hoá thành một triệu con ma đen
 nhảy múa trên núi lửa đầu tôi
 tôi mặc đồ xanh
 và mang đồng hồ da đen
 tôi chứa chấp sáu ngọn lửa diên
 trong sáu diêm quẹt còn rút lại
 tôi gọi hương và tôi chết giấc
 tôi chạy lên trời làm rắn thâu đêm
 máu đỏ mưa đen
 ở cây mồng tơi
 của thời trẻ dại
 tôi gọi thăm
 rắn cuộn tròn
 tương lai



VIII

mười năm qua gió thổi đôi tây
 tôi long đong theo bóng chim gầy
 một sớm em về ru giấc ngủ
 bông trời bay trắng cả rừng cây
 gió thổi đôi tây hay đôi đông
 hiu hắt quê hương bên cỏ hồng
 trong mơ em vẫn còn bên cửa
 tôi đứng trên đồi mây trở bông
 gió thổi đôi thu qua đôi thông
 mưa hạ ly hương nước ngược dòng
 tôi đau trong tiếng gà xơ xác
 một sớm bông hồng nở cửa đông

IX

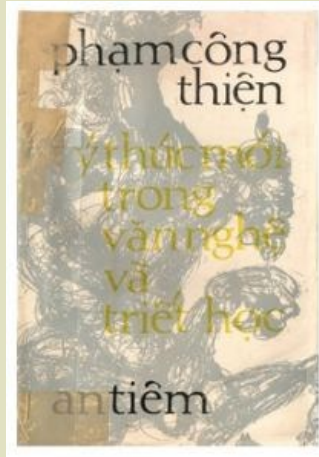
rắn trườn vỡ trứng chim rừng
 tôi nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm
 khuya buồn túi nhục môi em
 mưa bay nhỏ nhẹ qua thềm bơ vơ
 tiếng ru chín đỏ điện thờ
 hoang vu tôi đứng đợi chờ chim kêu
 tay còn ôm giữ tình yêu
 tôi về phố đông những chiều hư vô
 đời đi trên những nắm mồ
 đau tim em hát cơ hồ khăn tang
 phố chiều tôi bước lang thang
 nuôi con sông nhỏ mơ màng biển xanh
 nửa đêm khói đốt đời anh
 yêu em cảm lạnh khô cành thu đông
 lời ca ru cạn dòng sông
 trốn đời chạy trốn mộng vòng cầu diên
 bỏ mình nước chảy đôi tiên
 theo con chim đại lạc miền thiên hương
 về đâu thương những con đường
 lê thê phố cũ nghe buồn hè xưa

X

mùa xuân bay thành khói
 tôi ca hát một mình
 suốt đời không biết nói
 nước chảy tràn con kinh
 quá khứ bay lên trời
 biến thành cánh chim non
 tôi quì hôn lá mới
 đau khổ trắng linh hồn
 hư không đổ ra khơi
 kỷ niệm trôi qua cầu
 bãi chiều chưa người tới
 tình nhỏ quên từ lâu
 xuân bay trắng núi đồi
 tôi nằm ngủ mơ chim
 bông hét lên trong tối

ngôi thức dậy bảy đêm
trời cuối năm gác trọ
đèn tắt suốt đêm dài
con chim mười năm nhỏ
bay về đậu nơi đây
hơi thở giết thời gian
bướm năm chết thang lầu
tiếng chim ru ngày tháng
máu chảy về sông sâu
suốt đời không biết nói
tôi ngồi thức một mình
đốt thuốc lên nhìn khói
đêm rạng niêm hư linh

XI
tôi lái ô tô buýt giữa thành phố new york
mỗi ngày tôi lái ô tô buýt đi trên những con đường
không người những con đường chim chết
những con đường của mỗi ngày
từ riverside drive đến broadway đến đại lộ thứ năm
đến washington square
công trường nghệ sĩ tóc bay hương hát
từ greenwich village tôi đi về chinatown
mười lăm xu mỗi chuyến
xa hay gần hay mau hay chậm
tôi vẫn lái cuộc đời tôi trên những con đường quen
thuộc không mây
mùa lá hay mùa kèn nửa đêm
dong bướm thổi đến honolulu lặng gió
xa việt nam đà lạt và cà phê tùng cuối năm
tôi cúi đầu trong hầm cà phê figaro nữ ước
chuyến ô tô buýt của đời tôi vẫn chạy hoài
trên những con đường mỹ châu trống rỗng
chuyến xe không về harlem đôi lứa
vì mỹ châu trống rỗng trên chuyến ô tô buýt
chiều nay tóc bay hương khóc
tôi vẫn lái chuyến xe này đi về đêm tối
đêm tối nữ ước là đêm tối nhà xác
tôi đốt đèn cây để nhìn xác tôi giữa nhà mô mỹ
châu lạnh lẽo mưa đen
đêm qua tôi thấy máu đỏ trong hầm xe điện irt
giữa con đường 42nd hay times square
tôi thấy việt nam ngang tàng cho mặt trời vẫn
mọc trên rần lửa
trên mái ô tô buýt chiều thu



XII
buổi chiều mưa đung tim
mưa đung máu
đèn đường đổ xuống nước xanh
xin hét lên rừng u minh đầu đông
tử hình trong ngục
nhốt vào trong ngục
suốt đời trong ngục
khói vốc lửa núi
nhóm nước đầu thu
xin đừng nói
lá chuối
lá me non
xanh nhà thương
ngôi trong thành phố
hoa trắng không còn
con chó đứng nhìn xe lửa mỗi ngày
chùm hoa trắng rụng một hai bông rất nhỏ
bông trắng quá nhỏ
buổi chiều ích kỷ
con đường quá dài
những cây trắc bá chùi đầu lên nghĩa địa
một người họa sĩ thất tình
nhân loại đều thất tình
nói đi thật nhiều
khoai tây
lang thang ngược vòng những vũ trụ
anh nói gì
tôi không nghe
xuống phố và lên phố
chạy hun hút qua hai nghĩa địa
cây trắc bá
chôn vùi con chó nhà ga



Trên Những Đỉnh Cao

VĨNH HẢO

Tu viện nằm trên một đỉnh đồi khá cao. Nói là tu viện nhưng thực ra chỉ là một trang trại nhỏ vừa được mua lại, dự kiến thiết lập một tu viện Phật giáo. Đất rộng trên mười mẫu tây, chỉ cách trung tâm thành phố khoảng mười lăm phút lái xe với vận tốc nhanh trên xa lộ.

Xe chúng tôi leo tới đỉnh đồi vào ban đêm. Trời vào thu, khá lạnh. Chỉ có thể từ chỗ đậu xe, đứng nhìn bao quát thành phố từ trên cao trong vài phút rồi vội vã vào trong, tâm tưởng không quên ghi đậm hàng triệu ngọn đèn điện lớn-nhỏ của thành phố tỏa chiếu như một biển ánh sáng bao quanh ngọn đồi.

Sau khóa lễ ngắn, chúng tôi có vài giờ đồng hồ ngồi uống trà, đàm đạo, cho đến hai giờ khuya. Những người tuổi trẻ của hơn hai mươi năm trước, nay đã xấp xỉ trên dưới năm mươi, vẫn còn cơ hội để ngồi bên nhau. Tóc ngả hai màu mà huyết bảo và nhiệt huyết năm nào vẫn còn cháy sáng, lạng lẽ, nhưng bền bỉ.

Không đủ phòng ngủ, chúng tôi chia nhau, hai hoặc ba người chung một phòng. Giường của tôi là chiếc giường không bình thường vì có hai tấm nệm dư chồng lên trên, khá cao, ngang với thành cửa sổ. Cửa sổ kính, không màn che, nhìn về hướng tây của thành phố. Nằm nghiêng, không cần rướn người, không cần ngoái cổ hay cất đầu lên, vẫn có thể nhìn thấy một vùng rộng lớn ánh điện thành phố trình hiện ngang tầm mắt. Chưa bao giờ trong cuộc đời lại có một đêm nằm ngắm đèn phố thị đẹp và thơ mộng đến thế!

Đèn phố thị nhìn từ xa, đẹp và huyền ảo như những vì sao. Đã từng có những lúc ngủ ngoài vườn hay sân thượng cao ốc, ngắm sao trời; nhưng chưa bao giờ được nằm trong phòng ngắm sao phố như đêm nay.

Chập chờn giấc ngủ ngắn trên



đồi sao, mỗi khi mở mắt là thấy cả một trời ánh sáng lấp lánh giữa đêm đen. Có khi mơ màng không rõ mình đang lạc vào cảnh giới nào, cung trời nào. Đây là trời hay đất? Đây là núi hay biển? Đây là sao hay đèn, là đom đóm hay châu ngọc? Là mây trắng hay sương mù giăng ngang? Sắc vàng, sắc trắng, sắc đỏ, sắc xanh... ngàn sao trên trời cao, thậm chí những giải ngân hà xa xăm huyền nhiệm không hẳn đã đẹp và đa dạng như ánh điện thành phố nhìn từ đồi cao, nhất là trong tư thế nằm nghiêng, quần mình trong chăn ấm... thú vị vô cùng! Bởi lẽ con người, dù với kỹ thuật tân tiến hiện đại, vẫn chưa thể khám phá, hoặc có thể hình dung được những gì đã và đang xảy ra nơi những vì sao và các giải ngân hà xa cách hàng triệu triệu năm ánh sáng; trong khi đó, nơi những ánh đèn lớn-nhỏ của phố thị, người ta có thể cảm nhận được đời sống của con người, với những hỷ-nộ-ái-ố, những thăng-trầm vinh-nhục, những biến thiên đổi dời, những sinh hoạt rất thực, rất gần gũi của kiếp nhân sinh. Kìa, nơi kia, ánh đèn kia, có thể là từ thư phòng của một văn nhân đang cố gắng viết nốt một đoạn văn trước khi đi ngủ; nơi kia, ánh đèn từ một văn phòng của cao ốc, có thể đang có những người dọn dẹp,

hút bụi, thay bao rác; nơi kia, ánh đèn mờ, có thể có cặp tình nhân đang âu yếm thương yêu nhau; nơi kia, có người đau khổ đang khóc vì mất mát; nơi kia, có những người đang lo nấu nướng chuẩn bị thức ăn cho nhà hàng thức mai; nơi kia, có những người bạn tâm giao đang ngồi chuyện trò thâu đêm bên những chung trà hay cốc rượu; và nơi kia, nơi kia, nơi kia, trong những căn phòng và căn nhà đèn điện đã tắt, là những con người, từ

người già đến bé sơ sinh, đang chìm trong giấc ngủ đêm thu...

Nhưng điều tuyệt vời nhất là không khí tịch mịch lặng lẽ của biển ánh sáng bao quanh. Trong khi muôn triệu ngọn đèn đồng lúc tỏa chiếu ánh sáng của chúng, không có thứ âm thanh nào được cất lên. Tất cả những ồn ào huyền ảo của phố thị hầu như đã bị bỏ lại từ khi chúng tôi lên đến đỉnh đồi; và giờ đây, khi thành phố chìm vào giấc ngủ, lại qua lớp kính trong thật kín của cửa sổ, sự im lặng còn sâu lắng và mệnh mông diệu kỳ hơn.

Âm thanh là sóng của im lặng. Ôn ào, thịnh nộ như thế, nhưng rồi sẽ tan biến thật nhanh. Chỉ có sự im lặng là ở lại lâu dài.

Ânh sáng là sóng của bóng tối. Tỏa chiếu, rạng ngời như thế, nhưng nếu không liên tục thấp lên và gìn giữ, bóng tối sẽ tràn ngập.

Con người vẫn chuộng âm thanh và ánh sáng, luôn có khuynh hướng khuếch đại chúng lên ở mức tối đa mà họ có thể làm được. Nhưng nỗ lực ấy của họ thường khi chỉ tạo những mâu thuẫn, xung đột thay vì là sự chan hòa, tương giao. Lẽ ra nên im lặng thì lại nói thật nhiều. Lẽ ra nên thấp sáng thì lại vui trong bóng tối và phá hủy ánh sáng của kẻ khác.

Nhìn gần, những ngọn đèn

thắp sáng bên nhau, tỏa những sắc màu dị biệt; có khi tỏa cho riêng nó, có khi giao thoa với những đèn khác. Ngọn đèn nào cũng có cỗi riêng của nó, không cái nào giống cái nào. Mỗi điểm sáng là một viên ngọc, không tự biết rằng nó đan kết với hàng triệu điểm sáng khác trong vũ trụ tịch mặc u huyền.

Chỉ khi nào nhìn từ đỉnh cao và nhìn từ xa, tất cả điểm sáng đều như nhau, như những đợt sóng vươn dậy từ nền của đêm, từ biển của bóng tối. Trên chóp đỉnh của tôn giáo, triết lý, học thuật và nghệ thuật, tất cả âm thanh và ánh sáng, tất cả những náo động, vọng động, loạn động, manh động, kích động, bạo động... đều trở về với nổi bình yên, lặng lẽ.

Trong *Lời Mở Đầu* cho thi phẩm mới nhất của mình, nhà thơ Phạm Công Thiện có trích một câu thơ của Goethe (*Ueber allen Gipfeln Ist Ruh*) và dịch như sau:

"Trên tất cả những đỉnh cao là bình yên."

Câu thơ ấy gợi ý để đặt nhan đề cho thi phẩm của ông, *"Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im."* Tôi rất thích nhan đề ấy. Một nhan đề đầy triết lý. Có thể từ đó mà nghiệm ra nhiều lý lẽ, từ trừu tượng cao thâm đến thực tế gần gũi.

Trên tất cả những đỉnh cao là Lặng Im. Trên tất cả những đỉnh cao là Bình Yên. Trên tất cả những đỉnh cao là Dung Hợp. Trên tất cả những đỉnh cao là Đồng Nhất. Trên tất cả những đỉnh cao là Vĩnh Cửu.

Từ suy nghiệm như thế, tôi ước mong tất cả ánh sáng có được của trần gian hãy được thắp lên, dù là ngọn hải đăng rực sáng hay chỉ một que diêm le lói, hãy cứ thắp lên. *Đừng nguyên rủa bóng tối mà hãy thắp sáng lên.* Ngọn ngữ tây phương và đông phương đều có chung ý tưởng đó. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm để thắp sáng cho trần gian u tối. Ánh sáng của từ bi, bác ái, nhân từ, khoan dung. Ánh sáng của Chân, Thiện, Mỹ. Ánh sáng của minh triết, nghệ thuật, văn hóa, giáo dục, từ thiện... hãy cùng thắp lên, dù yếu ớt hay rực rỡ, hãy cứ thắp lên. Mỗi người, bằng khả năng và từ vị thế của mình, hãy sáng lên như một ngọn đèn. Không ngăn cản, không lấn lướt, không đối chọi hay cố ý hủy diệt ánh sáng của kẻ khác. Chúc năng thực sự của ánh sáng là xua đi bóng tối (của tham lam, thù hận, và cuồng si đang phủ trùm cuộc đời), chứ không phải là triệt hủy ánh sáng khác. Ánh sáng không loại trừ nhau. Từ xa và trên cao, sự giao thoa của muôn triệu ngọn đèn tạo nên cả một biển ánh sáng rực rỡ, diễm lệ. Các loại ánh sáng đều có thể cùng lúc sáng lên, hoặc nối tiếp nhau sáng lên, không gì ngăn ngại.

Bạn hãy cứ nói, cứ thắp lên



Triết gia Phạm Công Thiện giới thiệu tác giả Tuệ Sỹ và tác phẩm "Huyền Thoại Duy Ma Cát" tại Houston, Texas, ngày 04.11.2007. (hình trên)

ánh sáng của bạn, đừng lo sợ ánh sáng của kẻ khác có thể làm lu mờ mình đi; cũng đừng cố gắng trùm lấp ánh sáng của kẻ khác. Bởi vì, dù cho bạn sáng rực như đèn pha thì ánh đèn nhỏ trên lối đi hành lang vẫn cứ tỏa ánh sáng khiêm nhường của nó để giúp kẻ khác thấy đường; hoặc cho dù ánh sáng của bạn chỉ như ánh sáng của đóm đóm, thì đó vẫn là ánh sáng của bạn, không ai có thể phủ nhận được. Ánh sáng nào cũng có giá trị và cái đẹp riêng của nó. Điều quan trọng là tự thân của mỗi người chúng ta, hãy tự thắp lên ngọn đuốc của mình, hãy sáng lên bằng tất cả năng lượng hàm tàng của mình để dâng tặng cuộc đời.

Buổi sáng thức dậy, vẫn trong tư thế nằm nghiêng, tôi thấy thành phố tràn ngập ánh mặt trời, dù đầu đó mây và sương mù vẫn còn giăng phủ. Thành phố hiện rõ nét với những cao ốc và những ngôi nhà, công viên, đường sá, xe cộ nườm nượp, và những trụ đèn... Những nơi không cần đèn, sẽ không cần phải thắp. Không phải lúc nào cũng cần phải cất lên âm thanh, cũng không phải lúc nào cũng phải đốt sáng. Âm thanh, ánh sáng, đều vô thường. Chúng xuất hiện và tan biến theo nhân duyên và theo nhu cầu của con người, và cuộc đời.

Dù vậy, nơi đỉnh cao này, hàng triệu con người trong thành phố bao quanh, vẫn chỉ hiện hữu trước mắt tôi trong nổi bình yên, lặng lẽ.

Trên tất cả những đỉnh cao đều như thế, là như thế.

Vĩnh Hảo



*Phạm công Thiện - Thế Phong- Đình Cường . Đà Lạt 1963
thời Thiện 22 tuổi viết Ý Thức mới trong văn nghệ và triết học*

(Hình lưu niệm của họa sĩ Đình Cường)

QUAN ĐIỂM

LỐI CŨ, ÂN TÌNH XƯA

Tuệ Như

Có lần đọc và nhớ đến câu chuyện của Ngài Tôn giả Xá Lợi Phất, một câu chuyện nhớ ơn từ trong muôn ngàn việc nhớ ơn nơi cuộc đời, chuyện kể như sau:

"Một hôm, Tôn giả Xá Lợi Phất đi trì bình khất thực trong thành Vương Xá, khi ngang qua một khu vườn, trong vườn có người Bà La Môn làm vườn tuy nghèo khó và tuổi đã cao, nhưng phải đổi lấy sức già để được có chút vật thực nuôi thân qua ngày. Ông thấy Tôn giả ôm bát đi ngoài ranh vườn, liền đến thăm hỏi thân thiện, sau đó để vào bát một muống thực phẩm mà ông có được phần thọ dụng trong ngày. Tôn giả chứng minh và chủ nguyện phước lành cho ông. Và rồi cũng từ đó thời gian đã biến biệt giữa Tôn giả và ông lão Bà la môn làm vườn.

Một ngày đẹp trời, ông Bà la môn ấy đến gặp Đức Phật tại Tinh xá Kỳ Viên (Thành Xá Vệ) và xin Phật được xuất gia, Phật quán xét thấy ông ta có thể đắc quả Thánh, nên mới hỏi trong đại chúng có ai đã chịu ơn với người Bà la môn này lần nào không? Khi ấy, Tôn giả Xá Lợi Phất đối trước Đức Phật và đại chúng mà thưa rằng: Có lần con khất thực trong thành Vương Xá, người Bà la môn kia đã để vào bát của con một muống thực phẩm mà ông đã xin được! Lúc ấy, Phật liền dạy: Vậy ông hãy tiếp độ người Bà la môn này và được làm phép xuất gia. Thời gian không bao lâu được sự hướng dẫn của Tôn giả, người Bà la môn ấy được đắc quả A La Hán trong giáo pháp giải thoát của Phật."

Từ câu chuyện được kể trên, chúng tôi muốn nói đến một việc trong những sự việc dù đã hay đang xảy ra trong bối cảnh đất nước còn chiến tranh hay ngay bây giờ. Chuyện được kể rằng: Ở thời điểm trước đây, khi chiến tranh còn leo thang và ác liệt, sống trong nỗi lo âu, sợ hãi ở một vùng miền quê xa xôi, việc cơm áo dù có khó khăn, nhưng sự sống chết, ly tán, đau thương mất mát đưa đến bất ngờ đầy nghiệt ngã. Nơi ấy có một người mẹ bị bom đạn cướp đi mạng sống, cha thì phải bôn ba xứ người để tìm áo cơm, còn bé trai mới lên 6-7 tuổi, phải nhờ đến các Cô nuôi dưỡng lo cho cái ăn, cái mặc rồi đến trường để tìm con chữ cho mai sau.

Cơm áo, tiền nong cũng không phải dễ dàng có được trong thời buổi xã hội lắm nhiễu như này, và lại có được đồng tiền chân chính lại càng khó hơn. Với một ổ bánh, một ổ nhang thơm, đội nắng đội mưa ngày ngày hai buổi kiếm sống, tháng năm mòn mỏi lê kiếp thân nghèo, áo vai bạc màu sương gió, ánh mắt hoen bao lớp bụi phong trần, lo cho bản thân và cháu, chỉ ước mơ cho cháu sau này nên thân, nên phận với đời và biết cảm thông sâu xa cho những ai một đời cũng sớm mất mẹ và hiểu mà biết nhớ ơn có những ai đó đã trót lo cho mình và vì mình.

Thời gian lặng trôi qua bao khúc quanh, bao bước ngoặt của dòng chảy cuộc đời, thăng trầm, thịnh suy, vinh nhục bao độ của thế nhân, ngược xuôi giữa cuộc sinh tồn tạm bợ, say khướt theo ảo



huyền mộng thực. Người cháu, người học trò xưa giờ đã thành danh phận, ôm lấy những mảnh giấy học vị (văn bằng) mà nơi ấy đã hóa thân từng con chữ, từng lời, từng câu, từng nhịp thở của buồng phổi, từng ý niệm của khối óc con tim của Thầy-Cô.

Nhưng nào phải bao nhiêu việc đó thôi đâu! Khi có được mảnh giấy danh phận ấy, để rồi được bao nhiêu lợi dưỡng trong cuộc phủ sinh mỏng manh tạm bợ, thỏa mãn với bao ước vọng khoái lạc của trần tục tầm thường, thoáng chốc rồi cũng thành sương khói, rồi còn gì cho ta, cho người! Có biết đâu rằng: Những nỗi vui buồn lẫn vào tháng năm cơ cực, lắm nỗi lo toan cớ áo sớm chiều, một nắng hai sương gót lê kiếp nghèo tất bật, chiết từng ước mơ thuở ấy, đã thấm mặn bao giọt lệ tinh khôi khi còn cái thuở quê nghèo lưng trần chân đất bạc phếch áo vai gầy, v.v... Để cho có được ngày mai, cái ngày mai đã thấm đẫm tất cả... vào mảnh mạng mà người cháu, người thanh niên này nay có được.

Rồi một sớm trở lại quê hương, cái cảnh lên xe, xuống xe, kẻ đón người đưa, trông ra bây giờ không còn như thuở hàn vi xưa kia nữa, từ cái đi, đứng, ngồi nay đã chuyển sang dáng màu danh phận, đến cái ăn mặc, nói năng cũng khéo vẽ nên hình địa vị... Làm cho chúng ta nhớ lại thi sĩ Nguyễn Bính đã ưu tư:

"Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều..."
Chân Quê)

Cái cảnh tha hóa đổi thay vốn không có gì đáng trách trong thói đời thường tình. Nếu có chẳng, bởi sự cảm thụ tri kiến lại rất nhằm vào tờ lá sen mà nơi ấy không có sự thấm đẫm và giữ lại, càng thêm nhớ xa hơn nữa từ lời của một đại sư Tịch Thiên (Shantideva) đã khuyên nhắc và giúp chúng ta làm để có được những điều lợi lạc: "Hãy khởi tâm hành thiện, hoặc khởi tâm đối trị (bất thiện) như cúng thí vào 3 ruộng phước là: Kinh Điền (Tam Bảo), Ân Điền (Cha Mẹ) và Bi Điền (Mọi người nhất là những người nghèo khó) thì sẽ được phước lớn" (Nhập Bồ Tát Hạnh, V.81).

Điều muốn nói ở đây, không nhất thiết phải đề cập đến Tam Bảo, trọng tâm thứ nhất ở chỗ xác định một tính cách "nhân bản" của con người, tính nhân bản ấy đã được thiết lập trên hai nền tảng cơ bản đó là: Sự nhớ ơn và đền ơn cha mẹ đến những người nuôi dưỡng, cư mang về mình và thứ đến, nói lên tình người trong cái nhìn có sự hiểu biết, yêu thương và cảm thông cùng kiếp sống như ta và nhất là những người có đời sống bất hạnh hơn ta. Có được nền tảng cơ bản ấy chính là một nhân cách sống lành mạnh trong sáng, như thế, ta đối với Tam Bảo mới có thể nói lên sự cung kính toàn mãn, bởi vì

có biết ơn và đền ơn cha mẹ, có lòng thương tưởng đến mọi người và rộng hơn là mọi loài, thì chính ở đây đã có âm hưởng sâu sắc đến sự nương tựa và kính trọng Tam Bảo. Vì rằng, Tam Bảo là điểm nương tựa, trở về, là mục tiêu phục vụ đem lại sự an lạc hạnh phúc lâu dài cho chư thiên, chúng sanh và loài người.

Trong một lời dạy khác của Đức Phật như sau:

"*Nầy các Tỳ kheo, thế nào là địa vị không phải chân nhân? người không phải chân nhân, nầy các Tỳ kheo, không biết ơn, không nhớ ơn. Đối với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, nầy các Tỳ kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị không phải chân nhân... Còn bậc chân nhân, nầy các Tỳ kheo, là biết ơn, là nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến, nầy các Tỳ kheo, tức là biết ơn và nhớ ơn...*" (Kinh Tăng Chi, IV, 118-119).

Ngang qua lời dạy trên, chúng ta thấy Đức Phật đã khẳng định qua hai tính cách hay một lời xác chứng về đặc tánh của các bậc thiện nhân cũng như những ai được coi là phi chân nhân. Sự kích hoạt chất liệu ấy phải được nói lên bằng cử chỉ, hành động việc làm, ý tưởng như thế nào của con người đó. Như vậy, nhớ ơn, biết ơn là một ký hiệu đặc tánh của các bậc thiện nhân hay chân nhân và trái lại, không biết ơn, không nhớ ơn cũng là một ký hiệu đặc tánh cho những ai được xem là phi chân nhân.

Sống giữa đời thường, cho dù một tổ chức, đoàn thể, đảng phái chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo, v.v... Thì tính cách nhân bản phải được nói đến như là một nếp sống y cứ chuẩn mực tiêu biểu từ tính thể con người. Nếu tự thân chỉ biết lợi dưỡng để thỏa mãn những ước vọng thềm khát thường tình, lấy địa vị danh xưng hay chút khả năng mọn có được để làm mục đích trú ẩn và tự mãn, xem đây là nguyên nhân nảy mầm những bất thiện và có khả năng nguy cơ bất ổn, mất thăng bằng trong xã hội. Những ơn nghĩa đạo đức được sống như là một sức mạnh tất yếu và thực sự được tôn vinh từ mỗi con người, thì giai cấp, địa vị, chức danh sẽ trở thành một bốn phận đúng nghĩa, có tư duy chân chính trong mọi hành xử và phục vụ, còn nếu như ân nghĩa, đạo đức, nhân tính và sự tôn vinh không đúng "như pháp", không chiết xuất từ tâm lực, niệmlực của bậc Thánh, bậc chân nhân, thì nó sẽ biến thành những độc tố nguy hại tàn phá vào tận gốc rễ của cây đời.

Tóm lại, tánh cách của người biết ơn, nhớ ơn hay vong bản vô ơn, cả hai đều tồn tại trong đời, nhưng điều gì tồn tại mà được ca ngợi, tán thán của người có trí thì chính đó là "lối cây". Những gì tự thân đã thọ nhận dù trước đây hay bây giờ để tiếp sức cho máu tim, những con chữ làm nên hiểu biết, không chỉ về pháp thượng nhân để tự điều phục chính mình mà còn phải hiểu biết sâu xa tận cùng vào trong từng mảnh đời giữa cuộc sinh tồn nhân thế; có gần gũi để thương yêu giúp đỡ, để lắng nghe, cảm thông và chia sẻ bao tâm tình, xem như là một nghĩa cử tri ân, nhớ ân mà câu chuyện về Ngài Tôn giả Xá Lợi Phất đã được nói đến, nhớ và biết mình có thọ nhận một muỗng thực phẩm trước đây từ nơi vị Bà La Môn già xưa mà mọi việc đã trở thành đạo nghĩa cho ngàn đời. Trái lại, với thái độ từ người thanh niên có mảnh văn bằng đã được đề cập ở trên, đủ để cho chúng ta tự thẩm xét lại chính



Chúc Tết

*Chúc người tài lộc đủ đầy
Nhờ câu Mô Phật tháng ngày bình an
Chúc người năm mới bước sang
An lành hạnh phúc ngập tràn đỏ đây
Chúc người vun đắp dựng xây
Gia đình êm ấm thêm cây Phước Lành
Chúc người sở nguyện viên thành
Xuân về năm mới Đạo Tâm rạng ngời
Chúc người mắt sáng long lanh
Nhìn đâu cũng thấy hoa lòng đón xuân...*

Ý Xuân

*Xuân về hoa nở đất trời yên
Cây cối xanh tươi khắp mọi miền
Bát ngát trời cao, mây trắng bạc
Bao la đất rộng, núi xanh huyền*

*Thế gian đa sự, đa sầu muộn
Cửa đạo vô ngôn, vô đảo điên
Năm tháng chung vui cùng ánh đạo
Đèn tâm tỏa chiếu rạng hương thiên.*

TRÚC NGUYÊN

minh. Ngày nay, chúng ta cũng không ít ưu tư về tinh thần ấy, dù cổ xưa nhưng vẫn đẹp bền, còn để lạc mất đi hay quên lãng bao chất liệu ấy thì khác nào như bị những loài cỏ hoang dại khóa đầy trên những lối mòn xưa cũ...

Để kết thúc, chúng ta cùng đọc lại lời Phật dạy:

*"Người trị thủy dẫn nước
Kể làm tên, nắn tên
Người thợ mộc uốn gỗ
Bậc trí nhiếp tự thân" (PC. 80)*

Tuệ Như

Phạm Công Thiện – Một Thi sĩ Kỳ tuyệt Thiên tài

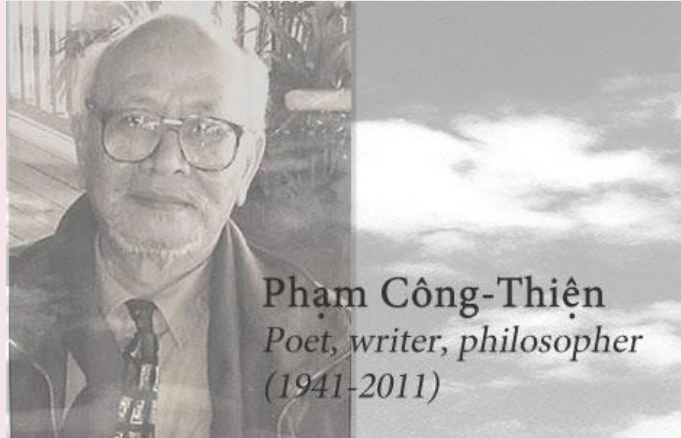
TÂM NHIÊN

Có những con người đến rồi đi qua mặt đất trần gian này như một cơn sấm sét, gây chấn động kinh hồn, làm bùng vỡ một điều kỳ tuyệt, tinh khôi trên bầu trời tâm thức nhân loại, Phạm Công Thiện là một con người độc đáo như vậy.

“Anh đã ra đi từ đó, từ thời buổi hỗn mang. Trong từng khoảnh khắc sát na, từng quãng liên tục vi tế của hạt bụi, anh từ chối chính mình. Khi mọi người ca tụng anh như một thiên tài, anh vất bỏ thần tượng để đi như một tên lãng tử vô lại...Người lữ hành bước đi, từng con sóng của đại dương cuốn theo xóa sạch từng dấu chân đi. Lưu lại trong khách ảo ảnh tiền thân, phảng phất mùi hương và sắc màu quá khứ không phai nhạt.” (1) Tuệ Sỹ giới thiệu như thế về Phạm Công Thiện, một tâm hồn hào nhiên chi khí, một thi sĩ thượng thừa đã khơi nguồn mạch sáng tạo trào dâng ngắt ngưỡng, mở ra thể điệu phiêu bồng trên cung bậc văn chương, thiên học, triết lý, thi ca bát ngát dị thường. Bước đi một mình một bóng, đơn thân độc mã quá đời phong trần gần 50 năm trời nay, say gót mộng chuênh choáng lang bạt kỳ hồ, lang thang lêu lổng suốt muôn chiều phiêu lưu, phiêu lãng ngàn phương. Lướt cánh đại bàng, tung hoành ngang dọc khắp năm châu bốn biển, thênh thang giữa thiên địa hoàn cầu.

Vào một chiều tháng 6, bắt đầu mùa hạ năm 1941, Phạm Công Thiện ra đời bên dòng sông thơ mộng Cửu Long, một dòng sông bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng ngút ngàn chày xuống dọc ven bờ phố thị Mỹ Tho, một thị xã nhỏ nhắn, lặng lẽ hiền hòa ở miền Nam. Thi sĩ lớn lên từ đó, suốt ngày đêm cứ mặc sức mơ mộng rong chơi, tha hồ tắm sông lội nước, nằm ngắm mây trời bay lãng đãng xa xôi.

Rồi bất thành linh, đột ngột một hôm vụt đứng dậy, xuất hiện trên văn đàn Việt Nam như một



Phạm Công-Thiện
Poet, writer, philosopher
(1941-2011)

thần đồng biết nhiều thứ tiếng, một thiên tài lỗi lạc: Năm 1957, mới 16 tuổi đã xuất bản Tự Điển Anh Ngữ Tinh Âm, 19, 20 tuổi viết Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học, 23 tuổi, viết Tiểu Luận Bỏ Đền Đạt Ma, 25, 26, 27 tuổi, viết Hồ Thăm Tư Tưởng, Im Lăng Hồ Thăm, Ý Thức Bùng Vỡ, Bay Đi Những Cơn Mưa Phù, Trời Tháng Tư, Ngày Sinh Của Rắn, Mặt Trời Không Bao Giờ Có Thực, Nikos Kazantzaki, Rainer Maria Rilke, Henry Miller và dịch thuật những tác giả vĩ đại Krishnamurti, Nietzsche, Heidegger... làm chấn động toàn thế giới văn nghệ sĩ trí thức thời bấy giờ.

Thuở ấy, năm 1967, khi Phạm Công Thiện làm Khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh ở Sài Gòn, đúng lúc 26 tuổi thì Tuệ Sỹ, Bùi Giáng cũng có mặt ở đó thường xuyên, là những cây bút cốt cán, nền móng trong tạp chí Tư Tưởng, tiếng nói của Viện Đại học Vạn Hạnh.

Trước đó, nhà thơ cũng đã từng làm những chuyến giảng hồ tứ chiếng, xách túi thơ bầu rượu ngao du sơn thủy qua Paris, London, New York, Washington rồi, từng diện kiến, sống gần gũi với những nhân vật kiệt xuất lừng lẫy trên thế giới như Krishnamurti ở Paris, Henry Miller ở Los Angeles.

Đang là thần tượng của đám sinh viên các đại học Sài Gòn, Huế, Đà Lạt thì dưng một cái, Phạm Công Thiện bỏ ngang chức

Khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh, lên đường viễn phương hành, làm cuộc ra đi theo quê Lữ trong Kinh Dịch, lên đênh qua tận bên kia bờ đại dương tuyệt mù tăm tích vào năm 29 tuổi, tức năm 1970. Đó cũng là năm cuộc chiến tranh Việt Nam đến độ khốc liệt, kinh hoàng, khủng khiếp nhất. trên khắp hai miền Nam Bắc tang thương. Cất cánh phụng hoàng, thi sĩ bay vút đi xuyên qua gầm trời giông tố

bão loạn, đang đắm chìm giữa dòng sử lịch hỗn mang, tang tóc cuồng phong gầm thét dữ dội, tan hoang tàn bạo, xô đổ xuống mịt mù âm u hỗn độn, vây khốn đẩy bóng tối vô minh trong đêm dài điêu linh, trầm thống, đoạn trường.

Trước ngày khởi hành, ngồi trên đồi cao chùa Hải Đức Nha Trang, thi nhân lãng hồn cô đơn, tịch mịch để nghe vọng về bao nỗi đời ly tán, đớn đau, bàng hoàng trong rừng rưng rưng nhức nhối: *Hồi chuông chùa vọng luân hồi Chim chiến chiến hót ngang trời đau thương Trùng dương nằm đợi vô thường Đồi cao bạt gió hai đường âm u*

Âm u hai đường, đông tây đôi ngã thế lưỡng. Còn chi đâu mà nói nữa. Thời thì cánh chim ngàn cứ tung bay cho hết bầu trời tính phận bao la của mình. “Bốn phận của mi là lên đường đi đến hồ thăm, một cách im lặng, rộng lượng và không hy vọng.” Văn hào Nikos Kazantzakis đã nói như vậy, cũng như triết gia vĩ đại Heidegger làm những câu thơ như âm thầm khích lệ thi sĩ lên đường: *“Bước tới và chịu đựng Sự thất bại và câu hỏi Trung thành với lối đi duy nhất của mi.”*

Thi sĩ Phạm Công Thiện đã cảm nhận chân thiết lời thơ đó, nên hùng tâm tráng khí, im lặng thực hiện một cách mãnh liệt cuộc lữ phi thường, khởi sự tấu khúc độc hành ca trên lộ trình hưởng về hồ thăm yên mặc,

uyên nguyên. Cuộc lữ dữ dội bi tráng, mở ra những phương trời hoằng viễn như Rimbaud, Hoelderlin, như Nietzsche, Henry Miller, những đồng thanh tương ứng với thi nhân nên luôn luôn xuất thần, ngắt trời tủy lúy, phóng cuồng phiêu đảng hoan say. Đó là những cuộc đi vô định, vô sở trú, chắt ngắt trên tuyết đỉnh núi cao và hun hút tận nguồn sâu hồ thẳm tâm linh, vừa bùng bùng thần khí rục ngời lửa tim hồn cháy, vừa âm âm cuồng nộ, trào tuôn lai láng như sóng vô đại dương. Cháy và chảy, cháy và chảy mãi trong hồn, như một lần đặc biệt, nhà thơ đã từng nhắn gởi cho giới trẻ thanh niên Việt Nam: "Gởi một người đọc không quen, cùng cháy một thứ lửa thiêng như tôi, cùng được nuôi bằng một thứ nước điên nào đó chảy trôi như tôi, cùng sống như tôi đang sống: Cháy và chảy, cháy và chảy không ngừng..." (2)

Hùng hực ngọn lửa thiêng suốt ngày đêm bùng cháy trong trái tim nên chàng thi sĩ đã hào hứng lên đường ra đi từ đạo đó, từ thuở nào vô thường dẫu bề loan mù xa, giã từ hồng nhan, bái biệt nàng thơ huyền mộng cũ trong ngậm ngùi chia phôi:

Đã đi thì đã đi rồi

Thượng phương trùng điệp thấy gò nửa đầu

Hạ phương ngày tháng bể dâu

Sắt son tình cũ phượng cầu tủy hương

Có còn chi nữa mà thương

Buổi trưa nằm ngủ thấy nường năm xưa

Đã đi rồi đã đi chưa

Thượng phương lượ trắng đong đưa giữa trời

Đã đi mất hẳn đi rồi

Hạ phương tịch tịch trùng khơi phong kiêu

Chuyển hình trên đỉnh cô liêu

Lửa bay thành ngọn hồng điều mật ngôn

Đại Huyền biến ngưỡng triều tôn

Tiền thân Tây Tạng nhập hồn chiêm bao

Án nga nga nắng bạch hào

Một luồng sáng rúc chiếu vào trái tim

Đứng trên tuyết đỉnh cô liêu, một chiều hoang vu nọ, nhà thơ bỗng nghe vẳng vẳng những lời ẩn ngữ mật ngôn huyền bí và chợt thấy thấp thoáng tiền kiếp mình ở tận xứ miền tuyết trắng Tây Tạng hoang sơ. Biết mình là hành giả Mật tông trong các dãy hang động trên tuyết mù Hy Mã Lạp Sơn, nên trái tim Bất nhả ứng hiện những nàng tiên huyền diệu,

đạo khúc cung đàn mười tám tiếng lòng Không Định rung ngân, khiến cho thi sĩ chỉ còn biết đọc thần chú lim dim:

Năm nàng tiên nữ tôn nghiêm

Trùng quan ngũ sắc ứng điềm tận không

Án đa la tịch tịch hồng

Mười phương xuất hiện những đồng sinh thiên

Bát nhã là gái thiên tiên

Khoan thai cởi áo mây hiền trên cao

Gió lửa thơm tóc tơ đào

Thập bát Không Định tiêu dao tiếng đàn

Trời mưa chim ngủ trên ngàn

Sắt son tình cũ nước tràn sang sông

Tiếng đàn tiêu dao vô thanh mà vang ngân bất tận lan dài theo cuộc lữ kỳ cùng, rung hồn rúng chuyển gió sương ngàn khắp vùng thung lũng sơn khê. Oi chao! Một đóa hồng hoa vut trở im lìm như những nàng tiên nữ giáng trần sà nhẹ vào hồn tim, để cho thi nhân xuất thần bay phiêu linh, phiêu hốt trong bồi hồi rộn rã:

Đã đi rồi đã đi chưa

Sắt son triều ngưỡng tình xưa hiện về

Phượng cầu ngũ linh sơn khê

Một bông hồng nở bốn bề lặng im

Năm nàng tiên đậu vào tim

Ám nhập dương khởi lim dim xuất thần

Năm nàng tiên ở đây là ẩn ngữ ám chỉ cho năm nàng thơ,

năm người yêu dấu nhất trong cuộc sống thực tế thường nhật của thi nhân. Xuất thần nhập cốt, hưng phấn hân hoan rạt rào, vô cùng cảm hứng là những trạng thái kỳ diệu mà Phạm Công Thiện thỉnh thoảng rơi vào một cách phiêu điều tuyệt cùng, như một thời sống bổng trên núi rừng phổ hoa Đà Lạt, một chiều hiu hắt nọ, chàng choáng váng, sững sờ khi bắt gặp Thiên tông giữa cơn mưa gió bão bùng: "Tôi quý xuống lạy lung tung, tôi lạy gió, lạy mưa, lạy nắng, lạy không khí, lạy cái ghế, lạy cái bàn, lạy vách tường, lạy đóa hoa trong ly, lạy cái giường. Ô tôi hạnh phúc, sung sướng, yêu đời, yêu cả vũ trụ. Cảm tạ hết mọi đau khổ, mọi bất công, mọi bi kịch, cảm tạ hết, cảm tạ bất tận. Tôi đã tìm được tất cả những gì đã đánh mất từ mấy ngàn năm nay." (3)

Hay một lần nơi thành phố Garden Grove ở California, trong căn phòng trống trải cô tịch vô vi, thi nhân cũng nhập diệu, thấy mình hóa thân trùng trùng giữa mười phương pháp giới vô ngần: "Trong tận cùng sâu thẳm của kiếp người, nó không khác người khác, nó là tất cả mọi người đang di động trên trái đất, nó là tất cả những định tinh và hành tinh, nó là con sâu, cái kiến, con bướm, con quạ, trái cam, chiếc lá. Nó là cơn gió thổi vào qua kết cửa, nó là luồng ánh sáng và đêm tối... Nó là một cảm giác, một tư tưởng, một ý tưởng và một cử chỉ. Nó là mỗi chữ, mỗi tiếng, mỗi lời trong



HT. Thích Nguyên Hạnh chủ trì tang lễ Triết gia Phạm Công Thiện tại Chùa Việt Nam, Houston, Texas (3.2011).

tất cả ngôn ngữ loài người... Nó là sự trống không mênh mông của mười tám cái không tràn trẻ của Trí tuệ Bát nhã sang sông...Nó là sức mạnh vũ bão của tất cả năng lực vũ trụ, sự tập trung tư tưởng mãnh liệt nhất của tất cả tư tưởng nhân loại, tập thành khủng khiếp của tất cả đạo lý và triết lý...Nó là nguyên lý đồng nhất tối thượng, đồng thời là sự chuyển hóa tối hậu của chính nguyên lý đồng nhất và bước nhảy tích liêu vào cõi tịch mịch của một đóa hoa hồng tối tả..." (4)

Rồi một lần kia, nhà thơ cô đơn, tha thần dạo chơi những ngày cận kề cuối năm ở tận góc bể chân trời Y Đại Lợi xa xăm bỗng nhập thần mộng thấy đại thi hào Nguyễn Du và Thúy Kiều hiện về thấp thoáng vi vu:

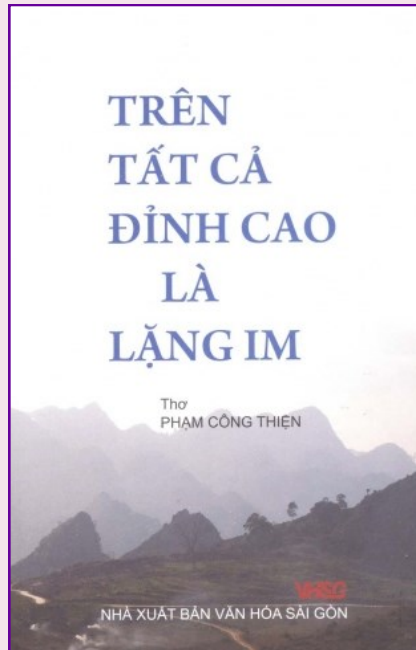
*Năm tàn năm mở Nguyễn Du
Kiều trôi đâu mất la phù dậm khơi
Cuộc kêu bằng làng thấp hời
Nhắc tên người cũ rã rời cuối năm*

Trầm tư bên một góc quán cà phê ở Glebe, trên vùng đồi cao Eanwood, nhìn xuống dòng sông xanh, gần thành phố Sydney ở tận bên kia bờ Úc Châu, thi nhân chợt nghe ra tiếng ngựa hí, tiếng đàn võ thanh của Mã Minh và thấy Long Thọ lang thang dưới ánh trăng thái cổ ảo huyền:
*Con ngựa ô lồng lộn Mã Minh gầy đàn
Long Thọ thở dài nhật nguyệt
lang thang*

Rồi lại một chiều phiêu bồng lãng bạt, rong rêu bên dòng sông Seine bồng bênh, rực ngời hoa nắng óng ả mới lạ ở thành phố hoa lệ Paris, thi sĩ bỗng thấy Van Gogh nhập cốt ứng hiện huyền hòa:

*Ưm tô rô Van Gogh hiện ra
Um ba la u linh ma ha
Đất nứt nở ra bầu qua trắng
Hồn thiêng Van Gogh nhập vào ta*

Van Gogh là một họa sĩ dị thường, có một câu nói bất hủ: "Trong cuộc đời và trong cả hội họa cũng vậy, rất có thể mi bỏ qua không cần Thượng đế, nhưng mi, kẻ khổ đau, mi không thể bỏ qua, không cần tới một điều cao viễn hơn mi, chính là đời mi: Quyền năng sáng tạo." Vàng, sáng tạo là một nghệ thuật tối thượng, là bước đi tuyệt cùng tự giải phóng, tự giải thoát bản thân khỏi nhà tù do chính mình tự tạo cho mình, như nhà văn xuất chúng Henry Miller cũng đã từng tuyên bố: "Kẻ sáng tạo kêu gọi con người trực nhận rằng, tất cả mọi tự do có sẵn trong bản thân rồi. Rằng con người không cần



phải bận tâm lo lắng đến vận mệnh thế giới (vì đó không phải là vấn đề của hần) mà chỉ nên lo giải quyết vấn đề riêng tư của chính riêng mình, tức là vấn đề giải phóng, giải thoát, chứ không phải vấn đề nào khác cả." (3)

Nhà thơ tài hoa Phạm Công Thiên của chúng ta, cũng trện tinh thần giải phóng ấy, vẫn quây túi thơ bầu rượu, xuôi ngược bước đi nhày múa trên thông lộ phong quang sáng tạo vô lượng. Hướng về uyên nguyên khơi mở, thở cùng linh khí của nhật nguyệt thiên thu, tái tạo từng điều thở, từng ý niệm, nổ tung mọi cố chấp thâm căn cố đế để thể nhập Tánh Không, xô cửa huyền vi mà bước vào Tâm giới, nơi tuyệt cùng của vạn vật Nhất Như. Bước tự do tự tại, thânhng giải thoát mọi dính mắc, buộc ràng, chỉ còn sáng tạo và sáng tạo miên man, dốc hết tinh hoa, tinh túy để tự thành những tác phẩm độc đáo vô song:

Từ Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất đến Khơi Mạch Nguồn Thơ Thi Sĩ Seamus Heaney, từ Một Đêm Siêu Hình Với Hàn Mặc Tử đến Nguyễn Du Đại Thi Hào Dân Tộc, từ Đối Mặt Với Một Ngàn Năm Cô Đơn Của Nietzsche đến Chỉ Còn Tiếng Thơ Trên Mặt Đất, từ Nét Đẹp Tinh Túy Trong Sáng Của Đạo Lý Phật Giáo đến Làm Thế Nào Để Trở Thành Một Bạc Bò Tát Sáng Rực Khắp Bốn Phương, từ Những Bước Chân Nhẹ Nhàng Trở Về Sự Im Lặng đến Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im... là những bước

nhảy thượng đẳng, ngoạn mục, hùng tráng, phi thường, vượt qua sự chuyển hóa toàn diện của tâm thức đến độ vô sư tự ngộ, bùng vỡ ra một điều chi như thị đang là, ngay ở đây thôi:

*Những gì không với tới
Thì có sẵn đó rồi
Bao nhiêu danh vọng hời
Vài ba cụm bèo trôi
Ba mươi năm năm dài
Một hôm đứng phắt dậy
Bất Nhị xòe tầm tay
Bất ngờ tôi sụp lạy
Từ trống trải nhận thấy
Tự trống trải lắng nghe
Tịch diệt liền tại đây
Xuân dậy giữa trưa hè*

Xuân là Nguyên xuân, Tâm xuân, mùa xuân miên viễn trong lòng người, thi sĩ đã thấy và nghe được như một phép nhiệm màu làm biến tan mọi niềm đau sâu khổ:

*Hôm nay là hôm nào
Thôi đừng hỏi tại sao
Phép lạ đập vào cửa
Bông súng nở trắng phau*

*Ngồi im giữa vòng tròn
Thở nhẹ như chim non
Mộng thân trùm Pháp giới
Bông quỳnh vừa nở tròn*

*Lặng vào trong cái nghe
Rót vào lòng thật khẽ
Lọt vào trong lặng lẽ
Động tịnh đều dứt nhẹ*

Những bài thơ ngắn gọn, tuy đơn sơ giản dị nhưng đi thẳng vào lòng người một cách tự nhiên, thể hiện cốt cách đặc thù riêng biệt, hàm dung ý thiền "một là tất cả. tất cả là một" của tinh thần Hoa Nghiêm. Nói như Phạm Công Thiên: "Nếu chúng ta xoay chuyển cái nhìn của chúng ta vào trái tim vũ trụ theo nhịp thở kinh Hoa Nghiêm thì tất cả mọi sự đều dung thông, dung nhiếp, viên dung tự tại vô ngại, thời gian là không gian, một thời gian là tất cả không gian, một không gian là tất cả không gian, tất cả thời gian là một không gian, tất cả không gian là một thời gian." (4)

Khi tiềm ẩn nguyên khí, nội lực thâm hậu thì bậc cao thủ cự phách thường kiệm lời, ít nói mà linh hoạt, tùy hứng như trẻ thơ, hồn nhiên đùa rỡ, xem cuộc đời như một trò chơi. Còn kẻ thi sĩ xuất chúng, sáng tạo vô vàn cảnh giới thi ca quá mộng thì ít nhất cũng sờ đụng tới hồ thủy và đỉnh cao tâm linh của chính mình.

Đỉnh cao và hồ thủy tâm linh ấy, Phạm Công Thiên đã từng va chạm, giáp mặt trong một bình sinh hy hữu nào đó, cho nên cả trời thơ đất mộng dạt dào bao

nhựa sống thâm trầm nhập vào trong từng điệu thờ tinh khôi:

Lúa nhẹ vào một mối

Đập mạnh một nhất thôi

Tất cả đều bày phơi

Trí tuệ sáng rực ngời

Muốn có được ánh sáng quang minh trí tuệ rực ngời đó thì chẳng phải chạy tìm đâu xa mà chính ngay nơi tận đáy lòng mình, chính nơi mình đang cư ngụ, lưu trú, ngay nơi những nghịch cảnh, thử thách mà mình phải giáp mặt ngày đêm một cách anh dũng, không nao núng, như nhà thơ từng nhắc nhở: "Chúng ta chỉ thành Phật được, khi chúng ta là con người ở giữa thị tứ, không có cảnh Bồng lai thiên thai địa đàng được, chinh tất cả Nghịch Cảnh của nơi ta sinh sống mới là nơi ta tự chuyển hóa tâm thức để nhập vào Tự chứng Thánh trí." (5) Thánh trí đó là trí tuệ, tuệ giác, là cái bản tâm nguyên sơ thanh tịnh của mình đầy thôi. Khi thấy rõ tận tường được điều đó thì xem mọi sự ở đời như sống chết, đến đi, hơn thua, đúng sai, phải trái, giàu nghèo, thành công, thất bại... đều là nhân duyên giả hợp, chẳng hề sơ hãi, lo âu chuyện còn hay mất:

Thất bại giữa đời này

Chết sáng ngời trên cao

Bóng tàn phai cõi đất

Mọc lại giữa trắng sao

Nhảy thẳng vào sự việc

Chẳng có gì đáng tiếc

Sự việc lớn lao nhất

Là hiện tiền tịch diệt

Thực tại hiện tiền là ngay đây, bây giờ, ngay trong mỗi phút giây là chứa đầy thiên thu vĩnh cửu, ngay trong từng hơi thở ra vào là đủ cả nghìn năm:

Bôn ba ngoài vạn dặm

Cũng chỉ một trắng rằm

Bao nhiêu là hổ thẳm

Xoáy về nốt ruồi đậm

Hổ thẳm là ẩn ngữ chỉ cho tư tưởng của chúng ta. Chỉ cần một chút tư tưởng mỏng lên thôi là cả ba nghìn thế giới, sơn hà đại địa hay tiên nữ, thực nữ mười phương liền hiển lộ, bùng dậy huy hoàng, rõ ràng hiện ngay trước mắt tức thì:

Chỉ cần một ý tưởng

Khấp vũ trụ mười phương

Sáng bừng lên vô lượng

Thiên tiên hiện đầu giường

Phải chăng đó là cái thấy tuệ giác siêu việt của một tâm hồn bao la thông suốt lẽ sâu xa của trùng trùng duyên khởi Hoa Nghiêm pháp giới diệu kỳ:

Mỗi bước chân ra đi

Triệu vũ trụ thiên di

Mỗi chỗ tôi ngồi lại

Sáng bừng lên diệu lý

Chân lý vì diệu đó, thi nhân bỗng phát hiện chẳng ở đâu xa mà ngay tại đây và bây giờ, ngay giữa phù du cát bụi giữa vui buồn sướng khổ trong cõi lòng huyền diệu của thức tâm:

Trăm năm đời hờ hững

Đêm ngày buồn lơ lửng

Linh địa là tại đây

Nơi chỗ tôi đang đứng

Linh địa là mặt đất thiêng liêng này, nơi thi sĩ đang sống từng phút từng giây đầy trọn vẹn. Sống từ đồng bằng sông Cửu Long đến cao nguyên sương mù Đà Lạt, từ Mỹ Tho, Cần Thơ, Sài Gòn, Nha Trang đến Paris, London, Rome, Monterey Park, Long Beach, Los Angeles, Houston, Washington... ngút ngàn viễn xứ xa xôi:

Thoắt đi một đời người

Buồn hoài cũng thế thôi

Trăm năm là giây phút

Chưa đi đã tới rồi

Hàng triệu tỷ năm trôi qua và giờ đây ngưng đọng trong cái đang là, nơi người em thi ca từ vô lượng kiếp trở về đang mỉm cười nguyên sơ rạng ngời mới lạ:

Mười lăm tỷ năm qua

Từ vạn triệu thiên hà

Bây giờ ta mới tới

Gặp lại em hôm qua

Cuộc trùng trùng kỳ ngộ thật vô cùng thú vị, tuyệt hảo tân kỳ như một kẻ đốn ngộ vô ngôn vì thấy toàn thể vũ trụ là chốn đạo tràng đầy đủ chư Phật, Bồ tát, Thần linh đều viên dung cùng một ngọn ngành thanh tịnh:

Tất cả là đạo tràng thần linh

Ta ngồi tham ngưỡng cõi vô hình

Thênh thang phù thể làm chim ó

Bay lượn thẳng ngày cõi lặng thinh

Bay lượn giữa phong quang trời đất, nhật nguyệt hay thả trôi trên dòng sông Mật tông thắm đậm tình Mẹ Đại bi, Đại trí Tára xanh biếc huyền mộng chan hòa. Cả vũ trụ mệnh mông là một tu viện rồi thì về chùa hay xa chùa cũng trong vòng tay bao dung mở rộng:

Tára mười tiếng đại không

Áo thân nằm giữa dòng sông Mật thừa

Về chùa một dúm muối dưa

Xa chùa cũng thế: Hứng mưa mìm cười

Hầu như suốt cuộc đời Phạm Công Thiện thường gắn bó, thân mật, cận kề với những ngôi chùa ở quê hương cũng như các ngôi chùa nằm dọc ven đường

lang bạt trên toàn thế giới, chàng ở chùa nhiều hơn là ở nhà. Mặc dù, mới buổi sáng giảng kinh Kim Cang thao thao bất tuyệt trên thiền đường, rồi buổi chiều thông tay vào chợ uống rượu ngâm thơ túy lúy cùng bọn văn nghệ sĩ, giảng hồ tứ chiếng đó đây mà phong thái vẫn nhàn nhã, tự tại, tiêu dao. Mím cười buông bỏ nhẹ nhàng để bước đi trầm hùng sử tử, tự do vô sự. Vô sự như "chim hải hồ bay trắng thẳng ngày" bay khắp thiên thanh vĩnh thúy rồi đậu xuống mái hiên chùa rêu phong tịch mịch, ngời nhập định du hí tam muội làm thơ kính tặng cõi tinh không lồng lộng:

Mộng mơ mây ngủ hiền chùa

Đâm bụi rục đỏ hai mùa gặp nhau

Hơi rừng thơm nức chiêm bao

Đêm thâu nín thở ngó vào bài thơ

Toàn thể cuộc đời là bài thơ, sống chết là bài thơ, có không là bài thơ, mộng thực là bài thơ, buồn vui, sướng khổ là bài thơ, hơn thua, được mất là bài thơ, thành công, thất bại là bài thơ, gặp gỡ, ly biệt là bài thơ, phiền não, an lạc là bài thơ, khổ đau, hạnh phúc là bài thơ, chiêm bao mộng mị là bài thơ hay Vô thường chánh đẳng, chánh giác cũng đều là thơ thơ hết thảy, thơ ở trong thơ:

Tượng Phật ở bàn thờ

Đon dẹp để trống rơ

Tôi vẫn lay chỗ trống

Chỗ trống thành bài thơ

Chính cuộc đời của Phạm Công Thiện là một bài thơ quá tuyệt vời bát ngát, quá tuyệt mỹ lý thú, quá tràn trề mê say, ngợp đầy hào sáng rạt rào vô hạn, đã khơi dậy nguồn cảm hứng dồi dào, thắp lên ngọn lửa thiêng huy hoàng sáng tạo, bùng cháy bất tận giữa lòng nhân thế tuyệt trần:

Hứng lúc nào cũng đến

Giờ nào cũng giờ hên

Ngồi thẳng lưng mà viết

Vạn tư tưởng bỗng bình

Viết là sống. Sống một lần Tự Do Đầu Tiên Và Cuối Cùng như Krishnamurti hay sống Alexis Zorba Con Người Chơi Như Nikos Kazantzakis hoặc sống Chơi Giữa Mùa Trăng như Hàn Mặc Tử: "Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui buồn, giận hờn đến gần hết sự sống."

Thể điệu sống ấy, thật giống hệt với thi sĩ Phạm Công Thiện xiết bao!

[\(xem tiếp trang 66\)](#)

PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ

Tâm Minh Vương Thúy Nga



Mặc dù tôi rất ngưỡng mộ những bậc anh hùng hào kiệt, nhất là những bậc nữ lưu trong sử sách nước nhà hay ngoại quốc, tôi say mê đọc về cuộc đời họ, nhưng cuộc sống của tôi, cha mẹ tôi, bạn bè tôi, v.v... lại rất bình thường, không có một chút gì xuất sắc. Đại gia đình của tôi hầu hết là nhà giáo, Ba Mẹ tôi, các Dì Cậu tôi, các chị em của tôi cũng vậy, đều là nhà giáo, cái nghề được cho là đơm bạc nhất, bạc bẽo nhất... Thế nhưng có lẽ chúng tôi không thấy như vậy nên mới "nổi nghiệp" nhau nhiều đời làm nghề này chăng?

Nếu chỉ nói đến nghề thầy giáo thì còn hơi thiếu một chút đối với tôi, vì ngoài đời thường tôi là "cô giáo", còn trong Đạo tôi là chị trưởng, hay một huynh trưởng Gia đình Phật tử (GDPT). Nghề Thầy giúp tôi những kinh nghiệm về sự phạm, về chuyên môn, còn nghề Trưởng giúp tôi những kinh nghiệm về tình thương, sự chăm sóc của người chị, người mẹ đối với đàn em, đàn con của mình... Vì thế lúc ban đầu, tôi là một cô giáo trẻ mới ra trường đã được trang bị thêm tinh thần "hiếu và thương" của người chị Trưởng GDPT. Có lẽ vì vậy, tôi yêu nghề từ khi chưa vào trường Sư Phạm! Còn nhớ ngày đầu tiên sinh viên Sư Phạm của 7 ban học chung trong giờ Tâm lý sự phạm, giáo sư hỏi: "Trong này có bao nhiêu anh chị thí vào Sư Phạm vì yêu nghề, yêu trẻ?" Tôi không ngần ngại giơ tay lên. Sau đó tôi thấy hơi "quê" vì trong hơn 50 sinh viên, chỉ có 4, 5 người giơ tay thôi!

Nói về tình nghĩa Thầy Trò, xưa nay thật là nhiều người đã nói đến, nhiều bài văn hay nổi tiếng lưu truyền... cho nên đây không phải là chuyện tôi muốn lặp lại với một kinh nghiệm quá ít ỏi của mình. Ở đây chỉ xin nhắc lại vài kỷ niệm vui của một thời làm học trò, làm cô giáo, làm em đoàn sinh, làm Chị Trưởng... Mong rằng qua đó, dù không cần nói ra, chúng ta vẫn hiểu được đâu là nghĩa Thầy Trò, đâu là tình Lam thăm đợm.

Trước hết là một kỷ niệm học trò của thời thơ ấu. Chúng tôi là học sinh lớp ba trường tiểu học ở

Hội An với Thầy Bùi Cam. Hôm ấy, Thầy dạy về hình khối chữ nhật (bây giờ mới viết lại rõ ràng được như vậy chứ hồi đó không hề biết mục đích của Thầy). Thầy chỉ vào cái bàn của thầy giáo ngồi, hỏi: "Cái bàn này có mấy mặt?" Chúng tôi nhao nhao: Dạ 4 mặt, dạ 5 mặt, dạ 6 mặt... Thầy đi quanh bàn và đếm to: 1, 2, 3, 4, 5, 6! Tôi cãi ngay: "Dạ thưa Thầy chỉ có 4 thôi!" Trên thực tế, bàn thầy giáo chỉ có 4 mặt là kín, nghĩa là có 4 mặt bằng gỗ: mặt trên, 2 mặt bên và mặt trước; còn mặt đáy và mặt sau phía thầy giáo ngồi thì phải để hở (trống). Thế là Thầy bảo "em nào nói 4 mặt, 5 mặt thì đứng ra". Hầu hết cả lớp đều đứng ra. Thầy bắt "nhảy thỏ" hết, từ đầu lớp đến cuối lớp; nhảy thỏ là ngồi xổm xuống đất, chống hai tay xuống mặt đất rồi nhảy bằng bốn "chân"! Có khi Thầy dùng roi quất vào mông những bạn nghịch ngợm phá phách hay không chịu học bài, làm bài, v.v... nữa. Chúng tôi rất sợ thầy nhưng luôn kính mến và vâng lời thầy. Bây giờ ở Mỹ mà đem chuyện này kể cho ai nghe thì nhất định họ không tin và "kết tội" thầy giáo là "child abuse" liền! Còn hồi đó, không những học sinh mà cả phụ huynh học sinh cũng đều yêu mến kính trọng và tin tưởng thầy.

Trước khi nói về thời kỳ làm cô giáo, làm chị Trưởng, xin kể vài kỷ niệm nhỏ của thời kỳ "làm em", làm học trò trong GDPT. Từ hồi còn là một thiếu nữ của GDPT Gia Thiện, tôi đã được các chị Trưởng như chị Đào, chị Tịnh Nhơn chăm sóc, dạy bảo từ những cử chỉ, ý tứ nhỏ nhiệm của người con gái, cho đến những việc "khéo tay hay làm", như cắt khăn giấy, rút chỉ khăn mouchoir, làm bánh, kẹo, dọn bàn tiệc, v.v... những việc đó ở trường cũng có dạy nhưng phần thực tập là ở những buổi họp Đoàn, những buổi lễ đặc biệt của GDPT (như sinh nhật Đoàn, chu niên Gia đình, sinh nhật các chị và các bạn đoàn sinh...); mỗi kỳ đi trại thì đến ở lại nhà các Chị để sáng sớm mai cùng khởi hành

một lúc, những ngày chuẩn bị Phật Đản, văn nghệ Vu Lan... cũng đến nhà các chị thức khuya để kết hoa, tập hát tập múa... tình chị em được vun bồi từ những sinh hoạt hằng tuần và những sinh hoạt đặc biệt đó. Sau đó, chúng tôi, thiếu nữ của những đơn vị Hương Thiện, Gia Thiện, Hương Đạo, Chơn Tri, v.v... được tập trung về một đoàn Thiếu Nữ của Ban Hướng Dẫn Thừa Thiên là đoàn Liên Hương. Tại đây, ngoài chị Tịnh Nhơn và chị Đào, chúng tôi được thêm nhiều chị trưởng khác chung sức đào tạo như chị Kim Cúc, chị Tuy An, chị Quỳnh Hoa, chị Lệ Minh, v.v... Về Phật pháp thì được sư bà Diệu Không, thầy Đức Tâm, thầy Thiên Ân, sư cô Thể Quán, sư cô Thể Thanh, sư cô Cát Tường, v.v... trực tiếp giảng dạy (sau này đều gọi là sư bà Thể Quán, SB Thể Thanh, SB Cát Tường, v.v...)

GDPT cứ như vậy tiếp nối. Các Chị lo cho chúng tôi, còn chúng tôi lo cho đàn em của mình. Việc làm của người Huynh trưởng GDPT không có ai trả lương, không có danh vọng địa vị gì mà đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, và đôi khi cả tiền bạc nữa! Nhưng không có ai than van hay đòi "xuống đường tranh đấu cho quyền lợi" cả! Cái dây vô hình buộc chặt người Huynh trưởng vào với GDPT chính là Tình Lam. Anh Chị Em (ACE) Áo Lam thương yêu nhau như ruột thịt, có khi còn thân hơn ACE ruột vì có nhiều chuyện ACE trong nhà mà không hiểu nhau bằng ACE trong cùng Đơn vị GDPT.

Về giai đoạn làm học trò trong nhà trường, tôi cũng có nhiều kỷ niệm đã viết trong "Tự điển Thầy Cô giáo" rồi, quá dài nên không thể chép vào đây, chỉ xin nhắc lại là có những người Thầy Cô giáo chúng tôi đã thật sự coi họ như là cha mẹ, là người kỹ sư tâm hồn của mình, đã vẽ lên tâm hồn trẻ thơ của mình những nét đẹp khó quên, đã ảnh hưởng sâu đậm lên tâm tư tình cảm, đã hướng dẫn mình đi trên con đường chân thiện mỹ sau này. Chính những vị Thầy Cô giáo đã giảng dạy, rèn luyện cho chúng tôi tình yêu quê



hương, yêu những nét đẹp Đông phương, những truyền thống tốt đẹp của đạo đức, văn hóa dân tộc, v.v... những điều rất có lợi cho chúng tôi trong việc áp dụng dạy cho các em nhỏ ở hải ngoại sau này - điều mà trước đây không bao giờ được nghĩ đến!

Hành trang vào đời của con là lòng biết ơn quý Thầy, quý Sư bà, Sư cô dạy Phật pháp trong GDPT, quý vị giáo viên, giáo sư đã dạy chúng con từ Tiểu học đến Đại học, quý Anh Chị Trưởng của chúng con trong GDPT... dù bây giờ quý vị đang còn tại thế hay đã rời khỏi thế giới này, con vẫn cảm thấy như quý vị vẫn hiện diện trong lòng con, sẵn sàng chỉ bảo và hướng dẫn con luôn đi đúng đường để giữ được cuộc sống tốt đẹp.

Sau cùng là xin kể về các em học sinh của tôi, các em đoàn sinh và huynh trưởng trẻ trong GDPT, mà tôi cũng xem như là những ân nhân nhỏ bé dễ thương trong cuộc đời của mình. Có một điều trùng hợp rất vui là các em đoàn sinh GDPT thường cũng vừa là học sinh của tôi ở trường (ở Đồng Khánh Huế cũng vậy mà ở Nữ Trung Học Qui Nhơn cũng vậy). Người ta thường nói "gia bần tri hiếu tử..."; vì vậy, trong cuộc sống bình lặng nhiều khi tình cảm không được bộc lộ như khi có những biến cố chợt đến... Ví dụ cụ thể như trước năm 1975 tình thầy trò giữa cô giáo và nữ sinh Đồng Khánh, Nữ Trung Học Qui Nhơn, v.v... rất "thơ mộng lãng mạn", các em viết thư cho cô giáo, bỏ vào trong cặp cô hoặc có khi nhét vào đó những trái me, trái khế hay những gói ô mai ngọt ngào... Mẹ tôi phải ngạc nhiên thốt lên: "Cô giáo với học trò mà có gì phải thư từ hăng ngày vậy? Thời nay

thật lạ quá, hồi mạ đi học, sợ Thầy Cô như sợ cọp, có đầu mà tinh tứ như vậy!" Có em thì giận cô giáo và bỏ học ngày cô giáo đi lấy chồng! (làm cô giáo lo muốn chết!). Những niềm vui, nỗi lo trong sáng ấy sau năm 1975 không còn nữa nhưng tình thầy trò thì không bao giờ mất, nó chỉ "biến hóa" ra cách khác thôi, cũng như nước và sóng hay mây và mưa vậy.

Sau biến cố tháng 4 năm 1975, các nhà trường trong cả nước đều có khuôn mặt mới. Lúc đó, tôi đang dạy ở trường Trưng Vương (tên mới của trường Nữ Trung Học Qui Nhơn) và đây không còn là trường của nữ sinh như trước kia nữa mà là trường hỗn hợp (mixte) có cả nam sinh lẫn nữ sinh. Thầy cô giáo ngoài việc giảng dạy trên lớp còn phải hướng dẫn học sinh đi lao động hằng tuần như trồng cây, hay có khi lên các vùng Kinh tế mới như Tăng Tân Vinh, cách Qui Nhơn hơn 40 km; đi như vậy thì phải ở lại nhiều ngày. Các con tôi đang còn nhỏ, 4 đứa, đứa lớn nhất 10 tuổi còn đứa nhỏ nhất mới 3 tuổi. Cha thì đi "học tập" mẹ thì phải đưa học sinh đi lao động nên các em học sinh của tôi và các em đoàn sinh trong GDPT tự động thay phiên đến nhà lo cho các cháu nhỏ. Các em học sinh của buổi giao thời này hình như trưởng thành hơn các em học sinh ngày xưa, có lẽ vì đã được chính mắt chứng kiến những đổi thay đột ngột của đất nước, của thời cuộc... Ở trên đất lao động, học sinh của tôi tự động điều khiển nhau, phân công nhau làm tất cả mọi việc, để cho cô giáo nghỉ ngơi; cô giáo chỉ đứng coi các em làm việc (chứ đâu có biết gì hơn các em mà hướng dẫn!!) Đến giờ ăn các em còn múc cơm và thức ăn để dành riêng cho cô vì sợ "Cô làm sao mà ăn kịp tụi em, rồi Cô đói sao!" nữa chứ! Tình thầy trò vẫn ấm áp như bao giờ. Đặc biệt các em nữ sinh đi lao động vẫn đem theo ô mai, me cam thảo và còn nhớ bởi thêm cho cô giáo nữa; lại có em đem đến cho tôi một hũ muối sả thật lớn và thơm phức, nói rằng "của má em làm, gửi biếu Cô." Thế là tôi có quà để cho cả lớp được ăn những bữa cơm ngon miệng chứ không chỉ là "canh bí muôn năm" như mọi khi. Đó là về tình cảm, còn về học lực, sau 75 cũng có nhiều em học sinh xuất sắc mà sau

này khi gặp lại, người thầy cô giáo không khỏi tự hào được thấy các em đều đã thành công trên đường đời.

Riêng tôi cũng có một kỷ niệm đẹp: Vào những năm 90-91, tôi ghi tên học mấy lớp Computer ở Đại học Bách khoa Sài-gòn vì lúc tốt nghiệp Đại học Sư phạm ban Lý Hóa (năm 1961, Huế) chưa có môn học này. Tình cờ được gặp lại một em học sinh giỏi của mình, đã học với mình trước đây ở lớp 12 trường Trưng Vương Qui Nhơn, bây giờ em là giáo sư của trường Bách khoa, dạy về ngành Điện toán (Computer). Em không những vẫn chào hỏi cô giáo ngày xưa mà còn tình nguyện dạy riêng cho cô những lớp đê, "để cô khỏi tốn tiền học phí nhiều quá" nữa! Sau đó, chính thức ghi danh vào các lớp trên, cũng vào đúng lớp em phụ trách! Giờ đầu tiên vào lớp, khi các sinh viên đứng lên chào giáo sư, em nói với họ: "Từ nay các anh chị khỏi đứng lên chào tôi, vì có cô giáo cũ của tôi trong lớp này." Các bạn thấy có giống câu chuyện ông Carnot, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Pháp, được ca tụng là người đã nên danh phận nhưng không quên thầy giáo cũ, mỗi lần về quê thăm nhà đều ghé lại trường làng thăm Thầy giáo và nói chuyện với học sinh, kể lại công ơn Thầy đã dạy dỗ mình năm xưa, v.v... Tôi rất tự hào là học sinh Việt Nam cũng có nhiều em giống như ông Carnot vậy, tài đức vẹn toàn mà luôn khiêm tốn, giản dị, đầy lòng biết ơn mặc dù giờ đây mình cũng là một ông Thầy, một bà Cô... lại là thầy giáo, cô giáo dạy đại học nữa! Thật vậy, ở Pháp, ở Đức, ở Úc, ở Việt Nam những học sinh cũ của tôi bây giờ rất nhiều em đã có rất nhiều bằng cấp Ph.D. về nhiều bộ môn; đó là ở Đời. Còn nói về Đạo thì có những em học sinh cũ của tôi đã trở thành những tu sĩ Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin lành, những vị Đại đức, Sư cô, Linh mục, Mục sư... mỗi lần gặp lại, vẫn không có gì khác xưa... tôi cảm thấy thật hạnh phúc vì cảm nhận được cái gì là tình nghĩa thầy trò Việt Nam! Bởi vì chỉ ở những con người Việt Nam mới có như vậy. Ở Tây phương, cụ thể ở Mỹ mà tôi đang sống, người ta rất lịch sự với nhau nhưng phần đông học sinh sẽ quên ngay thầy cô giáo dạy mình niên học trước chứ đừng nói gì là 5, 10 năm sau!! Còn một cô giáo Việt Nam như tôi, đã xa trường từ gần 30 năm nay thì mãi đến bây giờ vẫn còn nhận được quà của học trò từ phương xa gửi tới! Có một món quà đặc biệt

có thể làm xúc động mọi người: một em nữ sinh (ngày xưa 17 nhưng bây giờ đã 50 tuổi rồi đó) đã ngồi thêu để tặng cho cô giáo năm xưa một bức tượng Quán Thế Âm, mất cả tháng trời, trong khi bản thân mình thờ đức Mẹ Maria! Nếu kể cho hết những cách bày tỏ tấm lòng của mình đối với Thầy Cô giáo thì không bút mực nào kể hết được!

Tình nghĩa Thầy Trò đối với người Việt Nam là một tình cảm rất chân thật, bình thường và tự nhiên, nhưng trong cái bình thường đó chứa đựng thực tại nhiệm mầu của sự tươi mát, của tình người, của cái đẹp vừa mong manh vừa vĩnh cửu, trong từng giây phút, đã và đang hiện diện quanh mình. Không phải sao? Khi ta nhắc đến Thầy Cô giáo dù là Thầy dạy chữ, dạy nghề hay dạy Đạo, không phải ta cảm thấy hạnh phúc, và những kỷ niệm của thời học trò được coi là tuyệt đẹp hay sao?

Xin mời các Bạn đọc bài thơ sau đây của nhà thơ Quách Thoại, khi ngắm một bông hoa Thược Dược nở bên hàng giậu, một hiện tượng rất đơn giản và quen mắt nhưng thi sĩ đã nắm bắt được thực tại nhiệm mầu nên đã viết nên những câu thơ bất hủ được nhiều người ca tụng:

*Đứng yên ngoài hàng giậu,
Em mím nụ nhiệm mầu
Lặng nhìn em kính ngạc
Và thoảng nghe em hát
Lời ca em thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu*

Con cũng xin "sụp lạy cúi đầu" với lòng biết ơn sâu sắc trước,

- quý ân sư đã dạy Phật pháp và đạo đức cho con,
- quý Thầy Cô giáo ở trường ngày xưa của con,
- quý Anh Chị Trưởng hiện còn trên đời hay đã khuất của em.

Cũng xin "sụp lạy cúi đầu" trước những em học sinh cũ của tôi, những em đoàn sinh của Chị, những con người biết nhìn dòng lịch sử trôi qua trước mắt mình, biết ngắm bình minh và hoàng hôn trên biển, biết nghe tiếng sóng biển hay tiếng suối để trầm tư về con người và cuộc đời, các em là những đóa hoa muôn màu muôn vẻ của trí tuệ và kiến thức... Xin cảm ơn tất cả các em vì các em đã từng là hoa, là nắng, là ánh sáng tươi vui trong cuộc đời tôi.

TÂM PHỤNG SỰ

*Mến tình cao thượng giữa trần gian
Niềm tin Chánh pháp mãi dăng tràn
Đạo - Đời phụng sự, tâm buông xả
Phước Đức trang nghiêm tỏa bạt ngàn.*

Chúc Hiếu

3 bài thơ họa:

BỒ ĐỀ TỎA HƯƠNG

*Phát nguyện tâm từ khắp thế gian
Bồ Đề hạt giống được lan tràn
Hương thơm tỏa ngát trong nhân thế
Phước Đức vẻ vang vượt mây ngàn.*

Phước Quang

TUYỆT TÁC NHỮNG VẠN THƠ

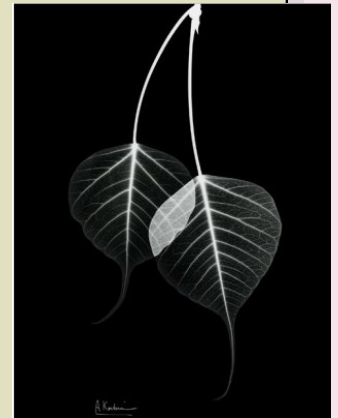
*Phước nên trau chuốt vượt thời gian
Đức mãi đắp bồi đức sẽ tràn
Bức họa hay thay thật tuyệt tác
Liễu tri Đức trọng Phước muôn ngàn.*

Phước Mỹ

VỆN TOÀN

*Phước vẹn Đức toàn trong thế gian
Tình thương lai láng vẫn dăng tràn
Dem niềm hạnh phúc ta chia sẻ
Tỏa khắp mười phương tận ngút ngàn.*

Diệu Đức



thơ

TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

Giấy tờ cần thiết của chùa tại Hoa Kỳ, Chùa và Tăng Ni tại Việt Nam khi nộp đơn I-129

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

HUỲNH TẤN LÊ biên soạn



Trong phạm vi của đề tài kỳ này chúng tôi xin đề cập đến những giấy tờ cần thiết của chùa tại Hoa Kỳ, chùa và Tăng Ni tại Việt Nam phải có để kèm theo đơn I-129.

Trong nội dung và tinh thần đạo luật Di Trú và Nhập Tịch 245, một số quy định rất tổng quát về nội dung các giấy tờ cần thiết kèm theo đơn I-129 như sau.

A. CHÙA TẠI HOA KỲ

1. Thư công nhận Chùa được Exempt Status của IRS (hay Giấy Nonprofit của Liên Bang)

- Thư công nhận Chùa được Exempt Status của Tiểu Bang (hay Giấy Nonprofit của Tiểu Bang) nếu có.
- Giấy tờ khai thuế năm trước thường là FORM 990, nếu không có thì nộp giấy tờ tổng kết tài chính cuối năm và Bank Statement của Chùa.
- Chùa tại Hoa Kỳ còn phải cho biết thêm những chi tiết sau đây khi điền FORM I-129

Trang 5:

12. Year Established: ... (Chùa thành lập năm nào)
13. Current Number of Employees in the US: ... (Số nhân viên hiện có)
14. Gross Annual Income: ... (Hằng năm thu được bao nhiêu tiền)
15. Net Annual Income: ... (Số tiền còn lại cuối năm sau khi chi xong)

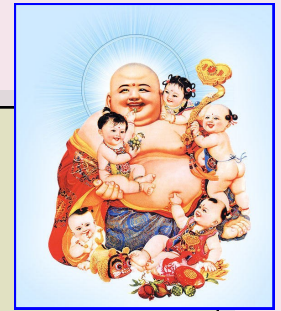
Trang 27:

Provide the following information about the petitioner. (Xin Chùa cho biết những tin tức sau đây)

- a) Number of members of petitioner: ... (Chùa có bao nhiêu Phật tử)
- b) Number of employees working at the same location where the beneficiary will be employed: ... (Có bao nhiêu nhân viên đang làm việc tại Chùa nơi mà người đang xin trong đơn sẽ làm việc)
- c) Number of aliens holding immigrant or nonimmigrant religious worker status currently employed or employed within the past 5 years: ... (số tu sĩ có I-360 hay có I-129 chấp thuận đã và đang làm việc tại Chùa trong 5 năm qua).
- d) Number of special immigrant religious worker petition(s) (I-360) and nonimmigrant religious worker petition(s) (I-129) filed by the petitioner within the past 5 years: ... (Chùa đã nộp tổng cộng bao nhiêu đơn I-360 và I-129 trong 5 năm qua).

Chùa tại Hoa Kỳ là người đứng đơn tức petitioner của đơn I-129, nếu đây là lần đầu tiên chùa đứng ra xin I-129 cho một tu sĩ thì trong vòng 2-3 tháng từ lúc nộp đơn, Sở Di Trú (SDT) sẽ cử nhân

viên đến tại chùa để xét lại chùa có đúng như đã nộp đơn hay không. Nhân viên này là từ Analysis Unit tạm dịch là Cơ Quan Phân Tích nhưng thực chất là cơ quan điều tra. Không có gì quan trọng trong việc xét này cả. Gần như từ trước tới giờ tất cả các chùa lớn, nhỏ khi xét họ đều chấp thuận và từ đó trở đi SDT liệt kê chùa này trong danh sách các cơ quan nonprofit. Các chùa nhỏ không có gì phải lo vì lịch sử phát triển tôn giáo tại Hoa Kỳ bắt đầu từ những nhà thờ bằng các nhà tranh mái lá trong những khu hoang vu hay ngay cả trong các khu cư trú của dân chúng. Nhân viên của SDT nếu đến chùa mà không gặp ai thì họ sẽ để business card lại và mình gọi hẹn hay chính họ đã để lại ngày giờ trở lại. Họ sẽ không bao giờ đặt vấn đề hợp pháp hay sự vi phạm của chùa đối với thành phố. Chuyện thành phố đối với chùa và chuyện của SDT là hai việc hoàn toàn khác nhau, xin đừng lo. Nếu cần người nói tiếng Anh thì hẹn người đó trong giờ SDT đến gọi điện thoại để dịch lại cho họ. Sau khi xét xong thì chùa này có tên trong SDT và một vấn đề quan trọng là khi có tên trong SDT rồi thì mình được quyền xin theo thủ tục nhanh cho một tu sĩ đang đi du lịch tại Hoa Kỳ trở thành nhân viên tôn giáo không thường trú y hệt như người đã có chiếu khán tôn giáo từ Việt Nam đến. Thủ tục này gọi là Premium Processing của đơn I-129, chỉ đơn I-129 mới được xin Premium Processing mà thôi, các đơn khác không được. Dĩ nhiên mình phải đóng lệ phí rất cao, hiện nay là \$1,225 đô -la Mỹ cộng thêm lệ phí \$325 đô-la cho I-129. Thời gian để xét và cấp R-1 tối đa là 2 tuần. Nếu sau này chùa có xin I-129 cho vị tu sĩ nào mà chờ ba, bốn tháng không thấy xét thì nộp đơn I-907 và lệ phí \$1,225 đô-la thì sau hai tuần sẽ có kết quả (bác đơn hay chấp thuận). Vì có dịch vụ nhanh này nên Tăng Ni khi đến Hoa Kỳ theo diện du lịch B1/B2 dù chùa tại Hoa Kỳ nộp đơn I-129 trước khi hết hạn nhưng thời gian xét đơn quá lâu nên khi cấp R-1, thời gian bắt đầu R-1 này không tiếp nối liên tục với thời gian hết hạn của B1/B2. Thời gian khoảng giữa không liên tục này gọi là bất hợp pháp và SDT dùng danh từ out of status. Bất hợp pháp (out of status) còn được hiểu là thời gian ở quá hạn trên giấy I-94 hay giấy R-1. Tăng Ni rơi vào trường hợp này không nên tiếp tục ở lại Hoa Kỳ mà phải về nước và nhờ Chùa tại Hoa Kỳ xin R-1, khi được chấp thuận, xin interview để trở lại Hoa Kỳ. Đạo Luật 245 quy định là nếu thời gian bất hợp pháp từ 1 đến 180 ngày thì 3 năm sau mới được trở lại Tòa Lãnh Sự xin interview và nếu bất hợp pháp trên 180 ngày thì 10 năm sau. Nhiều trường hợp chùa nêu lý do là đã nộp đơn xin gia hạn trước ngày hết hạn ngưng vì SDT cấp trễ nên mới rơi vào trường hợp bất hợp pháp. SDT phản biện là phải xin ít nhất 6 tháng trước ngày hết hạn gọi là dùng dịch vụ nhanh để xin nếu thời gian không đủ. Hầu hết những trường hợp bất hợp pháp này SDT đều bác đơn khi xin I-485.



B. CHÙA VÀ TẶNG NI TẠI VIỆT NAM

1. Chùa tại Việt Nam. Phải cấp **Giấy Chứng Nhận** do vị Trụ Trì ký là Tăng Ni liên hệ có làm việc tại chùa mình trong thời gian lâu hơn **hai năm** tới ngày ký giấy, chức vụ là **tu sĩ thường trú** tại chùa, dịch từ chữ tiếng Anh là Resident Monk. **Công việc hằng ngày** là làm những công việc thường xuyên như một nhà truyền giáo (minister) như thuyết giảng Phật pháp, hướng dẫn cầu an, cầu siêu, hướng dẫn Phật tử tu tập. Ngoài Giấy Chứng Nhận, chùa tại Việt Nam còn phải cấp cho Tăng Ni một **Giấy Giới Thiệu** đến chùa bên Hoa Kỳ lý do là cho họ biết chức năng tu sĩ (nhà truyền giáo) của vị tu sĩ này được phép làm việc tại Hoa Kỳ. Cho tới giờ này Hoa Kỳ là một xứ Thiên Chúa Giáo và lấy Thánh kinh làm kim chỉ nam đạo đức nên họ quan niệm một vị linh mục nếu từ xứ khác đến thì không thể làm chủ lễ nếu không cùng một dòng thánh. Do đó Giấy Giới Thiệu của chùa tại Việt Nam là để giải quyết vấn đề này. Nếu cần, quý vị liên lạc tại email ở cuối bài để chúng tôi cung cấp các mẫu của hai loại giấy này.

2. Tăng Ni tại Việt Nam gọi là beneficiary tức người hưởng thụ phải copy tất cả những giấy tờ cá nhân như Giấy Khai Sanh, Chứng Minh Nhân Dân, Chứng Nhận Tăng Ni, Chứng Điệp Thọ Giới, Bằng Cấp Phật Học hay bằng cấp tương đương khác. Tất cả những giấy tờ này copy màu nếu bản chính là màu và gởi sang Hoa Kỳ để dịch ra rồi đi notary public mà danh từ trong nước gọi là công chứng. Cách hay nhất là scan hay nhờ dịch vụ scan và gởi bằng email đến Hoa Kỳ rồi in ra. Giấy quan trọng nhất là giấy khai sanh vì sợ trường hợp già mạo nên SDT xét giấy khai sanh rất kỹ. Nếu giấy khai sanh mới vừa xin xong thì thông thường khi làm I-485, khi yêu cầu bổ túc giấy tờ, SDT đòi có sổ hộ khẩu hay giấy chứng nhận của Ủy Ban Nhân Dân Phường, Xã xác nhận lý do làm giấy khai sanh trễ hạn.

- Tất cả giấy tờ khi dịch sang tiếng Anh nhớ làm ít nhất là bốn bản để khi nộp I-129

hai hồ sơ, một hồ sơ chính và một hồ sơ phụ, khi chấp thuận họ gởi hồ sơ phụ đến Bộ Ngoại Giao tức Tòa Lãnh Sự liên hệ và còn ít nhất hai bản nữa để nộp I-360 và I-485 sau này.

- Tăng Ni xin R-1 và xin thẻ xanh theo diện nhà truyền giáo (minister) phải nhớ rằng một trong những điều kiện để trở thành minister là phải tốt nghiệp từ một trường Thần học. Việc Tăng Ni tốt nghiệp từ một trong những trường sơ cấp, trung cấp hay cao đẳng hoặc Viện Phật Học tức bằng cử nhân đều được chấp nhận là nhà truyền giáo.

- Tăng Ni khi có R-1, Luật Di Trú và Nhập Tịch Hòa Kỳ gọi Tăng Ni này là Nonimmigrant Religious Worker tạm dịch sang tiếng Việt là Nhân Viên Tôn Giáo Không Thường Trú. Do đó muốn xin thẻ xanh thì phải biến thành Immigrant Religious Worker tức phải trở thành nhân viên tôn giáo thường trú bằng đơn I-360 rồi mới xin thẻ xanh bằng đơn I-485.

Kỳ tới chúng tôi sẽ nói đến I-360 và I-485, liệt kê một số hỏi đáp về đơn I-129 mà các chùa thường gọi là bảo lãnh Tăng Ni từ Việt Nam để quý vị thấy rõ ràng hơn về hoàn cảnh của chùa mình và khả năng bảo trợ.

Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soạn Báo Chánh Pháp hay điện thư về drlehuynh@gmail.com

Tài liệu tham khảo: website uscis.gov, petition I-129, petition I-907, INA Act 245.

Tâm Xuân

*Lác đặc ngoài sân tuyết đã tan
 Tươi tắn ngũ quả bày trên bàn
 Sột soạt trên tường trang lịch mới...
 Chợt hay vũ trụ chuyển xuân sang.
 Trời Xuân trong mắt ánh Thiệu Quang
 Lễ hội, trò vui rất rộn ràng
 Hoa lá thắm tươi, chồi lộc mới
 Trên mặt trẻ già vẻ hân hoan.
 Xuân dệt cho đời thêm ước mơ
 Thoả mãn cho ai những mong chờ
 Bù đắp khoảng dài xa trông vắng
 La liệt tiệc vui với cuộc cờ...
 Hạnh phúc gắn liền với mùa Xuân?
 Hạnh phúc say sưa với tiệc tùng?
 Hạnh phúc xe xua trang phục đẹp?
 Hạnh phúc sum vầy với người thân?
 Nhưng vận cuộc đời hợp với tan
 Xuân thăm nhân gian, Xuân lại tàn
 Còn gì sót lại sau hai tháng?
 Kỷ niệm buồn vui, tiếc mang mang...
 Sao quá say mê với trò đời?
 Tán tuồng giả tạm, những cuộc chơi ...
 Niu kéo làm chi thêm chơi với?
 Đến-đi, sinh-diệt lẽ thường thôi.
 Nhưng vẫn còn đây một nhánh mai
 Giữa cuộc vô thường chóng tàn phai
 Tự tánh, chọn tâm hằng thanh tịnh
 Chẳng bị cuốn theo cảnh bên ngoài.
 Nhìn Ngài Di Lạc thật an nhiên
 Sáu bé phá quanh cũng chẳng phiền
 Bụng lớn bao dung điều thuận nghịch
 Nụ cười hỷ xả, lạc vô biên.
 Hạnh phúc khi Ta sống thiện chân
 Ban rải niềm vui khắp xa gần
 Tinh tấn công phu theo Chánh Đạo
 Trong Ta mãi mãi một niềm Xuân.
 Niềm Xuân từ thưở tại Đạo tràng
 Đức Phật tìm ra Ánh Đạo Vàng
 “Từ tôn in vết thân chân lý
 Sáng rọi thanh Xuân vạn cõi lòng.”*

thơ

THÍCH MINH TUỆ

Rõng rang chẳng một vọng âm

(tựa do Chánh Pháp đặt cho các trích đoạn từ thi phẩm Lục Bát Ba Câu của cố Thi sĩ Nguyễn Tôn Nhan do Thư Quán Hương Tích xuất bản)

*một là vượt cửa tử sinh
hai là trụ được một mình ở đây
ba là không vui không đây.*

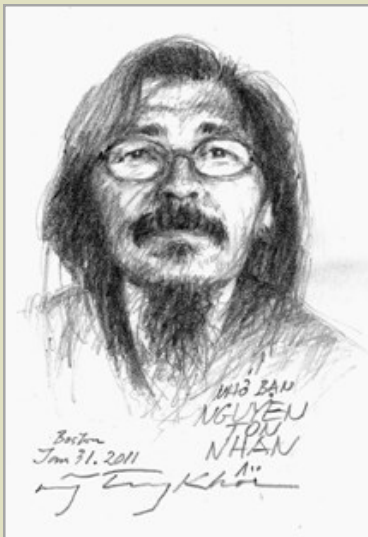
*cõi này là để chơi hoang
mai kia cõi ấy dịu dàng lặng câm
rõng rang chẳng một vọng âm.*

*không không một máy cũng không
nhìn quanh chẳng có bợn lông này mà
sạch lâu sau trước chân tâm.*

*lỡ vào cái cõi trung dung
nói sao miệng cũng ngậm ngừng hàng hai
đâu dè đạo ở bên ngoài.*

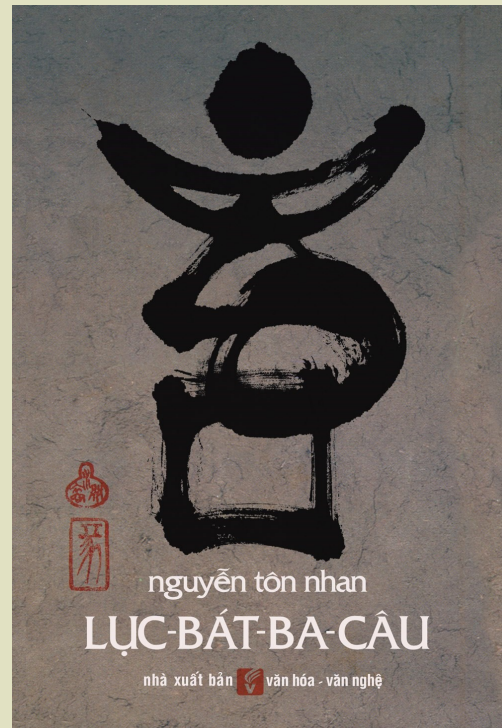
*thật ra chỉ thích nằm dài
nhìn mây lóm đóm vương cài vào trắng
dù cho mắt cả thăng bằng.*

*ồ trắng. ồ núi. ồ em
lọt anh vào giữa chẳng thêm được gì
vô công. vô danh. vô vi.*



NGUYỄN TÔN NHAN

WAO



NGUYỄN TÔN NHAN

Sinh năm 1948 tại Bắc Việt Nam. Trưởng thành tại Nam Việt Nam. Trước 1975, sáng tác thơ văn. Sau 1975, nghiên cứu văn học cổ điển Trung Quốc. Về cõi Tịnh độ đầu năm 2011.

Trước tác chủ yếu

- Kinh Lễ
- Liệt Tử – Xung hư chân kinh
- Trang Tử – Nam hoa kinh
- Từ điển Thành ngữ Điển tịch Trung Quốc
- Từ điển Văn học Cổ điển Trung Quốc
- Từ điển Hán Việt – Văn ngôn dẫn chứng
- Bách khoa thư Văn hóa Cổ điển Trung Quốc
- Nho giáo Trung Quốc
- Hoài Nam Tử – Cuộc đời, tư tưởng và toàn văn Hoài Nam Hồng Liệt.

HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ “Good Question, Good Answer” của **Ven. Shravasti Dhammika**
Thích Nguyên Tạng dịch

(tiếp theo kỳ trước)

Chương 5 Tái sinh

Con người từ đâu đến và rồi sẽ đi về đâu?

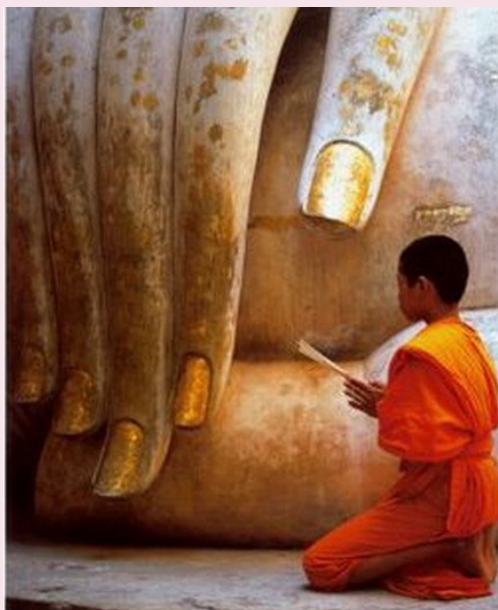
Có ba câu trả lời có thể giải đáp câu hỏi này. Nhiều người tin vào một Thượng đế hay thần linh thì cho rằng trước khi một con người được sinh ra, con người không hiện hữu, rồi người ấy được sinh ra qua ý định của Thượng Đế. Trong đời sống con người tùy theo tín ngưỡng và hành động mà người ấy sẽ được lên thiên đàng vĩnh hằng hay đọa lạc nơi địa ngục vĩnh viễn. Các nhà nghiên cứu khoa học và nhân văn đã tuyên bố rằng con người xuất hiện từ những nguyên nhân tự nhiên, sống rồi chết, sự hiện hữu ấy không ngừng. Phật giáo không thừa nhận những lời giải thích này. Lời giải thích thứ nhất gặp nhiều vấn đề về đạo đức. Vì nếu có một vị Thượng Đế tốt tạo ra mỗi chúng ta, điều đó thật khó giải thích tại sao có quá nhiều người khi mới sinh ra bị dị dạng đến ghê tởm, hay tại sao có quá nhiều đứa trẻ sẩy thai trước khi sinh. Những vấn đề khác với lời giải thích của thuyết hữu thần dường như rất bất công, rằng một người sẽ phải chịu đau khổ vĩnh viễn trong địa ngục do vì những tội lỗi anh ta đã tạo ra trong vòng sáu mươi hay bảy mươi năm trên đời này. Sáu mươi hay bảy mươi năm của một đời người không có tin ngưỡng và vô đạo đức thì không đáng để chịu những hình phạt vĩnh viễn như vậy. Cũng thế, sáu mươi hay bảy mươi năm của một người có tin ngưỡng và đạo đức chỉ là một kết quả nhỏ đầu thế của một cuộc sống sung sướng vĩnh viễn ở trên thiên đàng. Cách giải thích thứ hai khá hơn cách thứ nhất và có nhiều chứng cứ khoa học hơn để hỗ trợ cho điều đó, nhưng vẫn chưa có câu trả lời cho câu hỏi quan trọng trên. Làm sao một hiện tượng quá phức tạp đến ngạc nhiên khi ý thức có thể phát triển từ một cuộc tiếp xúc đơn giản của hai tế bào, tinh trùng và trứng? Và hiện nay theo khoa cận tâm lý được thừa nhận là một phần của khoa học, hiện tượng đó giống như thần giao cách cảm tạo ra khó khăn để thích hợp với khuôn mẫu thiên về tư tưởng duy vật.

Phật giáo đã cung cấp lời giải thích thỏa đáng nhất về việc con người từ đâu đến và rồi sẽ đi về đâu. Khi chúng ta chết, thần thức, với tất cả những khuynh hướng sở thích, tài năng và tính tình có sẵn và tùy thuộc vào đời sống này, chính nó sẽ tái thiết lập ở trong trứng thụ tinh. Như vậy, một cá nhân trưởng thành, là sự tái sinh và sự phát triển nhân cách, được

quy định bởi hai yếu tố tính chất tinh thần trong quá khứ và môi trường sống mới. Nhận cách sẽ thay đổi và sẽ được bổ sung bởi những nỗ lực của ý thức và những yếu tố trong sinh hoạt như giáo dục, ảnh hưởng của cha mẹ và xã hội và một lần nữa cái chết xảy ra, rồi chính nó lại tự tái lập trong một trứng thụ tinh mới. Tiến trình sinh tử, tử sinh này sẽ tiếp tục lặp đi lặp lại cho đến khi tham ái và vô minh đoạn diệt. Khi một người làm được như thế, thay vì tái sinh thì tâm của họ đạt được một trạng thái, được gọi là Niết bàn và đó là mục đích tối hậu của đạo Phật và cũng là mục tiêu của cuộc sống.

Làm thế nào thần thức có thể đi từ thân xác này đến một thể xác khác?

Cứ nghĩ là nó giống như làn sóng của máy radio. Làn sóng máy phát thanh không phát đi không bằng lời nói và âm nhạc mà từ năng lượng theo những tần số khác nhau và được truyền đi qua không gian, rồi được tiếp nhận bởi máy thu thanh với lời nói và âm nhạc như ở nơi nó được phát đi. Điều này ví như tâm thức vậy. Khi chết, năng lực tinh thần của con người đi qua không gian, rồi bị cuốn hút và được đón nhận bởi một trứng thụ tinh. Khi bào thai phát triển, chính thần thức tập trung ở não bộ nơi mà về sau "đài phát thanh" này được xem như một cá nhân mới.



Có phải con người thường tái sinh trở lại kiếp người không?

Không. Có nhiều cõi giới mà con người sẽ có thể tái sinh. Có người tái sinh lên cõi trời, có người tái sinh xuống địa ngục, có người tái sinh làm quỷ đói, v.v... Cõi trời không phải là nơi chốn nào đó mà là một trạng thái hiện hữu trong con người

mang thân xác và tâm hồn phần lớn trải qua sự vui sướng. Một số tôn giáo cố gắng để được đầu thai vào cõi trời (thiên đàng) và thật là lầm lẫn tin rằng đó là nơi vĩnh hằng. Kỳ thật không phải vậy. Giống như tất cả điều kiện nhân duyên, thiên đàng vẫn phải chịu sự đổi thay và thọ mạng người ấy sẽ chấm dứt, vì ấy có thể tái sinh trở lại kiếp người. Địa ngục cũng thế, không có một chỗ nào đó rõ ràng mà chỉ là một trạng thái hiện hữu nơi mỗi con người mang hình dạng vị tế và tư tưởng chủ yếu luôn trải qua trong sâu khổ và lo âu. Ngạ quỷ, một lần nữa cho ta thấy cũng chỉ là một trạng thái hiện hữu với thân xác và tâm thức liên tục bị cấu xé bởi những tham ái và không như ý.

Như vậy, chúng sanh ở thiên đàng phần lớn trải qua sự vui sướng, chúng sanh ở địa ngục và ngạ quỷ thường trải qua sự khổ đau cùng cực, và cõi người

thì lẫn lộn với hai trạng thái này: khổ và vui. Như thế, chỗ khác nhau chính yếu giữa cõi người và cảnh giới khác là ở chỗ hình dạng thân xác và tính chất thọ báo.

Cái gì quyết định cho việc tái sinh?

Đó là yếu tố tối quan trọng nhất, nhưng không phải cái duy nhất ảnh hưởng nơi ta sẽ được tái sinh và cuộc sống ta sẽ có thuộc loại nào, đó là nghiệp (karma). Nghiệp nghĩa là hành động có liên hệ tới những hành động có tác ý. Nói cách khác, những gì chúng ta đã quyết định là do chúng ta đã nghĩ và hành động trong quá khứ. Cũng thế, bây giờ chúng ta nghĩ và hành động thế nào thì nó sẽ ảnh hưởng đến ta như thế ấy trong tương lai

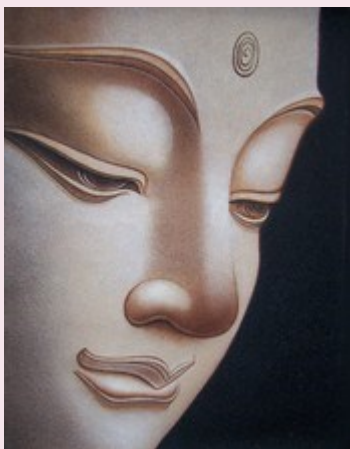
Hạng người hiền lành, từ ái thì có khuynh hướng tái sinh vào thiên đàng hoặc cõi người có uy thể được hạnh phúc. Hạng người hay sầu lo, đau khổ và độc ác có xu hướng rơi vào địa ngục hoặc tái sinh vào kiếp người trong hoàn cảnh khổ đau. Hạng người bị ám ảnh về tham ái, thèm khát mãnh liệt có khuynh hướng tái sinh vào loài ma đói hoặc sinh làm người luôn thất vọng bởi sự thèm muốn và khát vọng của họ. Nói chung, bất cứ một thói quen tinh thần nào phát triển một cách mạnh mẽ ở đời này, sẽ tiếp tục có mặt ở đời sau, tuy nhiên, phần lớn người ta đều tái sinh vào kiếp người.

Như thế chúng ta không bị nghiệp chi phối, chúng ta có thể thay đổi được nó chăng?

Cổ nhiên chúng ta có thể. Đó là một trong những tầng bậc của Bát Chánh Đạo, là Chánh Tinh Tấn. Nhưng còn tùy thuộc vào sự nhiệt tâm, nghị lực và thói quen của chúng ta nữa. Quả thật, có một số người đơn giản đã trải qua cuộc sống của họ dưới sự ảnh hưởng nặng nề của thói quen quá khứ, mà không cố gắng để chuyển hóa chúng nên trở thành nạn nhân cho những hậu quả khổ đau. Người như vậy sẽ tiếp tục khổ đau cho đến khi nào họ chịu thay đổi những thói hư tiêu cực của họ. Bao lâu những thói quen tiêu cực còn tồn tại thì việc thay đổi chúng càng khó bấy nhiêu. Người Phật tử biết rõ điều này và tận dụng mọi cơ hội để loại bỏ những thói quen tiêu cực của tinh thần và phát triển những thói quen tinh thần thuộc về kết quả hạnh phúc. Thiên định là một trong những kỹ thuật làm giảm bớt những thói quen đã định hình trong quá khứ của ta như nói năng hay chế ngự nói năng hoặc hành động hoặc chế ngự hành động. Đời sống của người người Phật tử là rèn luyện, thanh lọc tâm, và giải thoát. Chẳng hạn, nhẫn nhục và tử bi là một phần rõ ràng trong cá tính của bạn ở kiếp trước, những cá tính ấy sẽ tái xuất hiện ngay trong đời này. Nếu nó mạnh mẽ và được phát triển trong đời này thì chúng sẽ có mặt, thậm chí còn mạnh hơn và rõ rệt hơn ở những kiếp sau. Điều đó căn cứ trên sự kiện đơn giản và dễ dàng quan sát rằng những thói quen hình thành lâu đời thì có khuynh hướng khó thay đổi..

Hiện tại, nếu bạn là một người nhẫn nhục và tử bi, rõ ràng và chắc chắn là bạn sẽ không dễ bị người khác quấy nhiễu, bạn không có ác cảm với người, mọi người đều thích bạn và như thế bạn cảm thấy hạnh phúc hơn.

Bây giờ xem xét một ví dụ khác, hãy cho là bạn sinh ra với cá tính nhẫn nhục và tử tế, vì đó là thói



quen tinh thần của bạn có từ kiếp trước. Nhưng trong đời này, bạn lãng quên việc phát triển những thói quen ấy. Chúng sẽ dần dần yếu đi, mất hẳn và có lẽ hoàn toàn không còn nữa trong tương lai. Kiên nhẫn và tử tế trong trường hợp này đã yếu đi, có thể hoặc đời này hoặc đời sau, nóng tánh, sân hận và độc ác, có thể được hình thành và phát triển trong bạn mà chính nó sẽ mang đến cho bạn những sầu muộn và khổ đau.

Ta hãy xem một ví dụ khác, vì thói quen tinh thần từ kiếp trước nên trong đời sống hiện tại bạn có khuynh hướng hay cáu gắt, nóng giận và khi bạn nhận ra những thói quen ấy chỉ làm cho bạn khổ đau và như thế bạn cố gắng hóa giải chúng. Bạn thay thế

chúng bằng những cảm xúc tích cực. Nếu bạn cố thể loại bỏ chúng hoàn toàn thì có thể với nỗ lực bạn cố, bạn sẽ tự tại trước những cơn nóng giận và thất vọng. Nếu bạn chỉ cố làm cho những khuynh hướng ấy yếu đi thì chúng sẽ tái xuất hiện trong đời sau, nếu bạn nỗ lực hơn nữa thì chúng có thể bị đoạn tận và bạn sẽ được giải phóng khỏi những hậu quả bất an của chúng.

Bạn đã nói nhiều về tái sinh, nhưng có bằng chứng để biết là chúng ta tái sinh khi chúng ta qua đời?

Không những chỉ có chứng cứ khoa học xác minh cho tín ngưỡng Phật giáo về tái sinh mà còn có lý thuyết về đời sống sau khi chết và có bằng chứng để hỗ trợ việc này. Không có một dấu hiệu nào để chúng minh sự hiện hữu của thiên đàng và cõi nhiên chứng cứ hủy diệt vào lúc chết cũng không có. Tuy nhiên trong suốt 30 năm qua, các nhà nghiên cứu về tâm đã xem xét một số người có trí nhớ sâu xa về kiếp trước của họ. Chẳng hạn như ở Anh quốc, một bé gái năm tuổi, nói rằng em có thể nhớ đến "cha mẹ khác" của em và em nói chuyện một cách sống động về một đời sống của một người khác. Các nhà nghiên cứu tâm lý được mời đến và họ hỏi em hàng trăm câu hỏi và được em trả lời hết tất cả. Em đã nói về cuộc sống ở một ngôi làng đặc biệt thuộc nước Tây Ban Nha, em cho biết tên ngôi làng và tên đường phố nơi em sống, tên của những người láng giềng và nhiều chi tiết khác về cuộc sống hàng ngày ở đó. Em đã rơi nước mắt khi cho biết em đã bị xe đụng, bị thương và qua đời hai ngày sau đó. Những chi tiết này sau đó được kiểm chứng, người ta thấy sự kiện rất chính xác. Quả thật có một ngôi làng như thế ở Tây Ban Nha với cái tên mà em bé năm tuổi đã cung cấp. Có ngôi nhà mà theo kiểu em bé đã mô tả nằm trên con đường mà em bé đã cho biết tên. Người ta còn tìm ra ngôi nhà của một phụ nữ 23 tuổi đã chết vì tai nạn xe hơi cách đó năm năm. Làm sao một em bé năm tuổi đang sống ở Anh quốc, chưa từng đến Tây Ban Nha mà lại biết hết tất cả những chi tiết ấy? Và tất nhiên, đó không phải là trường hợp duy nhất về tái sinh. Giáo sư Ian Stevenson thuộc phân khoa tâm lý trường đại học Virginia, Hoa Kỳ, đã mô tả hàng chục trường hợp tái sinh trong cuốn sách (1) của ông. Ông Ian Stevenson, một nhà khoa học uy tín với hơn 25 năm nghiên cứu về những người có trí nhớ về đời sống quá khứ là một chứng cứ rất vững chắc cho những lời đạo lý Phật giáo về vấn đề tái sinh.

Một số người cho rằng khả năng nhớ về kiếp trước là công việc của ma quỷ?

Bạn không thể đơn giản bỏ qua những gì không phù hợp với đức tin của mình như chuyện của ma quỷ. Nếu bạn muốn phản bác điều đó, bạn phải dung lý lẽ hợp lý để hỗ trợ tư tưởng khi đưa ra những dữ kiện khó - vấn đề ma quỷ không phải không hợp lý và mê tín.

Bạn nói bàn thảo về ma quỷ là mê tín, còn nói về tái sinh không phải là mê tín sao?

ĐÁP: Từ điển định nghĩa từ "mê tín" là "một niềm tin không được đặt trên sự kiện hay trên lý trí mà chỉ là sự kết hợp của các ý tưởng, như là phép lạ". Nếu bạn có thể chỉ rõ cho tôi thấy từ một cuộc nghiên cứu thận trọng về sự hiện hữu của ma quỷ được một nhà khoa học ghi chép thì tôi sẽ thừa nhận rằng tin vào ma quỷ không là mê tín. Nhưng tôi chưa bao giờ nghe thấy bất cứ một cuộc nghiên cứu nào về ma quỷ cả, đơn giản là các nhà khoa học không bận tâm nghiên cứu những việc như vậy. Vì thế tôi xin nói không có bằng chứng nào cả về sự hiện hữu của ma quỷ. Tuy nhiên như chúng ta được biết, đã có chứng cứ xem như ủng hộ cho thuyết tái sinh. Vì vậy, nếu tin tưởng có việc tái sinh ít ra nó cũng cần cứ trên vài dữ kiện, nên không thể xem là mê tín được.

Thôi được, vậy đã có nhà khoa học nào tin vào thuyết tái sinh không?

Có, ông Thomas Huxley, người có công đưa khoa học vào hệ thống giáo dục của Anh ở thế kỷ thứ 19 và là nhà khoa học đầu tiên bảo vệ luận thuyết của Darwin, ông tin rằng tái sinh là một khái niệm hợp lý. Trong cuốn sách nổi tiếng "Sự Tiến Hóa, Đạo Đức học và những bài luận khác", ông nói:

"Trong học thuyết luân hồi, bất kể nguồn gốc nó là gì, theo sự nghiên cứu Phật giáo và Bà La Môn giáo, đã cung cấp những dữ kiện để chứng minh hợp lý về hoạt động của vũ trụ đến con người.... Tuy lý lẽ này không đáng tin hơn những lý thuyết khác và không ai ngoài những người suy nghĩ vội vàng sẽ phản bác vì cho đó là chuyện vô lý. Giống như học thuyết tiến hóa, thuyết tái sinh có nguồn gốc từ thế giới hiện thực; và điều đó có thể xác thực như là một lý luận mạnh mẽ có đủ khả năng đáp ứng."

Thêm nữa, Giáo sư Gustaf Stromberg, một nhà thiên văn học và vật lý học, người Thụy Điển và là bạn thân của nhà khoa học Einstein cũng tìm thấy khái niệm về tái sinh:

"Có nhiều quan niệm khác nhau về linh hồn con người hoặc có thể tái sinh trên đời hay không. Vào năm 1936, một trường hợp thú vị đã được những viên chức của chính phủ Ấn Độ kiểm tra và được báo cáo lại. Một bé gái (tên Shanti Devi ở Delhi) có thể mô tả chính xác về đời sống trước đây của em (ở Muttra cách Delhi khoảng năm trăm dặm). Em đã qua đời tại nơi đó rồi tái sinh lần thứ hai. Em cho biết tên của người chồng, người con và mô tả ngôi nhà cũng như lai lịch về cuộc đời em. Một ủy ban điều tra đã đưa em đến thăm người thân trong kiếp trước để xác minh lại lời trình bày của em. Trong số những người tái sinh ở Ấn Độ được xem như chuyện bình thường, nhưng trong trường hợp này đã làm cho người ta ngạc nhiên vì bé gái này đã nhớ rất nhiều về những sự kiện đã qua. Trường hợp này và còn nhiều chuyện tương tự khác có thể thêm vào bằng chứng cho học thuyết ký ức không thể hủy diệt."

Giáo sư Julian Huxley, một khoa học gia nổi tiếng người Anh, là tổng giám đốc tổ chức UNESCO (2) tin rằng tái sinh hoàn toàn phù hợp với quan điểm của khoa học:

"Không có gì ngăn cản sự thường còn của một linh hồn cá nhân sau khi chết giống như một thông điệp vô tuyến được truyền đi trong một hệ thống truyền thông đặc biệt. Nhưng phải nhớ rằng thông điệp chỉ trở thành một thông điệp khi nó tiếp xúc với một cơ cấu phù hợp mới ở nơi nhận. Vì thế với sự phát ra linh hồn của ta có thể cũng như thế. Việc này không bao giờ cảm nhận hay nghĩ đến trừ khi được "hiện thân" trong một vài trường hợp. Nhân cách của ta dựa vào thân xác mà có nên không thể nghĩ rằng sự sống còn sẽ là những cảm giác thuần túy mà không cần có thân xác. Tôi có thể nghĩ rằng linh hồn được thoát ra chịu đựng sự liên hệ giữa nam và nữ như bức thông điệp truyền đi tới máy thu thanh. Nhưng trong trường hợp đó "cái chết" hãy còn xa để có thể thấy được, như không có gì nhưng sự rối loạn của những mô thức khác lang thang trong khắp vũ trụ đến khi họ... trở lại với thực tại của ý thức để tiếp xúc với sự vận hành như bộ máy thu của tâm thức."

Ngay cả những người thực tế hiện nay như nhà công nghiệp Mỹ, Henry Ford đã chấp nhận quan niệm về tái sinh. Ông Ford bị thuyết tái sinh lôi cuốn vì nó không giống như quan niệm hữu thân hay thuyết duy vật, tái sinh cho bạn thêm cơ hội thứ hai để tự thăng hoa chính mình. Ông Henry Ford nói:

"Tôi chấp nhận thuyết tái sinh lúc tôi hai mươi sáu tuổi. Tôn giáo không giúp tôi được gì cả. Ngay cả công việc cũng không làm tôi hài lòng. Công việc sẽ trở nên vô vị nếu chúng ta không thể dùng kinh nghiệm được tích lũy trong đời này cho đời sau. Khi tôi khám phá thuyết tái sinh dường như tôi đã tìm thấy một kế hoạch phổ quát. Tôi thấy mình có cơ hội để thực hiện những dự án của mình. Thời gian không còn giới hạn nữa. Tôi không còn lệ thuộc vào thời gian nữa.... Thiên tài là kinh nghiệm. Dường như có người nghĩ đó là thiên phú hay tài năng, nhưng nó chỉ là kết quả của kinh nghiệm dài lâu từ nhiều kiếp. Linh hồn của vài người già hơn những người khác, nên họ hiểu biết nhiều hơn... Việc khám phá ra thuyết tái sinh làm cho tôi yên tâm... Nếu bạn gìn giữ bản ghi chép cuộc đàm thoại này, hãy viết nó ra để làm cho tâm trí mọi người được thoải mái. Tôi muốn truyền đạt tới mọi người sự an lạc mà tầm nhìn lâu dài của cuộc sống đã trao cho chúng ta."

Như vậy giáo lý Phật giáo về tái sinh có chứng cứ khoa học hỗ trợ. Thuyết này trước sau đều hợp lý và nó đủ giải tỏa những nghi vấn mà các thuyết hữu thân và duy vật không làm được. Ngoài ra thuyết tái sinh cũng an ủi ta. Có gì tệ hơn một học thuyết sinh tồn mà không cho bạn có cơ hội thứ hai, không có cơ hội để sửa chữa những sai lầm bạn làm trong kiếp này và không có thời gian để phát triển năng khiếu và kỹ năng nhiều hơn mà bạn đã được giáo dục trong đời này. Nhưng theo Đức Phật, nếu bạn không chứng đắc Niết bàn trong kiếp này, thì bạn sẽ có cơ may cố gắng ở kiếp sau. Nếu bạn phạm sai lầm trong đời này thì bạn có thể sửa chữa trong đời sau. Bạn có thể sẽ thành thật xem lại những sai lầm của mình. Điều bạn không thể làm hay đạt được trong kiếp này thì có thể hoàn tất trong đời kế tiếp. Thật là một giáo lý tuyệt vời.

(còn tiếp)

LESSONS IN DHARMA

GOOD QUESTION,
GOOD ANSWERby *Ven. Shravasti Dhammika*Chapter 5
Rebirth**Where do beings come from and where are they going?**

There are three possible answers to this question. Those who believe in a god or gods usually claim that before an individual is created, he/she does not exist, then he/she comes into being through the will of a god. He/she lives their life and then, according to what they believe or do in their life, they either go to eternal heaven or hell. There are others, humanists and scientists, who claim that the individual comes into being at conception due to natural causes, lives and then at death, ceases to exist. Buddhism does not accept either of these explanations. The first gives rise to many ethical problems. If a good god really creates each of us, it is difficult to explain why so many people are born with the most dreadful deformities, or why so many children are miscarried just before birth or are still-born. Another problem with the theistic explanation is that it seems very unjust that a person should suffer eternal pain in hell for 60 or 70 years of non-belief or immoral living. Likewise, 60 or 70 years of good living seems a very small outlay for eternal bliss in heaven. For what he/she did in those years on Earth. The second explanation is better than the first and has more scientific evidence to support it but still leaves several important questions unanswered. How can a phenomenon so amazingly complex as consciousness develop from the simple meeting of two cells, the sperm and the egg? And now that parapsychology is a recognised branch of science, phenomena like telepathy are increasingly difficult to fit into the materialistic model of the mind.

Buddhism offers the most satisfactory explanation of where beings come from and where they are going. When we die, the mind, with all the tendencies, preferences, abilities and characteristics that have been developed and conditioned in this life, re-establishes itself in a fertilised egg. Thus the individual grows, is re-born and develops a personality conditioned both by the mental characteristics that have been carried over. And by the new environment, the personality will change and be modified by conscious effort; and conditioning factors like education, parental influence and society and once again at death, re-establishing itself in a new fertilised egg. This process of dying and being reborn will continue until the conditions that cause it, craving and ignorance, cease. When they do, instead of being reborn, the mind attains a state called Nirvana and this is the ultimate goal of Buddhism and the purpose of life.

How does the mind go from one body to another?

Think of it being like radio waves. The radio waves, which are not made up of words and music but energy at different frequencies, are transmitted, travel through space, and attracted to and picked up by the receiver from where they are broadcast as

words and music. It is the same with the mind. At death, mental energy travels through space, is attracted to and picked up by the fertilised egg. As the embryo grows, it centres itself in the brain from where it later broadcasts itself as the new personality.

**Is one always reborn as a human being?**

No, there are several realms in which one can be reborn. Some people are reborn in heaven, some are reborn in hell, some are reborn as hungry ghosts and so on. Heaven is not a place but a state of existence where one has a subtle body and where the mind experiences mainly pleasure. Some religions strive very hard to be reborn in a heavenly existence mistakenly believing it to be a permanent state. But it is not. Like all conditioned states, heaven is impermanent and when one's life span there is finished, one could well be reborn again as a human. Hell, likewise, is not a place but a state of existence where one has a subtle body and where the mind experiences mainly anxiety and distress. Being a hungry ghost, again, is a state of existence where the body is subtle and where the mind is continually plagued by longing and dissatisfaction.

So heavenly beings experience mainly pleasure, hell beings and ghosts experience mainly pain and human beings experience usually a mixture of both. So the main difference between the human realm and other realms is the body type and the quality of experience.

What decides where we will be reborn?

The most important factor, but not the only one, influencing where we will be reborn and what sort of life we shall have, is karma. The word karma means action and refers to our intentional mental actions. In other words, what we are is determined very much by how we have thought and acted in the past. Likewise, how we think and act now will influence how we will be in the future.

The gentle, loving type of person tends to be reborn in a heaven realm or as a human being who has a predominance of pleasant experiences. The anxious, worried or extremely cruel type of person tends to be reborn in a hell realm or as a human being who has a predominance of painful experiences. The person who develops obsessive craving, fierce longings, and burning ambitions that can never be satisfied tends to be reborn as a hungry ghost

or as a human being frustrated by longing and wanting. Whatever mental habits are strongly developed in this life will continue in the next life. Most people, however, are reborn as human beings.

So if our lives are determined by our karma, can we change it?

Of course we can. That is why one of the steps on the Eightfold Path is Right Effort. It depends on our sincerity, how much energy we exert and how strong the habit is. But it is true that some people simply go through life under the influence of their past habits, without making an effort to change them and falling victim to these unpleasant results. Such people will continue to suffer unless they change their negative habits. The longer the negative habits remain, the more difficult they are to change. The Buddhist understands this and takes advantage of each and every opportunity to break mental habits that have unpleasant results and to develop mental habits that have pleasant and happy results. Meditation is one of the techniques used to modify the habit patterns of the mind as does speaking or refraining to speak in certain ways, and acting or refraining to act in certain ways. The whole of the Buddhist life is a training to purify and free the mind. For example, if being patient and kind was a pronounced part of your character in your last life, such tendencies will re-emerge in the present life. If they are strengthened and developed in the present life, they will re-emerge even stronger and more pronounced in the future life. This is based upon the simple and observable fact that long established habits tend to be difficult to break.

Now, when you are patient and kind, it tends to happen that you are not so easily ruffled by others, you don't hold grudges, people like you and thus your experiences tends to be happier.

Now, let us take another example. Let us say that you come into life with a tendency to be patient and kind due to your mental habits in the past life. But in the present life, you neglect to strengthen and develop such tendencies. They would gradually weaken and die out and perhaps be completely absent in the future life. Patience and kindness being weak in this case, there is a possibility that in either this life or in the next life, a short temper, anger and cruelty could grow and develop, bringing with them all the unpleasant experiences that such attitudes create. We will take one last example. Let us say that due to your mental habits in the last life, you came into the present life with the tendency to be short-tempered and angry, and you realise that such habits only cause you unpleasantness and so you make an effort to change them. You replace them with positive emotions. If you are able to eliminate them completely, which is possible if you make an effort, you become free from the unpleasantness caused by being short tempered and angry. If you

are only able to weaken such tendencies, they would re-emerge in the next life where with a bit more effort, they could be eliminated completely and you could be free from their unpleasant effects.

You have talked a lot about rebirth but is there any proof that we will be reborn when we die?

Not only is there scientific evidence to support Buddhist belief in rebirth, it is the only after-life theory that has any evidence to support it. There is not a scrap of evidence to prove the existence of heaven and of course evidence of annihilation at death must be lacking. But during the last 30 years parapsychologists have been studying reports that some people have vivid memories of their former lives. For example, in England, a 5 year old girl said she could remember her other mother and father and she talked vividly about what sounded like the events in the life of another person. Parapsychologists were called in and asked her hundreds of questions to which she gave answers. She spoke of living in a particular village, in what appeared to be Spain. She gave the name of the village, the name of the street she lived in, her neighbours' names and details about her everyday life there. she also tearfully spoke of how she had been struck by a car and died of her injuries two days later.



When these details were checked, they were found to be accurate. There was a village in Spain with the name the child had given. There was a house of the type she had described in the street she had named. What is more, it was found that a 23 year old woman living in the house had been killed in a car accident five years before.

Now how is it possible for a five year old living in England who had never been to Spain to know all these details? And of course, this is not the only case of this type. Professor Ian Stevenson of the University of Virginia's Department of Psychology has described dozens of cases of this type in his books. He is an accredited scientist whose 25 year study of people who remember former lives is very strong evidence for the Buddhist teaching of rebirth.

Some people might say that the so-called ability to remember former lives is the work of devils.

You simply cannot dismiss everything that doesn't fit into your belief as being the work of devils. When cold, hard facts are produced to support an idea, you must use rational and logical arguments if you wish to counter them - not irrational and superstitious talk about devils.

You say that talk about devils is superstitious. Isn't talk about rebirth a bit superstitious too?

The dictionary defines superstition as a belief which is not based on reason or fact but on an asso-



ciation of ideas, as in magic. If you can show me a careful study of the existence of devils written by a scientist I will concede that belief in devils is not superstition. But I have never heard of any research into devils; scientists simply wouldn't bother to study such things, so I say there is no evidence for the existence of devils. But as we have just seen, there is evidence which seems to suggest that rebirth does take place. So if belief in rebirth is based on at least some facts, it cannot be a superstition.

Well, have there ever been any scientists who believe in rebirth?

Yes. Thomas Huxley, who was responsible for having science introduced into the 19th century British school system and who was the first scientist to defend Darwin's theories, believed that reincarnation was a very plausible idea. In his famous book "Evolution and Ethics and other Essays", he says:

"In the doctrine of transmigration, whatever its origin, Brahmanical and Buddhist speculation found, ready to hand, the means of constructing a plausible vindication of the ways of the Cosmos to man....yet this plea of justification is not less plausible than others; and none but very hasty thinkers will reject it on the ground of inherent absurdity. Like the doctrine of evolution itself, that of transmigration has its roots in the world of reality; and it may claim such support as the great argument from analogy is capable of supplying".

Then, Professor Gust Stromberg, the famous Swedish astronomer, physicist and friend of Einstein also found the idea of rebirth appealing:

"Opinions differ whether human souls can be reincarnated on the earth or not. In 1936 a very interesting case was thoroughly investigated and reported by the government authorities in India. A girl (Shanti Devi from Deli) could accurately describe her previous life (at Muttra, five hundred miles from Deli) which ended about a year before her 'second birth'. She gave the name of her husband and child and described her home and life history. The investigating commission brought her to her former relatives, who verified all her statements. Among the people of India reincarnations are regarded as commonplace; the astonishing thing for them in this case was the great number of facts the girl remembered. This and similar cases can be regarded as additional evidence for the theory of the indestructibility of memory".

Professor Julian Huxley, the distinguished British scientist who was Director General of UNESCO believed that rebirth was quite in harmony with scientific thinking:

"There is nothing against a permanently surviv-

ing spirit-individuality being in some way given off at death, as a definite wireless message is given off by a sending apparatus working in a particular ways. But it must be remembered that the wireless message only becomes a message again when it comes in contact with a new, material structure - the receiver. So with our possible spirit-emanation. It would never think or feel unless again "embodied" in some way. our personalities are so based on body that it is really impossible to think of survival which would be in any true sense personal without a body of sorts. I can think of something being given off which could bear the same relation to men and women as a wireless message to the transmitting apparatus for mind".

Even very practical and down-to-earth people like the American industrialist Henry Ford found the idea of rebirth acceptable. Ford was attracted to the idea of rebirth because, unlike the theistic idea or the materialistic idea, rebirth gives you a second chance to develop yourself. Henry Ford says:

"I adopted the theory of Reincarnation when I was twenty six. Religion offered nothing to the point. Even work could not give me complete satisfaction. Work is futile if we cannot utilise the experience we collect in one life in the next. When I discovered Reincarnation it was as if I had found a universal plan I realised that there was a chance to work out my ideas. Time was no longer limited. I was no longer a slave to the hands of the clock. Genius is experience. Some seem to think that it is a gift or talent, but it is the fruit of long experience in many lives. Some are older souls than others, and so they know more. The discovery of Reincarnation put my mind at ease. If you preserve a record of this conversation, write it so that it puts men's minds at ease. I would like to communicate to others the calmness that the long view of life gives to us".

So the Buddhist teachings of rebirth does have some scientific evidence to support it. It is logically consistent and it goes a long way in answering questions what the theistic and the materialistic theories fail to . It is also very comforting. What can be worse than a theory of life that gives you no second chance, no opportunity to amend the mistakes you have made in this life and no time to further develop the skills and abilities you have nurtured in this life. But according to the Buddha, if you fail to attain Nirvana in this life, you will have the opportunity to try again next time. If you have made mistakes in this life, you will be able to correct yourself in the next life. You will truly be able to learn from your mistakes. Things you were unable to do or achieve in this life may well become possible in the next life. What a wonderful teaching!

(to be continued)

-
- 1) "Twenty cases suggestive of reincarnation and cases of Reincarnation Type" (Hai mươi trường hợp tái sanh gợi ý và những trường hợp tái sinh tiêu biểu, do University Press of Virginia, Charlottesville, Hoa Kỳ xuất bản năm 1975)
 - 2) United Nations Educational Scientific and Cultural Organisation (Tổ chức giáo dục, khoa học, và văn hóa của Liên Hiệp Quốc).

CHỨNG ĐẮC THA TÂM THÔNG DO KỶ CÔNG QUÁN NIỆM

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Tại vương quốc Kô-xa-la (Kosala), dưới chân một dãy núi, có một ngôi làng xinh xinh tên là Ma-ti-ka (Matika). Một hôm, sáu mươi Sa-môn cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn, lãnh thọ yếu chỉ thiền quán, rồi đến ngay làng này khất thực. Đây là ngôi làng trù phú, dân cư đông đúc và rất mực thuần thành với quý sư. Trưởng làng là Ma-ti-ka, một Phật tử trung kiên và gương mẫu trong mọi công tác phật sự. Bấy giờ mẹ của Ma-ti-ka, một ưu-bà-di nhân hậu, đứng nhìn đoàn Sa-môn đang lặng lẽ đếm từng bước thiền hành dưới bóng xoài râm mát, bà sung sướng đem nhiều lễ vật ra cúng dường quý sư và hỏi:

- Xin thưa... quý sư định đi đâu?

- Đến nơi nào tạm ổn, thưa cụ.

Hiếu được tâm trạng các Sa-môn đang cần một nơi an cư trong mùa mưa, bà liền quỳ xuống, đánh lễ và thưa:

- Nếu quý sư an trú ba tháng nơi đây thì thật là phúc cho cả làng, chúng con sẽ có dịp thọ trì tam quy ngũ giới và thân cận với quý sư.

Thấy lời thỉnh nguyện chân thành của một cụ bà chánh tín, các sư chấp thuận và có cùng một ý nghĩ:

- Lành thay! Chúng ta đã gặp thiện duyên. Vậy là khỏi bận tâm về chuyện ẩm thực và trú xứ. Chỉ còn nỗ lực tu tập sao cho tương xứng với tấm lòng tinh khiết của bà tánh thập phương.

Thế là mẹ của Ma-ti-ka đích thân lo việc xây dựng một tu viện và nhiều am thất làm nơi tịnh tâm tu dưỡng cho các Sa-môn. Trước tình thần hộ trì Tam bảo cao cả của cụ bà khả kính, các sư, một hôm, nhóm họp giữa chánh điện, và Thượng tọa trưởng đoàn đã thốt lên những lời phát nguyện đầy cảm kích, quyết tâm tu tập và



sách tấn cho nhau:

- Thưa quý huynh đệ, chúng ta đã có duyên lành sanh được làm người, được Đức Thế Tôn thọ ký và trao truyền giáo pháp, được thập phương thí chủ lần lần hộ niệm; vậy chúng ta hãy ra công tu tập, cần mẫn tinh chuyên, hàng phục vọng niệm để khỏi phụ lòng đàn na tín thí, và nhất là khỏi rơi vào tình trạng hoang mang lo sợ như đàn cá trong ao mỗi ngày một cạn nước. Chắc quý huynh đệ đều nhận thấy rằng ăn đức và đạo nghiệp của Đức Thế Tôn không thể đền đáp bằng tâm ý buông lung, vọng cầu thất niệm. Mô Phật, xin quý huynh đệ niệm tinh cho cái tội trực ngôn tự đáy lòng này.

Không ai bảo ai, tất cả đều chấp tay, cúi đầu xá trong im lặng.

Sau đó mỗi sư về tịnh thất riêng của mình với thỏa thuận rằng nếu có ai ngã bệnh thì đến chánh điện thỉnh ba tiếng chuông, tất cả tăng chúng sẽ đến thăm và giúp đỡ bệnh nhân.

Một hôm, trong khi các sư

đang nhập thất, tịnh tu, thì cụ bà Phật tử cùng với một nhóm gia nhân đem bơ, sữa, mạch nha, mật ong v.v... đến cúng dường Tăng đoàn nhưng không thấy ai trong tu viện. Bà hỏi vài ba Phật tử lân cận thì họ cho biết là các sư đang chuyên tâm tu niệm trong am thất, không ra ngoài. Nếu muốn gặp họ thì đến chánh điện thỉnh ba tiếng chuông. Bà làm theo lời hướng dẫn và thấy các sư lác đác đến từ khắp mọi phía. Bà thăm nghĩ:

- Hẳn là các sư đã có chuyện bất hòa với nhau rồi!

Sau khi đánh lễ Tăng đoàn, bà lên tiếng thưa:

- Kính bạch chư sư, chẳng hay các sư có gì chưa vừa ý? Có tranh luận, cãi vã gì không? Sao Tăng đoàn trông có vẻ rời rạc thế này?

- Dạ, không có gì vướng mắc. Thượng tọa trưởng đoàn đáp.

Chúng tôi đang tu tập thiền định, đang quan sát và quán chiếu 32 thành phần cấu tạo cơ thể, gọi là niệm thân, thưa cụ!

- Quán chiếu các thành phần cơ thể để làm chi?

- Để biết thân này vốn do duyên sanh, không có thật tánh; để thấy rõ bốn sự thật cao cả: sanh-lão-bệnh-tử mà Đức Thế Tôn đã tuyên dương sau ngày thành đạo cho năm người bạn cũ của Ngài.

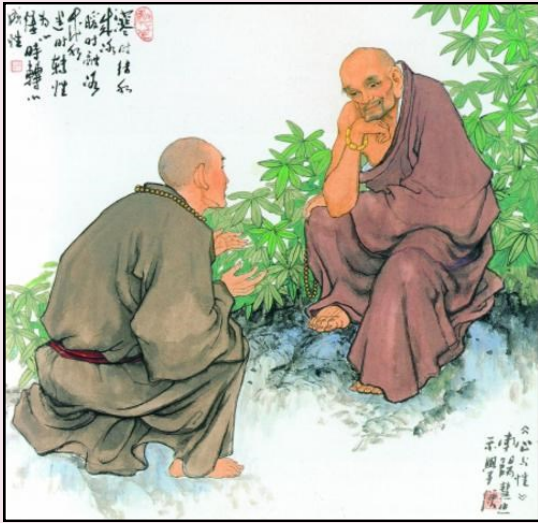
- Chỉ có các sư mới được phép thực hành thiền định, quán chiếu sắc thân? Phật tử chúng con tu tập như vậy được không?

- Được chứ, thưa cụ! Pháp môn thiền định đâu chỉ dành riêng cho ai.

- Vậy thì xin các sư hướng dẫn cho chúng con với.

- Hay thay, thưa cụ!

Các sư dạy cho bà thực tập pháp môn quán niệm về 32 thành phần cấu tạo sắc thân, và chỉ trong một thời gian ngắn, bà chứng đắc ba thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm; bốn phép thần thông: thần túc thông,



tha tâm thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, và vượt qua ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Bằng cái nhìn liễu ngộ siêu việt và niềm hoan hỷ đạt đạo, bà tự nhủ:

- Không biết đến bao giờ các sư mới đạt thánh quả! Các sư còn nhiều bận bịu quá! còn bị vướng kẹt trong vòng xích tham sân si. Các sư quán chiếu nhiều mà chưa nếm được hương vị thiền duyệt.

Nhưng sau đó bà nhận thấy các sư cũng có đủ nhân duyên và phương tiện hành trì giáo pháp như y phục, phòng xá, thuốc thang v.v... nhất là năng lực nội quán thanh lương của các sư để đạt đến đạo quả. Bà thiết lễ trai tăng tại nhà với nhiều lễ vật và thực phẩm đặc biệt rồi thỉnh Tăng chúng đến thọ thực. Trong lúc chúng trai, các sư chú tâm về ba mục tiêu: nguyện đoạn nhứt thiết ác, nguyện tu nhứt thiết thiện, thế độ nhứt thiết chúng sanh; và năm phép quán về tự thân: 1. Xem xét khả năng thiền định. 2. Đánh giá đức hạnh tu hành. 3. Hàng phục tham tâm vọng tưởng. 4. Nghĩ thực phẩm là thuốc hay. 5. Vì đạo nghiệp mà thọ thực. Trong lúc nhứt tâm quán niệm, các Sa-môn bỗng thấy thân tâm khinh an, thanh tịnh và chứng quả A-la-hán. Họ cùng nhau tán thán:

- Lành thay! Cao quý thay công đức hộ trì Tam bảo. Nếu không có lễ trai tăng hôm nay, chúng ta hẳn không bao giờ chứng thành đạo quả.

Sau đó Tăng chúng quyết định về hầu thăm Đức Bốn Sư. Họ cùng nhau đến thăm và ngỏ lời tạm biệt vị ân nhân cao quý được xem như mẹ hiền.

- Kính bạch tôn thân, hôm nay chúng con về thăm Đức Từ Phụ, xin cảm ơn đôi tay từ ái của mẹ, chúc mẹ ở lại mạnh khỏe trong ánh hào quang của chư Phật.

- Lành thay! Chúc các sư lên đường bình an. Và cho đệ tử kính lời hầu thăm Đức Thế Tôn.

Khi tăng chúng về đến Xá-vệ, họ đành lễ Đức Thế Tôn và cung kính ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

- Các thầy tu hành tiến bộ chứ? Có gì trở ngại trong việc sinh hoạt, ẩm thực và trú xứ không?

- Bạch Thế Tôn, chúng con đã gặp thiên duyên, đã được một Phật tử Ưu-bà-di hết lòng hộ đạo nên ba tháng an cư của chúng con rất hạnh thông, tốt đẹp. Bà là mẹ của Ma-ki-ta. Bà đọc được tâm trạng và ý nghĩ của chúng con nên bà hộ trì vật thực rất chu đáo.

Một Sa-môn nghe quý huynh đệ tán thán công đức của nữ thí chủ liền muốn đến đó tham thiền.

Sau khi thọ lãnh yếu chỉ thiền quán từ Đức Thế Tôn, sư đành lễ Ngài, ngỏ lời tạm biệt Tăng chúng, từ giả tu viện Kỳ Viên, và thẳng đường đến làng Ma-ti-ka. Vừa vào tu viện, sư liền nghĩ:

- Ta nghe nói có một tín nữ biết rõ tâm tư nguyện vọng của người khác. Ước gì giờ đây có người đến quét dọn tu viện chứ ta mệt lắm rồi, cuộc hành trình dài quá!

Thế là bà liền cho người đến vấn an sức khỏe sư và quét dọn phòng ốc sạch sẽ.

Từ đó sư nghĩ cần thức ăn thức uống gì thì bà liền cho người mang đến ngay.

Được ít lâu, sư thầm nghĩ:

- Nữ thí chủ này đọc được từng ý nghĩ của ta. Ta phải gặp bà tận mắt. Ước gì bà đích thân mang lễ vật đến chùa lễ Phật cho ta thăm một chút.

Bà liền đem lễ vật đến thăm sư.

Trong lúc thọ thực, sư hỏi:

- Thưa cụ, cụ là mẫu thân của Ma-ti-ka?

- Đúng vậy, bạch Đại đức.

- Cụ đã đắc tha tâm thông?

- Sao sư hỏi thế?

- Cụ đã đáp ứng mọi nhu cầu theo ý nghĩ của tôi.

- Biết bao Sa-môn cũng hiểu được như vậy.

- Tôi không hỏi người khác. Tôi đang hầu chuyện với cụ.

Bà cụ vẫn một mực tìm cách tránh né câu trả lời.

Bấy giờ vị Sa-môn liền tự nghĩ:

- Ta đang ở trong một tư thế lúng túng nhất. Cư sĩ mà có thần thông, thấy được tư tưởng cao thượng hay thấp hèn của người khác.

Nếu như ta khởi tâm vọng niệm sai lầm thì chắc là bà sẽ vỗ vào đầu ta như tóm chặt một tên trộm. Khiếp quá! Ôi thôi, tốt nhất là ta phải rời khỏi nơi này. Sư nói:

- Thưa cụ, tôi muốn đi đây.

- Sư sẽ đi đâu?

- Về thăm Đức Thế Tôn.

- Hãy ở lại đây thêm một thời gian nữa, bạch Đại đức.

- Không thể ở lâu hơn nữa. Tôi dứt khoát phải đi thôi, thưa cụ.

Và thế là sư tạm biệt bà, lên đường trở về với Đức Thế Tôn.

Vừa gặp sư, Đức Thế Tôn hỏi:

- Thầy không ở đó nữa sao?

- Bạch Thế Tôn, con không thể ở đó được nữa.

- Vì sao thế?

- Bạch Thế Tôn, cụ bà Phật tử đó biết rõ từng ý nghĩ của con.

Con nhận thấy cư sĩ mà có thần thông, phân minh, tách bạch được tư tưởng cao thượng hay thấp hèn của người khác.

Nếu như con khởi tâm vọng niệm sai lầm thì chắc bà sẽ vỗ vào đầu con như tóm chặt một tên trộm. Khiếp quá! Bạch Thế Tôn, con phải về lại thôi.

- Này, đó chính là nơi cho thầy an tâm tu tập.

- Con không thể, bạch Thế Tôn. Con không dám ở đó nữa.

- Ờ kìa! Vầy thầy có thể phòng hộ một điều duy nhất không?

- Dạ!... Bạch Thế Tôn, ý Thế Tôn... con chưa hiểu!

- Hãy phòng hộ tâm tư, tức điều phục tư tưởng, vì tư tưởng khó nhiếp phục lắm. Hãy thúc liễm tâm tư, đừng để tâm dong ruổi, vì tâm tư khó hàng phục lắm.

Ngài đọc kệ:

*Tâm đổi thay khó kiểm,
Vun vút theo dục trần,
Lành thay điều phục tâm,
Điều tâm thì an lạc.*

(PC. 35)

Theo lời Đức Thế Tôn, sư trở lại tu viện và, sau một thời gian hành thiền, sư cũng chứng quả A-la-hán với sự trợ giúp chân tình của cụ bà hảo tâm và đầy thần lực.

thơ

BẠCH XUÂN PHÊ



MỘT NGÀY ĐI QUA

Sáng tinh mơ, thức dậy - quên mất ngắm sương
trời?
hay nhìn lên bầu trời xanh thẳm
Có phải ta đã bỏ lỡ cơ hội nhìn cây sồi trước
nhà?
Con đường vắng đi ngang qua nghĩa trang,
nhưng đến và về đâu nhỉ?
Cây xăng bên trái, nhà nhỏ trên đồi - hoang
phê!
ai nhận ra một thời...
Tôi thấy một đám mây trắng nhỏ
lơ lửng giữa trời xanh
hợp và tan
là sương khói
là hạt mưa
là bông tuyết
hay nguồn thơ
Như bóng như hình, như không như có
Bạn có nghĩ như vậy không?
Một ngày đi qua
không sử dụng hiệu quả? bị đánh cắp hay quên
lãng
Tại sao tôi lại viết một bài thơ mà không đầu
không đuôi
không vần không tự
Nó sẽ không thể có gì sai lầm
(nếu ta) không phải đề cập đến
vui/sương
phải/trái
trắng/đen
nỗi khổ/niềm đau
hay buồn bã/u sầu
Thời gian lại qua đi
và ta nhìn vào cuộc sống
rõ ràng
là-như-thị
giọt sương còn đọng trên lá từng
trời đang se lạnh.

Sacramento, November 26th, 2012.

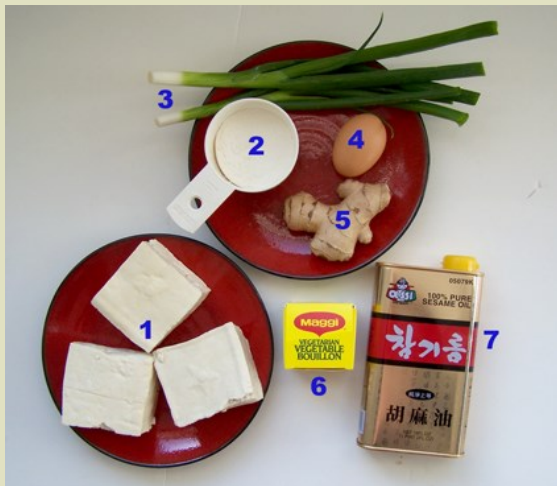
ANOTHER DAY PASSED

This early morning, waking up - do we forget
to watch mist on the leaf?
or enjoy at the blue sky
Did we miss a chance to look at the oak tree in
front of the house?
The road passing by the cemetery,
but to and from where?
The gas station on the left,
little house on the quiet hill
remind a time...
I see a small white cloud
suspending/floating in the blue sky
form and disappear
like the fog
like the rain
like the snowflake
or sources of poetry
as if it is the shadow--presence or absence;
there is or there is not
Do you think so?
another day passed
do we not use it effectively? is it stolen or for-
gotten?
Why did I write a poem without beginning or
ending
no rhythms or flow
there is nothing wrong with it
(if one) not to mention
pleasure / happiness
right / wrong
white / black
pain / suffer
or sadness / melancholy
The time is passing
and we look at our lives
clearly
as as-is
dew is still cling on the leaf
air--chilly.

Sacramento, November 26th, 2012.

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

TÀU HỦ CHIÊN HÀNH



Vật Liệu:

1. 3 miếng tàu hủ
2. 1/2 chén (cup) bột all purpose flour
3. 1 muống canh hành lá cắt nhỏ
4. 1 trứng gà
5. 1 muống canh gừng cắt nhỏ
6. 1/4 muống café muối quậy trong 1/2 chén nước lèo chay; hoặc 1 cube vegetable bouillon quậy 1/2 chén nước lạnh
7. 1 muống café dầu mè
8. Dầu ăn

Cách Làm:

Cắt tàu hủ ra từng miếng khoảng 1/2 phân và để ra rổ cho ráo nước. Lăn sơ tàu hủ vào bột (#2) và cho vào chén trứng (#4) đã được đánh đều ra.

Cho chảo lên lò, khi nóng cho vào khoảng 2 muống canh dầu ăn. Sắp các miếng tàu hủ đã được lăn bột và trứng vào trong chảo. Chiên vàng hai mặt miếng tàu hủ.

Quậy đều vật liệu #6 và #7 và cho vào chảo tàu hủ, vặn lửa riu riu, dùng nĩa xăm vào các miếng tàu hủ để nước soup thấm đều vào. Đợi đến khi nước gần cạn thì lấy ra cho vào đĩa.

Rắc hành (#3) và gừng (#5) đã được cắt mỏng và nhỏ trên mặt. Nếu thích, bạn cũng có thể cho thêm 1 muống café cooking wine vào cho thêm mùi vị.

Chúc quý vị có được một buổi cơm ngon và bổ dưỡng với món Tàu Hủ Chiên Hành.



Chú thích của CP: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muống cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

Mùa Xuân theo Máy Thời gian

HOÀNG MAI ĐẠT

"Nếu có máy thời gian, bố muốn đi đâu?" con gái tôi hỏi bằng tiếng Việt pha với tiếng Anh.

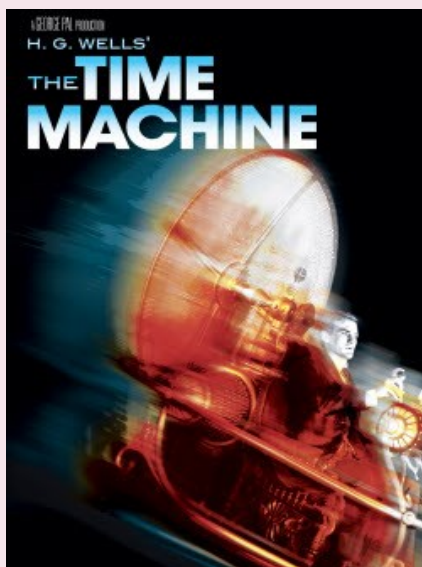
Hai cha con mới rời siêu thị Starter Bros ở gần nhà, mua vài món đồ mẹ dặn. Một bó rau xà lách, vài trái cam, một bịch đường, một ổ bánh mì lát, hai bịch "gạo" bự đang "on sale" cho con chó Kiwi. Nhân tiện tôi mua thêm vài xâu bia để tích trữ, cũng "on sale," để phòng trường hợp California bị động đất, thiếu nước uống. Chiều hôm đó con gái không bận học bài, đồng ý đi theo để giúp bố tìm những món hàng với nhãn hiệu quen thuộc mà vợ tôi thường mua. Trên đường Westminster trở về nhà, thấy cha ít nói trong lúc lái xe, con bé gạ chuyện như mẹ nó thường làm.

Con tôi lên trung học, đang đọc cuốn "Máy Thời Gian" của nhà văn Anh Herbert George Wells. Ông viết cuốn tiểu thuyết khoa học giả tưởng bất hủ này từ cuối thế kỷ thứ 19. Truyện "The Time Machine" được giảng dạy trong lớp văn chương, dựng thành phim mấy lần. Nhân vật chính trong truyện đã chế máy vượt thời gian, phiêu lưu đến một thế giới của loài người hơn 800,000 năm trong tương lai. Lúc đó nhân loại chỉ còn hai... loại: đám Eloi yếu đuối, ngây thơ như trẻ em, sống vô tư giữa những khu vườn thiếu chăm sóc; và đám Morlock hung dữ, sống dưới mặt đất, chực chờ nhai nuốt những con mồi. Sau những màn trốn rượt gay gắt, kẻ du hành vượt thời gian trở về thời hiện tại, rồi lại bước vào máy, biến mất để đi giữa thời gian vô định.

Nghe con hỏi một lần nữa rằng bố muốn biến đi đâu với máy thời gian, tôi càng trầm tư, không ngờ câu trả lời khó hơn tôi tưởng. Đi đâu bây giờ? đến tương lai hay về quá khứ? xem khủng long nhai cây rừng thời tiền sử, vật lộn đấm húc nhau long trời lở đất như trong phim Hollywood, hay ngó mầy dị nhân bán nam bán nữ thời hậu lai, ăn uống bằng ánh sáng thắm qua làn da? Đến khi đậu xe trước nhà, tôi chỉ nói, "Câu hỏi tưởng dễ mà khó ghê nha. Con cho bố nghĩ thêm vài phút được không?"

"Sure," con bé trả lời, mau chân chạy phóng vào nhà nựng con Kiwi như mẹ nựng con, để lại tôi với những suy tư kéo dài mấy ngày.

Như ông Wells, tôi cũng muốn bay vào đến tương lai mấy ngàn năm sau, xem thử thế giới của con người có thoát nổi một trận đại chiến đánh tan nát trái đất, bắn từng mạng lục địa rơi rớt trong không gian. Ông sáng tác cuốn "Máy Thời Gian" trước khi có hai trận đại chiến thế giới, không thể



tưởng tượng chỉ mấy chục năm sau khi sách ra đời, đám Morlock đã chạy cùng khắp địa cầu, hăm hờ xâm lăng, giết người, trong khi đám Eloi sống nhõn nhõ, vui chơi, không biết có người khác đang khổ đau. Không cần phải đợi đến mấy trăm ngàn năm mới có con người sống ở hai thái cực như vậy. Ông Wells mất một năm sau khi Đế Nhị Thế Chiến kết thúc. Chắc có lúc ông đã thất vọng trước sự việc nhân loại dùng những phát minh, trí khôn, để lần xe tăng, thả bom tiêu diệt lẫn nhau.

Vượt quá xa trong tương lai kể cũng ngại. Nếu không may máy thời gian hết xăng, bị kẹt luôn ở thế giới xa lạ, làm sao tôi kiếm được một chai bia lạnh? tìm đâu ra một tô phở tái? Tôi có thể bấm nút, cho máy chạy tới chừng một trăm năm thôi, xem thử chế độ Cộng Sản ở Việt Nam có còn hay không. Chắc tôi sung sướng khi thấy một vườn hoa rực rỡ, đầy sức sống tại một nơi trước kia là một cái lạng ảm đạm. Nơi ấy không còn một xác người xám ngoét, lạnh ngắt, nằm ì một chỗ mà ám ảnh dai dẳng cuộc đời của máy thế hệ bị dạy dỗ phải suy tôn xác ma như thần thánh. Liệu một trăm năm sau quê hương tôi có được hưởng thái bình, thịnh vượng như lời cầu nguyện mỗi đầu xuân, hay vẫn bon chen, lấp vá cuộc sống nghèo kém bằng những mỹ từ bất chước văn minh, tự mãn theo định mệnh muôn đời của một quốc gia nhược tiểu?

Một trăm năm kể cũng còn xa. Thử chạy máy tới vài chục năm xem

sao. Mỗi lần vợ chồng tôi cãi nhau, hay nói một cách lịch sự là chúng tôi có "bất đồng ý kiến," nàng thường cong môi, dí câu này cho tôi im miệng, tin chắc đánh trúng tim đen của tôi, "Thôi em chết quách cho rồi, cho anh muốn kiếm bà nào, con nào khác để chịu hay cà chớn thì... ráng mà chịu!"

Những lúc nóng, lên máu anh hùng xạ điêu... điên, tôi cũng đâu có vừa, hàng hôm hàng cá đâu thua ai, trợn mắt, nói lại liền, "Anh sẽ chết trước cho em biết. Xem thử có thằng cha nào khác chịu nổi em hay không. Đừng tưởng chết trước tui để đâu nha."

Lẽ đương nhiên không có đứa nào chết quách, để đứa kia được sung sướng làm lại cuộc đời ở tuổi còng lưng, sấp chống gậy. Nếu có máy thời gian, tôi muốn chạy tới vài chục năm, xem vợ chồng tôi đứa nào được toại nguyện, hả dạ. Biết đâu tôi hèn, "bắt" được một "em" trẻ hơn tôi 20 tuổi. Ở tuổi "tám bố", tôi kiếm được một "em" khác, ngon lành ở tuổi 60. Em này thích ngắm hoa mỗi khi đẩy xe lăn cho tôi trong viện dưỡng lão. Biết đâu vợ tôi cũng kiếm được một "gã" ngồi lái xe mui trần chạy 10 dặm một giờ, gầy kẹt xe trên xa lộ, tuổi thuộc hàng "thất thập cổ lai hi."

Ở tuổi trung niên, thật tình tôi không còn mơ ước, hoài tưởng, không ngóng quá trốn đến tương lai mà thường nhìn ngược về quá khứ, rờ rẫm những kỷ niệm chất đầy ở trong nhà, được trần qui như những món đồ vô giá mà bán garage sale chẳng ai thèm sờ tới. Nếu được lái máy thời gian, tôi muốn quay về kiếp trước, xem thử mình là... giống gì, người hay thú, dữ hay hiền? Biết đâu kiếp trước tôi từng là một nàng công chúa xinh đẹp, làm vợ trái tim của nhiều chàng muốn làm phò mã, nên kiếp này bị xuống cấp, phải làm đàn ông, bơi ngược dòng sông, mệt đờ hơi rượt theo các nàng, trước khi được vợ thương tình vớt về nuôi. Biết đâu tôi từng là một bạo chúa, bắt dân phải đốt sách, nên kiếp này khổ sở vì chữ nghĩa, mang nghiệp chướng viết không ra tiền.

Nếu có máy vượt thời gian, tôi muốn biết nghiệp viết của tôi bắt đầu từ thuở nào. Một nơi mà tôi có thể lướt máy về, lướt vài vòng bên trên những mái tôn xập xệ, trước khi đáp xuống như đĩa bay không gian là chợ Xóm Mới ở Nha Trang. Ở xóm chợ đó, tôi không nhớ mình viết được một chữ nào mà có thể gọi là "sáng tác." Tôi chỉ nhớ mình được đọc những quyển sách đầu đời. Trong khoảng



thời gian máu lửa chiến tranh, từ đợt tổng tấn công của Việt Cộng trong dịp Tết Mậu Thân năm 1968 đến mấy trận đánh tại Hạ Lào năm 1971, tôi vùi đầu đọc truyện vẽ, sách thiếu nhi. Nhân vật cao-bồi viên tây Lucky Luke cũng bắn nhiều phát đạn, chu môi thổi khói súng sau mỗi lần dẹp tan âm mưu du kích của bốn anh em tứ quái, mà sao không thấy ai nằm chết la liệt như trong phim chiến sự. Gã phù thủy trong loạt truyện hình Si Trum (Les Aventures des Schtroumpfs) cũng pha thuốc mê, bày mưu tính kế ám hại đám "Tí nhân" màu xanh dương sống trong một ngôi làng giữa rừng thẳm trung cổ, mà sao không thấy làng bốc cháy, người dân phải bỏ nhà tìm đường tản cư.

Tôi say mê đọc truyện hình, tìm nguồn vui bên trên xóm chợ, bên ngoài một cuộc chiến tàn bạo mà quen thuộc đang bao quanh một đứa trẻ chín, mười tuổi. Cha tôi đi lính, từ trận mây năm trước đó. Mẹ tôi bị đẩy ra ngoài gia đình của chính bà, phần đầu nuôi hai con trong một quán chợ. Em tôi còn nhỏ, không thích đọc truyện. Riêng tôi, cơn mê đọc sách đưa tôi ra khỏi trên một chiếc thuyền mong manh chữ nghĩa, khao khát tìm đến những chân trời xa lạ trên những trang giấy. Cứ vài ngày tôi đi bộ đến một ngõ hẻm bên ngoài chợ, bước vào một căn phòng rất nhỏ, chỉ đủ cho hai hoặc ba người đứng giữa những chồng sách chất từ sàn gỗ đến trần nhà. Tôi lục lọi trong núi sách, tìm một cuốn thuê về đọc. Xem hết những truyện vẽ dành cho trẻ em, tôi ngần ngại cầm những cuốn tiểu thuyết. Sách của người lớn hoặc của người... sắp lớn sao mà dày cộm, nhiều chữ quá, không thấy hình. Làm sao tôi có đủ khả năng để đọc hết một cuốn tiểu thuyết? Sau mấy lần phân vân, tôi chọn một cuốn khá dày. Lúc nhận tiền đặt cọc, ông chủ cho thuê sách nhìn tôi vài giây như muốn hỏi, "Liệu chú mày có đọc nổi hay không mà lấy cuốn sách dày quá vậy? Sao không chọn mấy cuốn mỏng?"

Cầm sách về quán ở trong chợ, tôi cũng tự hỏi trong lòng như vậy, sợ không hiểu nổi câu chuyện mà lại tốn tiền gấp mấy lần so với xem truyện hình. Sau những buổi trưa hè và đêm thức đọc sách, say mê lật từng trang giấy, tôi vui mừng lúc đọc đến những dòng chữ cuối cùng của cuốn tiểu thuyết đầu tiên trong đời. Tôi sung

sướng, hãnh diện, biết mình không ngu dốt như "dân ở chợ." Cuốn sách dày gần 600 trang ấy là cuốn "Vô Gia Đình" của nhà văn Hector Henri Malot. Khi ông Malot viết cuốn "Sans Famille" vào năm 1878 ở bên Pháp, ông H. G. Wells của tác phẩm "Máy Thời Gian" chỉ mới có 12 tuổi, có lẽ đang học nghề với một người thợ ở bên Anh. Lúc đó cha của ông Wells bị thương ở chân trong một tai nạn, phải cho các con đi học nghề để nuôi thân. Giữa những lần học nghề thất bại, cậu bé Wells cảm thấy thích, vui sướng hơn mỗi khi bước vào thư viện của thành phố, thả hồn theo những sách tiểu thuyết đương thời mà có lẽ trong đó cũng có cuốn "Sans Famille" của nhà văn Pháp Malot.

Cuốn tôi đọc do ông Hà Mai Anh chuyển sang tiếng Việt, được giải thưởng dịch thuật vào năm 1970 của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Mẹ tôi cũng đã đọc "Vô Gia Đình," khen tôi còn nhỏ mà biết đọc sách. Bà cũng khuyên tôi hãy đọc những cuốn tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn. Sau này tôi mới biết mẹ chỉ thích sách của Khải Hưng, Nhất Linh, mặc dù bà có đọc những tác giả khác. Khi nghe tôi viết truyện, mẹ từng nói, "Hãy viết như Tự Lực Văn Đoàn ấy. Thế mới hay." Có lẽ bà được đọc Tự Lực Văn Đoàn trong thời gian êm đẹp nhất của thời thanh xuân, trước ngày chôn xác cha tôi, trước khi lần xa vào một cuộc sống ở chợ, phải dò mắt, trố mắt trong những lần cãi nhau mà có lúc cần giải quyết bằng bàn tay giết đánh, ném những trái cân vào kẻ đang xông tới quán, bảo vệ miếng cơm cho con. Cũng với bàn tay thô mạnh, gân guốc ấy, mẹ tôi lần gỡ những trang sách, tìm thiến đường bên trên một cuộc đời có quá ít niềm vui. Không cần lời mẹ khuyên, tôi cũng đọc Tự Lực Văn Đoàn, cảm thấy gần gũi hơn với nhà văn Thạch Lam. Ông viết với tình cảm chân thật, nhìn ra những nét đẹp hiếm hoi, tấm lòng con người trong những cuộc đời khổ khó.

Có lẽ nhà văn Malot cũng vậy. Ông đã lôi cuốn tôi qua mấy trăm trang sách bằng lối viết rất cảm động. Tôi ráng đọc hết sách cho dù không giỏi chữ, có khi không hiểu hết ý nghĩa của truyện. "Vô Gia Đình" mở đầu với một đứa trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, được một cặp vợ chồng nuôi nấng. Năm Minh được tám tuổi, người chồng bị tai nạn, quyết định bán em cho một ông lão điên trở rong. Cùng với ông lão, một con chó và một con khi, Minh ở hay Remi trong nguyên tác tiếng Pháp ở lang thang khắp đất Pháp và xứ Anh. Nhiều biển cò, tại họa liên tục xảy ra cho nhóm điên rong. Minh dùng trí khôn, lòng can đảm để vượt qua những thử thách trước khi tìm được gia đình ruột thịt của em.

Đoạn đầu của sách đã khiến tôi rơi lệ, muốn đọc tiếp đến hết cuốn truyện. Có lẽ giống mẹ, tôi ít khóc trong thời thơ ấu. Tôi không khóc khi biết cha mất, không khóc trong ngày gia đình bên ngoài bỏ rơi mấy mẹ

con khi đạn pháo kích rớt vào một thành phố hỗn loạn, mở đường cho quân Cộng Sản chiếm Sài Gòn. Vậy mà tôi rơi lệ ở đoạn Minh phải xa mẹ nuôi, đi theo một ông lão xa lạ và gánh hát nhỏ của ông. Nếu có mấy thời gian, tôi sẽ thấy lại quán của mẹ con tôi trong góc chợ Xóm Mới, gần nhà vệ sinh công cộng. Mỗi đêm ba mẹ con ăn cơm, đọc sách trong ánh đèn dầu, cùng lúc có xe ba gác chở thùng đến hốt phân tại nhà vệ sinh. Trong một đêm hồi hăm như thế, tôi khóc khi đọc đến đoạn đứa bé tên Minh phải rời một miền quê yêu dấu. Đoạn ấy được viết như sau:

"Tôi thấy bàn tay ông già cầm cổ tay tôi kéo đi. Phải đi.

Thần ôi! Ngôi nhà yêu dấu, khi bước chân khỏi cửa, tưởng chừng như tôi đã để lại một miếng da miếng thịt của tôi.

Tôi cất tiếng gọi:

- Mẹ ơi! Mẹ Liên ơi!

Nhưng không ai trả lời. Tiếng kêu của tôi nghẹn dần. [...]

Đi được vài bước, tôi quay đầu lại. Chúng tôi đã đi qua đỉnh núi. Tôi không nhìn thấy thung lũng và nhà tôi nữa. Xa xa, chỉ thấy những ngọn đồi xanh lơ nhô trên nền trời cao rộng. Mắt tôi nhòa trong khoảng vô tận."

Tôi xúc động, thương cho đứa trẻ bất hạnh phải rời xa quê hương, mà cũng lo cho thân phận của chúng tôi có ngày phải rời bỏ quán chợ, lang thang đến một nơi xa xăm vô định trên một đất nước đang có chiến tranh. Lúc đó quán cũng là mái nhà che chở ba mẹ con, cho dù quán phảng phất mùi xú uế mỗi đêm. Con không cha như nhà không nóc, người ta thường nói vậy. Tôi thiếu cha nhưng không bao giờ thiếu một mái nhà, nhờ tình thương của mẹ và nhờ những cuốn truyện mà tôi hằng tìm nơi nương tựa.

Nếu có mấy thời gian, tôi sẽ nương theo máy, tìm về một nơi chốn nào đó trên miền núi Ban Mê Thuột. Miền đất đỏ cao nguyên ấy là nơi duy nhất tôi còn vài kỷ niệm với cha trong ký ức. Đúng hơn là chỉ có hai kỷ niệm trong trí nhớ, mà đều không vui. Cha tôi đi lính Bộ Binh, mẹ tôi bằng bé hai con theo chồng. Một ngày mưa tầm tã, tôi chừng bốn tuổi, nghịch ngợm tìm những nơi bị dột nước trong nhà. Thấy nước mưa từ trên mái tôn rơi xuống, tôi thò đầu, cố ý để những giọt nước rớt trúng đỉnh đầu, càng gần xoáy tóc càng vui, nghe tiếng nước rơi đều trên óc. Cha tôi la con vài lần, thấy tôi không ngưng trò chơi hứng nước mưa trên đầu, liền bế thẳng con lên đùi và đánh mấy phát vào mông. Nghe tôi khóc lớn quá, mẹ can cho yển chuyện. Trong mấy năm tôi mới lớn, trải qua giai đoạn cứng đầu, không nghe lời, mẹ thường mắng, "Phải chi ba mày còn sống, đánh cho mày một trận như hồi mưa dột. Tao mệt quá, nói không nổi." Nhờ mẹ la hoài mà tôi không quên kỷ niệm "mưa cao nguyên" của tôi với cha.

Kỷ niệm thứ nhì xảy ra ở ngoài đường. Chắc hôm ấy cha tôi thấy trời nắng đẹp, vui vui trong lòng sao đó,



Mừng Xuân Quý Tỵ 2013

*Đón Xuân Quý Tỵ chúc mừng
Tùy duyên Lạc đạo vui cùng thế gian
Nguyện cho Trí Tịnh, Tâm AN
Sáng ngời Tuệ Giác, vẹn toàn Chân Như.*

thơ **BẢO THÔNG**

nên muốn đạp xe chở theo tôi ngồi ở đằng sau. Cha con dạo một vòng trên những con đường đất của Ban Mê Thuột. Tôi còn bé, cẳng ngắn, đong đưa đội chân ở hai bên xe. Trong một lúc đổ dốc, có lẽ ông cao hứng, đạp ào ào như một thể thao gia tham dự Tour de France đang phóng đến Khải Hoàn Môn, quên cậu con đang ngồi ôm chặt ghế ở đằng sau, sợ xanh mặt. Xe nghiêng một bên, khiến tôi tho một bàn chân vào trong bánh đang quay nhanh. Xe bị vướng chân, ngã ào xuống đất. Máu từ mắt cá chân tôi chảy ướt bàn tay xoa của cha. Ông vội vàng nhờ người đưa tôi vào bệnh viện cấp cứu. Mấy tháng sau khi xảy ra biến cố xe đạp, ba tôi tử trận trong một cuộc phục kích của Việt Cộng tại Tuy Hòa. Ông mất lúc chưa được 30 tuổi. Tôi lành vết thương từ lâu, thỉnh thoảng sẽ lại vết sẹo trợn lảng trên mắt cá bên chân phải mỗi khi chạnh nhớ đến cha.

Thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ đến cha, như trong một lần Tết về thăm gia đình ông ngoại ở Sài Gòn. Ông ngoại tôi khó tính, không thương mẹ tôi như thương mấy người con mà ông đã có với bà vợ thứ nhì. Bà ngoại ruột của tôi mất sớm, để lại hai đứa con gái cho một người chồng luôn ao ước có con trai. Ngày tàn cư ở miền Bắc, rời vùng Việt Minh kiểm soát, ông tôi không muốn người trong làng biết gia đình trốn về thành phố, sai mẹ tôi ở lại coi nhà, đun rơm như vẫn sinh hoạt bình thường. Lúc đó mẹ tôi mới gần mười tuổi, ở nhà một mình giữa một miền quê đang bao trùm trong không khí hận thù, chém giết có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đến khi hiểu mình bị bỏ rơi, mẹ tôi hốt hoảng chạy theo người quen về thành phố. Tìm được gia đình, mẹ tôi bám chặt theo ông ngoại cho đến ngày di cư vào Nam. Càng bị ruồng bỏ, hắt hủi, mẹ tôi càng quý trọng ông ngoại hơn, bám víu vào hy vọng một ngày kia cha sẽ hồi tâm, sẽ thương đứa con đầu lòng của ông. Mỗi mùa xuân ông có ban

phát một chút tình thương cho ba mẹ con, cho phép chúng tôi từ Nha Trang về thăm gia đình ở Sài Gòn. Mẹ tôi nghèo, góa bụa, buôn bán ở chợ, không có gì có thể làm cho ông ngoại hạnh diện. Còn tôi, dưới mắt ông, chỉ là một đứa cháu xấu đen như "thằng Thượng" miền Trung, chậm chạp, kém lanh lợi, không thông minh. Ông chẳng bao giờ xoa đầu, cho tôi một lời khen. Ông cũng không cho tôi đến gần và cắm gối trên giường nệm của ông.

Mỗi khi không bị sai vặt trong một căn nhà chuyên bán chiếu nằm trên đường Tôn Đản, tôi thường leo lên gác trên, chơi bên cạnh những kệ chiếu cao ngất. Một bữa Tết kia tôi được mẹ mua một con búp-bê Batman dài bằng cánh tay. Tôi và chàng hiệp sĩ người dơi đã tung chạy bắt kẻ gian giữa những tấm chiếu. Mà vui, tôi thấy Batman lên cao, khiến chàng hiệp sĩ bay rất qua khung cửa sổ, bị kẹt sâu giữa hai tường nhà. Đúng lúc tôi ngóng cổ, cố gắng dùng cây khều Batman, ông ngoại lên gác xem xét động tĩnh, muốn biết sao có tiếng ồn. Khi biết tôi làm rớt Batman vào khe tường, ông mắng tôi ngu như Thượng, dốt như "dần ở chợ." Tôi không dám nhìn lên mắt ông ngoại, chỉ biết len lén ngó theo chàng hiệp sĩ đang nằm úp mặt chống hai chân lên trời. Lúc ấy tôi có nghĩ đến cha tôi, tưởng tượng thân phụ của mình không thật sự chết trận, có lẽ bị làm lẫn với người khác. Có những đêm tôi nằm tưởng tượng cha vẫn còn sống, sẽ tìm hai đứa con, che chở chúng trong những lúc nguy nan. Nhưng cũng như chàng hiệp sĩ của tôi bị kẹt giữa hai bức tường, cha đã nằm yên dưới huyết mộ, muôn đời không xuất hiện trong cuộc đời của chúng tôi.

Về lại xóm chợ ở Nha Trang từ ngày Tết đó, tôi xem truyện nhiều hơn, hầu hết là truyện hình, và rồi đọc tác phẩm "Vô Gia Đình," cuốn tiểu thuyết đầu tiên trong đời được tôi theo dõi câu chuyện từ đầu đến

cuối. Thế rồi nỗi lo sợ phải rời xa quán chợ quen thuộc cho dù dơ bẩn cũng đã đến. Trong những tháng ngày tàn nội chiến, mẹ con chúng tôi trôi dạt từ Miền Trung về Sài Gòn, bám theo đoàn người tị nạn trên một chiếc tàu hướng ra Thái Bình Dương, mỗi lúc một xa hơn trên phương trời mù khơi. Có những đêm thức giấc ở một miền quê Pennsylvania, tôi chợt nhớ về xóm chợ xa cách hàng nghìn dặm, muốn tìm trong bóng tối hình ảnh của căn quán năm xưa, và rồi cảm thấy lơ lửng đâu đó giữa mây mẩn và bất hạnh. Ông ngoại tôi cũng đến Mỹ quốc, qua đời giữa thập niên tám-mươi tại San Jose, California. Mẹ tôi thường nói với niềm mãn nguyện, "Ông ngoại dơi mẹ về đến giường bệnh thì mới nhắm mắt ra đi." Lúc đó tôi viện cớ đang trong mùa thi tại trường đại học, không thể bay từ Pennsylvania đến California để gặp một người mà tôi từng nghĩ không xứng đáng với tình thương vô điều kiện của con gái dành cho cha. Mấy năm sau tôi có ghé một nghĩa trang ở San Jose, thấp cho ông ngoại một nén hương, nhận ra một điểm giống nhau giữa mẹ và tôi: Chúng tôi đều thương yêu cha của mình vượt bên trên sự thử thách của hoàn cảnh.

Nếu có mấy thời gian, tôi mong trở về một mùa xuân còn có cha. Cho dù bị cha bợp tai vì tôi đưa đầu hứng mưa, hay bị cha chở trên xe đạp, hoảng sợ như sắp té, tôi vẫn mong có một mùa xuân với ông. Trong trí nhớ tôi không có một mùa xuân nào với cha, không có tiếng pháo, bánh chưng, hay tiền lì xì của ba.

"Bố muốn gặp lại cha của bố, ông nội của con," tôi trả lời vẫn tất nhiên dịp trở lại câu hỏi của con gái tại bàn ăn mấy ngày sau.

"Vâng hả bố?" con tôi mở tròn hai con mắt.

"Còn con thì sao? Nếu có mấy thời gian con muốn đi đâu?" tôi hỏi lại.

"Con không biết. Thật sự không biết," con tôi trả lời, bằng tiếng Anh sau vài giây nghiêng đầu im lặng suy nghĩ.

Tuy không nói ra nhưng tôi cũng thầm mừng cho con. Không cần đi đâu trong thời gian ở phía trước hay ở đằng sau có lẽ là điều tốt. Mong một ngày kia con tôi không cần dùng mấy thời gian, để tìm tôi trong ký ức của nó. Mấy chỉ cần thiết cho tôi, người muốn bay tìm trong quá khứ mông lung, mong hòa giải với chính mình trước những nỗi niềm chưa nguôi cho dù thời gian đã trôi quá nửa đời người. Thốt nhiên, tôi chợt thấy ra mình đã có mấy vượt thời gian từ lâu mà không biết đó thôi. Với những dòng chữ đang viết trên giấy, tôi có thể bay xa hàng triệu năm từ tương lai đến quá khứ, bay cái vèo để như chơi, bằng qua mấy đoạn đời trong muôn vạn kiếp người.

Hoàng Mai Đạt

Tìm Nơi Khuất Gió

NGUYỄN PHƯỚC NGUYỄN



Đặt gánh đỡ trên vai xuống, gã thợ đồng quay lại hỏi chàng công tử vừa đứng lại sau lưng:

- Thưa công tử, chúng ta có thể nghỉ đêm ở đây được không ạ?

Đưa mắt nhìn hai cánh cổng chùa cũ kỹ khép kín và bức tường loang lổ rêu xanh, chàng công tử gật đầu:

- Mi hãy gõ cửa thử xem.

Gã thợ đồng quay lại và đưa tay nắm lấy cái khoen sắt trên cánh cửa và gõ khẽ đôi lần, như sợ rằng nếu gõ mạnh quá, cả cánh cửa và bức tường sẽ đổ sập xuống. Sau một hồi lâu không thấy ai trả lời, gã thợ đồng lại gõ cửa thêm lần nữa, lần này mạnh hơn lần trước. Vẫn không ai trả lời. Bức mình, gã thợ đồng vừa định gõ lần thứ ba thì cánh cửa bật mở ra, thật chậm, với tiếng kêu kẹt của những then chốt lâu ngày không chuyển động. Từ sau lưng cánh cửa, một vị sư già bước ra với đôi mắt sáng và hiền từ. Ánh mắt nhìn vào gã thợ đồng và chuyển sang chàng công tử, rồi dừng lại. Vị sư già cất tiếng hỏi:

- Chẳng hay hai vị có chuyện chi?

Bước đến trước mặt gã thợ đồng, chàng công tử vòng tay lại cung kính đáp:

- Chúng tôi lỡ đường lạc đến đây, muốn qua núi mà đêm thì sắp xuống. Xin đại sư rộng lòng cho tá túc qua đêm nay.

- Tội nghiệp thì thôi. Núi này quanh đây không có ai cư ngụ cả. Chỉ có bản tăng và cầm thú. Thôi hai vị hãy vào đây rồi mình sẽ nói chuyện sau. Dù sao cũng hãy nghỉ lại đây một đêm rồi hãy đi.

Rồi vị sư già bước vào trong, nhường đường cho hai người khách trọ đi vào và khép cánh cửa chùa lại. Bên ngoài màn đêm đã buông mình xuống, phủ kín chung quanh.

*

Chàng công tử ngồi lặng yên nghe vị sư già gõ hồi chuông cuối cùng mà lòng mình lâng lâng, nhẹ nhàng, như làn hương trầm trên bàn thờ Phật từ từ bay lên và tan

loãng dần vào không gian. Đặt dùi chuông xuống, vị sư già ngồi xếp bằng vô động thật lâu với đôi mắt khép nhẹ lại và hai bàn tay duỗi thẳng ra đặt giữa lên mỗi đầu gối. Không gian thật yên tịnh. Chàng công tử như bị cuốn hút vào sự cô lẳng đó trong một niềm sáng khoái của hư vô. Hồi sau, vị sư già mở mắt ra, từ từ đứng dậy, cúi mình chấp tay xá pho tượng Phật ba lần, rồi nâng cây đèn nằm trên chiếc đĩa nhỏ bước về phía chàng công tử đang ngồi. Đặt nhẹ cây đèn cây xuống bàn, vị sư già hiền hòa nói:

- Công tử nên đi nghỉ sớm để lấy sức mai lên đường.

- Bạch thầy, con ngồi nghe thầy tụng kinh mà lòng con nghe như không còn vướng bận điều gì cả. Bạch thầy, nếu thầy cho phép, con xin được ở đây thọ pháp cùng thầy, để sớm tối học kinh đọc kệ.

- Công tử muốn thế, nào khó gì đâu. Nhưng đạo pháp đâu phải là chốn cho ta chạy trốn nợ hồng trần. Hơn nữa, công tử cũng chưa biết được mình có thật sự đi trọn con đường này không. Làm sao mà có thể một sớm một chiều quyết định như thế.

- Bạch thầy, chẳng giấu gì thầy. Con vốn họ Trần, giòng dõi Trần Vương. Nay vì chạy trốn sự truy tìm của giặc mà lạc bước đến đây. Suốt đêm nay nghe thầy tụng kinh, lòng con nghe nhẹ hẳn nợ trần ai. Ất là cũng có duyên với đạo. Xin thầy mở rộng cửa lòng cho con theo học đạo pháp, bắt đầu từ hôm nay.

Nhắm đôi mắt lại trong chốc lát, vị sư già lại mở mắt nhìn chàng công tử mà nói:

- Thôi được. Ta cũng chưa biết là duyên hay là nghiệp. Công tử cứ ở đây, nhưng chỉ nên ngày ngày theo ta đọc kinh niệm kệ. Cho đến khi nào thấy rõ nghiệp căn đã dứt hay chưa.

Gã thợ đồng lúc đó bước ra từ bên trong, hai tay nâng mâm đựng hai chung trà. Đặt nhẹ hai chung trà trước mỗi người, gã thợ đồng lùi lại và xuôi hai tay

đứng thật yên lặng sau lưng chàng công tử. Hương trà thơm thoảng nhẹ như những lời nói của vị sư già thấm nhập vào tâm hồn chàng công tử. Gã thợ đồng vẫn đứng im lặng và bất động sau lưng.

*

Nhìn những hoa mai vàng rung rinh đùa trong gió, chàng công tử mỉm cười và ngâm nhẹ vài câu thơ. Bỗng gã thợ đồng hốt hải chạy vào. Gã chưa kịp nói gì thì chàng công tử đã gật nhẹ:

- A Phúc, người làm gì mà vội vàng đến thế. Không biết sự phụ đang tính tâm hay sao?

- Ta đã xong rồi. A Phúc, chuyện gì thế?

Câu trả lời vừa dứt, vị sư già đã bước ra đến khu rừng mai sau chùa. A Phúc, gã thợ đồng, vội vàng quỳ xuống, hai tay cung kính chấp lại và nói:

- Bạch thầy và chủ nhân, A Phúc tôi nhận thấy mình phạm tội đòi kém học, nên chắc không có duyên cùng kinh kệ. Xin thầy và chủ nhân cho tôi xuống núi để trở về với thân phận tục nhân.

Khoát tay bảo chàng công tử lặng im, vị sư già nhìn gã thợ đồng đang quỳ trước mặt và hỏi:

- Người hãy đứng dậy. Và nói cho ta biết chuyện gì đã xảy ra hôm nay.

Đứng lên từ dưới đất, gã thợ đồng khoanh tay lại thưa:

- Bạch thầy và chủ nhân, tôi vốn được theo chủ nhân từ nhỏ. Cùng chủ nhân đến đây hầu hạ thầy và chủ nhân đã được mấy mùa trăng. Lúc nghe thầy thuyết pháp, lòng cũng biết nghe điều hay lẽ phải, cũng biết học chữ nhần chữ kiên. Suốt thời gian qua, mỗi lần xuống núi mua rau, đổi củi tôi đã chứng kiến nhiều cảnh bất công mà vẫn cố nhịn nhục vì muốn làm theo lời thầy khuyên dạy. Cho đến hôm nay...

- Hôm nay sao?

Hít một hơi thở dài, gã thợ đồng đứng thẳng lưng hơn đáp:

- Hôm nay tôi xuống núi mua gạo, gặp cảnh bọn giặc đi lấy thuế muối của người dân. Tội nghiệp thì thôi, bấy lâu nay đất

nước bị bọn chúng hoành hành, dân thì đói khổ, nào có chi đâu để ăn để sống. Thế mà chúng lại còn tăng thuế muối năm nay, tiền đâu mà đóng. Không có tiền đóng thì bị chúng đánh đập, giam giữ. Bấy lâu nay tôi cố nhịn nhục, nhưng hôm nay, sau khi thấy cảnh chúng đánh một ông già và cột tay cho ngựa kéo lán lóc trên đường, tôi không nhịn được cơn giận, đánh cho chúng một trận. Tôi đánh gục hai tên và bị chúng lũng rượt quanh chợ. Cũng may được người dân giúp che giấu, tôi mới trốn thoát được về đây.

Ngừng lại một chút, gã thợ đồng nói tiếp:

- Bạch thầy cùng chủ nhân, A Phúc tôi kém hiểu biết. Nhận thấy rằng A Phúc tôi vốn lỡ sinh ra làm người, nên có tu mấy đi nữa, ắt kiếp này vẫn không mong giải thoát. Và lại, vốn không có duyên nên chẳng thấy được cái có cái không. Nên A Phúc tôi xin thầy và chủ nhân cho phép tôi xuống núi, trở về thân phận phàm phu, để khỏi làm ô uế cửa thiền và liên lụy đến công việc tu hành của thầy và chủ nhân.

Sau một thời gian suy nghĩ, vị sư già thở dài nói:

- Thôi, được. Người cứ tự tiện xuống núi. Âu cũng là nghiệp căn kiếp trước vậy.

Và vị sư già trở bước vào căn phòng của mình để bắt đầu công phu thiền định. A Phúc cũng quì xuống bái biệt chủ nhân rồi quay về phía nhà bếp, nơi hẳn tá túc bấy lâu nay, để chuẩn bị khăn gói xuống núi. Chàng công tử đứng ngõ ngàng nhìn mọi chuyện. Và ngõ ngàng hơn khi thấy rằng những hoa mai đã rụng xuống, đang nằm yên trên mặt đất, vì một cơn gió mạnh thổi đến. Không biết lúc nào.

*

Xong giờ thiền định, chàng công tử bèn châm hai chung trà nóng đặt xuống bàn và ngồi chờ vị sư già đang còn ngồi nhập định. Công việc này vốn là của A Phúc, nhưng vì A Phúc đã xuống núi từ hồi chiều, nên chàng phải làm lấy. lát sau, vị sư già bước ra và ngồi xuống bên cạnh chàng công tử. Vị sư già thốt:

- Trần công tử có biết tối nay ta ngồi nhập định, nhưng tâm thần không được thanh tịnh như mọi hôm. Công tử có biết tại sao không?

- Dạ không, xin nhờ sư phụ chỉ dẫn.



- Vì những điều A Phúc nói đó.

- Bạch sư phụ, đệ tử vẫn còn mơ hồ. Xin sư phụ cắt nghĩa cho.

Hớp một ngụm trà nhỏ, vị sư già nói:

- Công tử xem, ta cũng như công tử vốn sinh ra làm kiếp con người. Ất rồi cũng có ngày nhắm mắt. Cái chết của chúng ta vì đã sinh ra làm người là điều dĩ nhiên. Còn cái chết của Phật ta nghĩ ắt là điều ngẫu nhiên, cho chúng sinh. Khác là chỗ đó. Ta tu hành mà chết thì gọi là thoát sinh nhập tử. Cái chết của Phật thì gọi là nhập Niết Bàn, giải thoát sinh tử luân hồi. Gấm ra một điều. Ta e rằng cái mức tự thành của sư tu hành của ta, xem ra, còn kém cả cái mức tự thành của A Phúc. Ta vì ngộ đời nên lên núi tu hành. A Phúc vì lên núi tu hành nên ngộ mình mà xuống núi. Nào đâu có đạo để gọi là ngộ đạo. Tất cả, là Pháp. Tu, là chấp Pháp. Không tu để mà tu, cũng là chấp Pháp. Ngộ đời trong mình. Và mình trong đời. Là thức đó.

Vị sư già lại thở ra mà nói:

- Ta xem chừng mai này chỉ còn mình công tử nơi đây.

- Bạch sư phụ, còn sư phụ đi đâu?

- Ta vốn không phải là Phật, nên nào có thể ngồi đây thuyết pháp độ người. Ta lên đây tụng kinh để mong Phật chứng giám mà độ ta. Trong khi Phật vốn đi thuyết kinh cho chúng sinh trong ta bà thế giới. Nên ta chỉ muốn giúp chúng sinh thoát khổ. Ta sẽ xuống núi, đem những điều học hỏi để giúp chúng sinh đang khốn khổ bất bị khốn khổ làm điều đúng. Và ta muốn giúp chúng sinh bằng cách chịu khổ cùng họ. Vì họ là ta, và ta là họ. Ta phải chịu cùng cái khổ của họ mới giúp họ bước ra từ cái khổ

đó được. Như ta đã nói cùng công tử, đạo pháp không phải là nơi chạy trốn trần gian. Đạo pháp là nơi ta tranh đấu để thắng chính mình, thắng cái bản ngã của mình. Và sau đó đi giúp chúng sinh. Mà muốn thắng mình, ta phải biết chân tướng của mình thật rõ. Xem ra, A Phúc đã đạt được điều đó, hơn ta.

Chàng công tử gục đầu xuống thấp, và hỏi:

- Bạch sư phụ, thế thì đâu là đạo pháp.

Vị sư già chỉ vào tim mình đáp:

- Đạo, ở đây. Mà không ở đây. Vì thế mà đạo ở mọi nơi mà không nhất định là nơi nào hết. Công tử có nhớ chuyện đức Phật ngày xưa có nói khi ta thấy con hổ đói, thì ta phải đưa mình cho hổ ăn thịt không?

- Dạ nhớ.

- Đạo là thế đó. Không phải thấy con cạp đói là đưa mình cho nó ăn mà đủ. Phải đưa mình cho nó ăn như thế nào để khi nó ăn ta rồi, nó không ăn người khác nữa. Công tử hiểu không?

- Dạ hiểu.

- Ở dưới chân núi kia, bọn giặc là cạp. A Phúc là kẻ đánh cạp cứu dân. Ta chỉ muốn cạp ăn ta rồi thì hết ăn kẻ khác. Thế thôi. Thế nên, từ nay, ta với đạo và đời, là một. Là không. Phật cũng không. Thiền cũng không. Là thế đó. Lấy đạo làm đời. Nhập đời, thấy đạo. Duyên của ta và công tử ở ngôi chùa này đến hôm nay là hết. Có duyên nữa, thì là giữa chốn trần gian.

Vị sư già lại đứng dậy nói:

- Bắt đầu từ bây giờ, sư phụ cũng không, mà đệ tử cũng không. Công tử hiểu ý ta chứ?

- Dạ.

Vị sư già bước về phòng mình. Chàng công tử vẫn còn ngồi đó một mình với chung trà chưa uống. Sau một hồi nhắm mắt lặng im, chàng công tử mở mắt ra, mỉm cười. Và chàng đứng dậy, bưng chung trà ra tưới vào gốc mai và tự thốt:

- Hoa đẹp.

Xong, chàng cũng quay về phòng mình, sau khi đặt chén trà không của mình bên cạnh chung trà đã uống cạn của vị sư già. Cả hai chén đều được đặt năm úp xuống.

*

Trời vừa chuyển sáng. Hôm sau.

Từ sau lưng cánh cổng chùa

vừa mở, có một chàng tráng sĩ bước ra với thanh kiếm báu cài gọn sau lưng. Chàng quay lưng lại để đóng cánh cửa chùa, vì chùa không còn ai trụ trì. Một ý nghĩ thoáng qua đầu, chàng tráng sĩ lại trở bước vào trong chùa. Lát sau chàng lại bước ra, tay cầm một tờ giấy, mực còn ướt với vài giòng chữ. Dán tờ giấy lên bức tường, nơi gần cửa chùa, chàng tráng sĩ bèn đẩy mạnh cho hai cánh cửa chùa mở toang ra. Và chàng bằng mình xuống núi. Tờ giấy đọc như vậy:

"Vốn là chùa, nhưng không phải là chùa.

Cửa mở để đón kẻ lạc đường.

Sau chùa có bếp, có củi.

Kẻ dùng trước nhớ nên dọn củi để dành cho kẻ lạc đường đến sau."

oOo

Kể xong câu chuyện, ông Độ quay lại nói với Hoàng:

- Thôi, con coi chừng đào dầu lên đi. Ghe gần đến rồi, kéo trẻ.

- Dạ. Thưa thầy, con có một điều muốn hỏi thầy.

- Con hỏi đi.

- Sao thầy không đi chung cùng con?

Ông Độ nói:

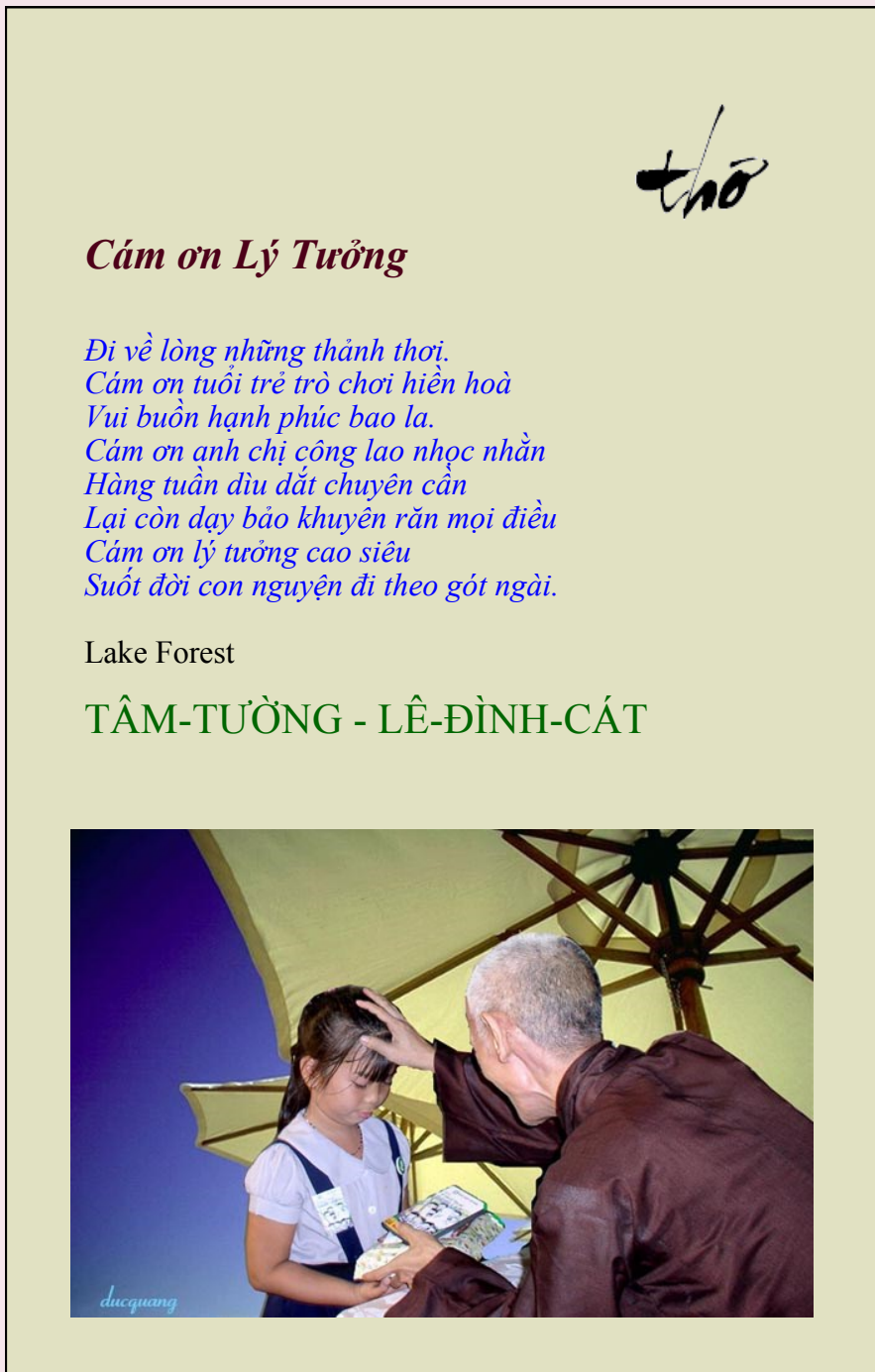
- Thầy không đi là vì công chuyện ở đây cần thầy hơn. Với số tuổi và vai trò của thầy, con cũng biết là thầy phải và nên ở lại để giúp những đứa học trò khác nữa. Thầy dạy công dân đã hơn bốn mươi năm rồi. Đứa nào là học trò của thầy, thầy đều xem như con ruột. Con hiểu ý thầy không?

- Dạ hiểu.

- Vậy thì con cũng phải hiểu luôn rằng lần này con lên đường tức là làm một chuyến đi mới. Sự ở lại của thầy cũng là một chuyến đi, nếu nhìn từ một khía cạnh khác. Điều quan trọng là lúc nào con cũng phải nhớ rằng mục đích cuối cùng của một chuyến đi không phải là để đến. Mà là để đến nơi mình muốn về. Nơi chốn về là nơi mà khi mình đến đó, mình biết là mình sẽ ở lại mà không còn phải đi đâu nữa. Con hiểu không? Tất cả những nơi đến khác chỉ là chốn tạm dừng chân, chỉ là những giai đoạn phải đi qua, con hiểu không?

- Dạ hiểu.

- Thôi, con lo đào dầu lên đi là vừa. Thầy chúc con đi mạnh giỏi. Và thành công với những gì



thơ

Cám ơn Lý Tường

Đi về lòng những thành thơi.

Cám ơn tuổi trẻ trò chơi hiền hoà

Vui buồn hạnh phúc bao la.

Cám ơn anh chị công lao nhọc nhằn

Hàng tuần dìu dắt chuyên cần

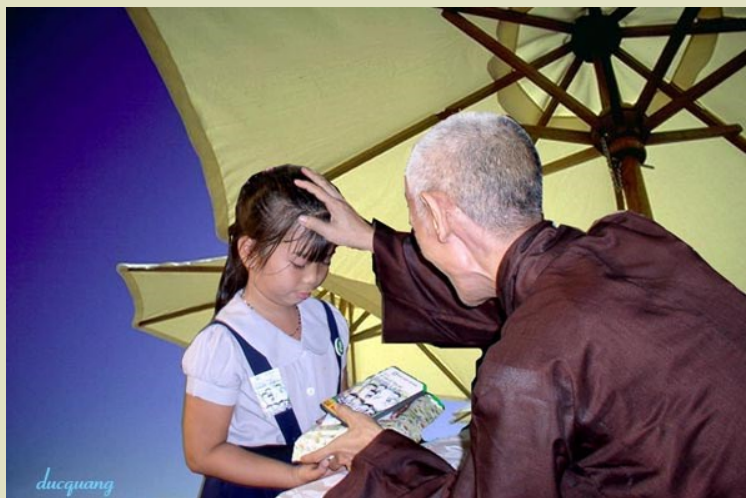
Lại còn dạy bảo khuyên răn mọi điều

Cám ơn lý tưởng cao siêu

Suốt đời con nguyện đi theo gót ngài.

Lake Forest

TÂM-TƯỜNG - LÊ-ĐÌNH-CÁT



thầy trò mình cùng ao ước.

Nói xong, ông Độ bước xuống nước đẩy chiếc xuồng nhỏ của mình xa bờ và leo vào chèo đi, không một lần ngoái lại đứa học trò của mình. Hoàng đứng trông theo cho đến khi tiếng chèo của ông Độ nhỏ dần và im hẳn. Xong, Hoàng quay lại đào những thùng dầu dẫu gần đó lên. Tìm một nơi khuất gió, Hoàng ngồi xuống chờ. Chung quanh vẫn là bóng đêm. Nhưng Hoàng có cảm giác rằng bóng

đêm, cũng như chàng, đang nồn nao đợi chờ ánh đèn nhỏ của chiếc ghe chiếu đến. Để buổi sáng mai về, biển sẽ đón chàng bằng tia nắng sớm tự do.

Giữa bóng đêm. Giữa sự đợi chờ trong im lặng đó, Hoàng vẫn tưởng như mình còn đang nghe tiếng mái chèo của ông Độ, đang vỗ nhẹ xuống mặt nước bị bõm, vang vọng về vắng vắng. Đâu đây.

N.P.N

PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ



DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: **Tâm Minh Ngô Tằng Giao**

5

BUDDHIST STORIES

CHUYỆN PHẬT GIÁO

A Fly and an Elephant

AVOIDING INTOXICANT DRINKS AND DRUGS

One day, a dump fly tasted a bit of liquor left in a coconut shell. After that, he felt heavier and stronger than before. So he went back to the dump again. As soon as he landed on the dump, the dump heap was lowered a little. The fly thought, "Look, I am so strong."

At this time, an elephant happened to pass by. The fly said, "My dear friend, have you come here for a fight? I am ready today."

The elephant walked over to the dump. He did not say a single word but just gave a big thump with its hoof and killed all the flies.

Taking intoxicant drinks and drugs will make us lose our senses like the fly. That is why the Buddha wanted us to refrain from using them.

Con ruồi và con voi

TRÁNH UỐNG CHẤT GÂY HẠI VÀ MA TÚY

Một hôm, một con ruồi rơi xuống đống rác nhấp một ít rượu còn sót lại trong vỏ dừa. Sau đó, nó cảm thấy nặng nề hơn và khỏe hơn trước. Vì vậy nó lại quay trở lại đống rác. Ngay khi nó vừa đáp xuống đống rác, đống rác sụp thấp xuống một chút. Ruồi nghĩ, "Xem kia, ta rất khỏe."

Ngay lúc đó, một con voi bất ngờ đi ngang qua. Ruồi nói, "Này bồ tèo, bạn đến đây để đánh nhau ư? Hôm nay tôi sẵn sàng đấy."

Voi bước vào đống rác. Voi chẳng nói một lời gì mà chỉ đưa chân đạp mạnh một cái và dẫm chết cả đám ruồi.

Sử dụng thức uống độc hại và ma túy sẽ làm cho chúng ta mất lý trí giống con ruồi. Đó là lý do tại sao Đức Phật muốn chúng ta không được sử dụng chúng.



6

SYMBOLS IN BUDDHISM

VẬT TƯỢNG TRƯNG TRONG ĐẠO PHẬT

Lotus Flower

"The lotus has its roots in the mud, grows up through the deep water, and rises to the surface. It blooms into perfect beauty and purity in the sunlight."

The lotus flower represents purity because it is not dirtied by the filth of the mud in which it grows.

Those who follow the Buddha's teachings aim to be like the lotus.

They hope to remain pure in a world of impure temptations

Hoa sen

"Cây sen có rễ trong bùn lầy, mọc vươn lên xuyên qua nước sâu, và nhô lên trên mặt nước. Cây nở ra hoa phô một vẻ đẹp toàn hảo và tinh khiết trong ánh sáng mặt trời."

Hoa sen tượng trưng cho sự tinh khiết bởi vì hoa không bị dơ bẩn bởi cái hôi tanh của bùn lầy mà từ trong đó cây mọc ra.

Các người theo những lời dạy của Đức Phật muốn được giống như cây sen.

Họ hy vọng giữ được tinh khiết trong một thế giới đầy những cám dỗ không trong sạch.

Buddhist Flag

According to Buddhist records, as the Buddha sat under the Bodhi Tree, six rays of light emitted from his body after his Enlightenment.

Based on this, the Buddhist flag indicates that all the different races in the world can live happily under the shield of the Buddha's wisdom. The sixth colour is the combination of blue, yellow, red, white and orange.

Cờ Phật Giáo

Theo những sự ghi chép lại của Phật Giáo, khi Đức Phật ngồi dưới cây Bồ Đề, có sáu luồng hào quang rực rỡ phát ra từ thân ngài sau khi ngài Giác Ngộ.

Dựa vào sự kiện đó, cờ Phật Giáo muốn tỏ ra rằng tất cả các sắc tộc khác nhau trên thế giới có thể sống hạnh phúc dưới sự che chở của trí tuệ của Đức Phật. Sáu màu là một sự hòa hợp của màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng và màu cam.



The Dharma Wheel

Once we start driving the car, the wheels of the car will keep rolling until it reaches the destination.

Ever since the Buddha first started teaching Dharma, the Truth has spread continuously and all over the world. This will continue until all beings are freed from their suffering.

The Dharma Wheel is a symbol of the continuous spreading of the Buddha's teachings to help people live more happily.

Bánh Xe Pháp

Khi mà chúng ta bắt đầu lái xe, những cái bánh xe sẽ tiếp tục lăn cho đến khi tới nơi đến.

Kể từ khi Đức Phật bắt đầu giảng Pháp, Chân Lý đã liên tục loan truyền ra và lan đi khắp thế giới. Việc đó sẽ tiếp tục mãi cho tới khi tất cả mọi người được giải thoát khỏi khổ đau của họ.

Bánh Xe Pháp là một biểu tượng của việc truyền bá liên tục những lời dạy của Đức Phật để giúp cho con người được sống sung sướng hơn.



(to be continued...)

DHAMMAPADA

The Story of Thera Tissa (Verses 3 and 4)

While residing at the Jetavana monastery in Savatthi, the Buddha uttered Verses (3) and (4), with reference to Thera Tissa.

Tissa, son of the Buddha's maternal aunt, was at one time staying with the Buddha. He had become a Bhikkhu only in his old age, but he posed as a senior Bhikkhu and



was very pleased when visiting Bhikkhus asked his permission to do some service for him. On the other hand, he failed to perform the duties expected of junior Bhikkhus; besides, he often quarrelled with the younger Bhikkhus. Should anyone rebuke him on account of his behaviour he would go complaining to the Buddha, weeping, very much dissatisfied and very upset. The others also followed him to the presence of the Buddha. The Buddha told them not to harbour thoughts of enmity, for enmity could only be appeased by not harbouring enmity.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 3: "He abused me, he ill-treated me, he got the better of me, he stole my belongings;" ... the enmity of those harbouring such thoughts cannot be appeased. "

Verse 4: "He abused me, he ill-treated me, he got the better of me, he stole my belongings;" ... the enmity of those not harbouring such thoughts can be appeased."

At the end of the discourse, one hundred thousand Bhikkhus attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma
1986.

Phạm Công Thiện – Một Thi sĩ Kỳ tuyệt Thiên tài

(tiếp theo trang 36)

Thật vậy, chẳng những giống như Hàn Mặc Tử về phong cách nhập cuộc tha thiết, kiệt tận bình sinh, dốc hết toàn thể xương xẩu máu me vào ly rượu tình yêu nồng say óng ả mà Phạm Công Thiện còn tương ứng, tương tự với nhà thơ lãng tử Rimbaud từng trải qua Một Mùa Địa Ngục bi tráng, bi hùng, với đại thi hào Walt Whitman, chỉ một Lá Cỏ cũng đủ chứa đựng cả vô tận đất trời, với Suzuki Thiên Luận, với Padmasambhava Tổ Sư Mật Tông Tây Tạng, với Milarepa Con Người Siêu Việt, với Long Thọ Trung Quán Luận, với Heidegger Về Thế Tính Của Chân Lý, với Nietzsche, Zarathustra Đã Nói Như Thế trên ngõ về vĩnh cửu, với thi hào Hoelderlin lên đường Quy Hồi Cổ Hương, với Apollinaire, một thi nhân trầm lặng mặt nồng, sống trọn vẹn hết mình với tình yêu và nhất là với Henry Miller, một tâm hồn thượng đẳng mà Phạm Công Thiện kính phục, ca tụng hết lòng: "Henry Miller là một trong vài ba thiên tài nhân loại đã đánh thức dậy thể lực mãnh liệt nhất của Lòng Đại bi trong ý thức và vô thức của con người trên mặt đất." Lòng Đại bi là tình thương, tình yêu vô lượng vô biên có từ buổi sơ khai, nguyên thủy mà Henry Miller đã thấu thị được hương vị của tình yêu tuyệt vời, diễm kiều, vi diệu đó và vượt qua, vượt qua bên kia bờ Nhất nguyên tuyệt bích.

Tình thương, tình yêu dịu dàng phát sinh, khởi sự từ những thực nữ, thuyến quỳên, từ nàng thơ, tiên nữ, duyên dáng mỹ miều, yếu điệu ngát hồng nhan:

*Càng xa càng mộng lung
Tới gần vẫn lạ lùng
Nhắm mắt sao lạ quá
Mở ra ô không cùng*

Linh hồn con gái, phải chăng là nhiệm huyền thi vị như vậy, khiến cho chàng thi sĩ mơ màng mộng mị trong từng trập trập chiêm bao ảo dị dập dìu:

*Một người nằm thở quanh hui
Mơ mộng thiếu nữ cô liêu giáng trần
Gió khuya đập cửa bất thần
Giật mình thức dậy mấy lần chiêm bao*

*Có nàng tiên dáng cao cao
Nước da mòng mọng hao hao
bông hường
Cái đêm lạnh lạnh chiếu giường
Gió lùa hương lạ bên đường tạt qua
Đêm qua thương nhớ người ta
Tôi nay tơ tưởng thiên hà bơ vơ
Tháng ngày tôi nhớ băng quơ
Những nàng con gái bao giờ gặp đâu*

Gặp nhau bao giờ chưa hề những sắc nước hương trời, những kỳ hoa dị thảo, những hương đồng cỏ nội khắp lâm tuyền, biên ải ngoài bến gió bờ sương ở mọi chốn muôn nơi, hỡi Quê Hương, Thanh Hoài, Phong Sương Trần Thi Loan, Hoàng Thu Uyên... năm nàng tiên diễm tuyệt một thuở nào quỳên rũ du dương tận xứ miền Liên Chiểu hay ngút ngàn sương khói Đà Lạt quá mang mang:

*Bầy chim bạc má gọi đàn
Thương nhau gặp lại trên ngàn đỉnh cao
Trở về Đà Lạt nó đào
Ghé thăm Liên Chiểu thuở nào yêu nhau*

Yêu nhau cảm động dường nào, xao xuyến, xoắn xang, rộn ràng trong tiếng hát liêu trai của nàng ca sĩ yếu gãy mà thi nhân hơn một lần say đắm mộng lao đao:

*Cô đơn về trắng sương rừng
Anh nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm*

*Khuya buồn tủi nhục môi em
Mưa run lạnh lẽ bên thềm bơ vơ
Tiếng ru vàng xuống đôi bờ
Hoang vu anh đứng đợi chờ chim kêu*

*Tay gầy ôm chặt tình yêu
Anh về phố gục những chiều hư vô*

*Đời đi trên những năm mờ
Đau tìm em hát cơ hồ khăn tang
Phổ chiều thả bước lang thang
Như con sông nhỏ mơ màng biển xanh*

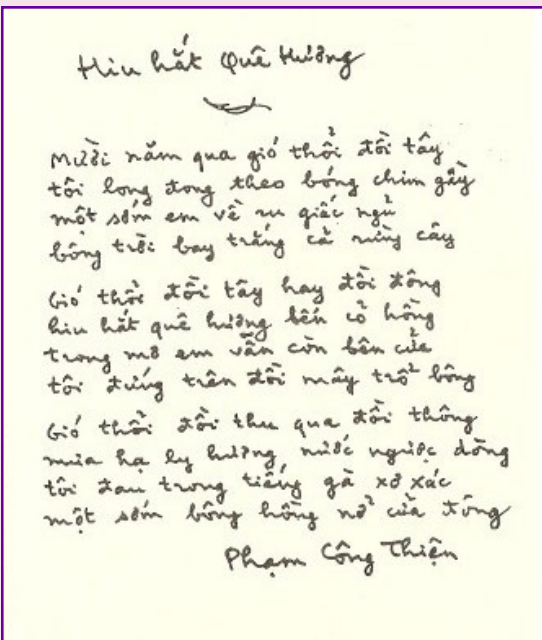
*Nửa đêm khói đốt đời anh
Yêu em cảm lạnh khô cành thu đông*

*Lời em như một dòng sông
Đôi bờ anh đứng giữa lòng hoa niên
Mưa chiều nước chảy triền miên*

Một con chim đại lạc miền hoang lương

*Về đâu thương những con đường
Lê thể phố cũ nghe buồn hè xưa*

Hè xưa phố cũ tuy buồn mà vẫn có một vẻ đẹp nào nùng của thứ tình yêu điều mang lãng đãng. Chàng thi sĩ đa tình đa cảm, trót vương mang nặng thơ gầy guộc có đôi mắt sâu mộng u huyền trên cao nguyên ngút ngút sương mù bay trắng cả rừng thông, suốt mười năm trời đặng đặng mộng mơ, nhớ thương tưởng vọng trong da diết ngậm ngùi:



(thủ bút của Thi sĩ Phạm Công Thiện, đoạn 8, tập thơ Ngày Sinh của Rắn)

Phải chăng đó là cõi mộng hư ảo tự thuở nào xa ngút ở trên rừng Phi Nôm Đà Lạt hay dưới vùng biển Vạn Giã Nha Trang. Ôi nhớ một chiều mưa thấp thoáng, chàng thi sĩ rời bãi biển cát trắng, gõ nhịp bước đơn hành đi về leo lên sườn đồi cao Hải Đức, bỗng sức thầy cây khế bùng rộ hoa tím tím bên triền dốc đá hoang thưa: Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn Cây khế đồi cao trở hết bông

Hoa nở rồi tàn cũng như những nàng con gái mộng mơ đến rồi đi. Tuy vậy vẫn còn phảng phất những làn hương tóc mị kỳ cứ ám ảnh chấp chùng mãi lung linh:

*Tình bay lên nóng trắng sao
Gió lùa thơm tóc cô nào năm xưa
Đã đi rồi đã đi chưa
Thương hương lụa trắng đong đưa giữa trời*

Đã đi mất hẳn đi rồi
Hạ phương tịch tịch bỏ đời biệt
tâm

Thầm cảm nhận thấm thía hương vị kỳ kỳ của tình yêu tương đối và tuyệt đối, rồi từ đó, thì nhân tự nhiên như nhiên chuyển dần sang ngọt ngào tuyệt bích tình thương. Tình thương yêu tối thượng như mây lan tỏa khắp mười phương, chan chứa trọn lẫn trong giọng chim ca lảnh tảo già hòa quyền tiếng kêu thanh tao, thánh thót nhập hồn sương khói vô vi trở thành Bồ đề tâm thâm viễn miên trường:

*Chim ca lảnh kêu sương
Tôi sụp lạy cúng dường
Lôi bỏ để tâm dậy
Chấn động khắp mười phương
Chim ca lảnh kêu sương
Tôi sụp lạy vô lượng
Lôi bỏ để tâm dậy
Địa động cả mười phương
Chim ca lảnh kêu sương
Tôi sụp lạy đại dương
Lôi bỏ để tâm dậy
Sấm sét nổ mười phương
Chim ca lảnh kêu sương
Tôi sụp lạy vô thường
Lôi bỏ để tâm dậy
Sấm sét đứt kim cương
Chim ca lảnh kêu sương
Tôi sụp lạy thiên hương
Bồ đề tâm tăng trưởng
Bông quỳnh nở bất thường
Chim ca lảnh kêu sương
Tôi sụp lạy vách tường
Bồ đề tâm quy ngưỡng
Bông trang trở đầu đường*

Khi thi nhân quỳ xuống, sụp lạy tất cả muôn loài vạn vật, đất trời thiên vạn cổ là lúc Bồ đề tâm bùng dậy tỏa chiếu hào quang rạng rỡ khắp muôn phương. Bồ đề tâm chính là Đại bi tâm, có thể làm sụp đổ tất cả mọi ác pháp. Phạm Công Thiện từ bao giờ đến bây giờ vẫn thường xuyên miên mật hít thở trong bầu khí hậu phong nhiêu ấy, hơi thở biến thành hành động sụp lạy là đã nhập vào vô ngã, vắng lặng cái tôi, vắng lặng mọi so đo chân giả, xa lìa mọi giả danh, tham chấp, chỉ còn đương xứ tức chân, hiện bày ngay cái đang là.

Đang là thì không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu, dù cuộc lữ bắt đầu khởi sự từ vô lượng kiếp rồi, dù có đi vòng quanh hết quả địa cầu này thì cũng để thấy lại cái tâm hồn mình, như Henry Miller nói: "Vi chỉ có một cuộc phiêu lưu vĩ đại thôi, đó là đi vào bên trong mình và đi vào trong lòng mình thì thời gian, không gian, ngay đến hành động cũng không quan trọng gì cả." (4) Thì ra là

vậy, thật đơn giản mà độc đáo vô cùng.

Cùng nòi giống, cùng dòng máu Henry Miller nên Phạm Công Thiện cũng nhiệt liệt, hiên ngang theo dõi cuộc phiêu lưu thám hiểm vào nội tâm thẳm kín, để khai phá ra những bí mật bên trong thế giới tâm linh sâu thẳm của chính mình. Cuộc lữ tư duy khủng khiếp từ khi thi sĩ tự nguyện làm lạc đà gánh nặng, băng qua những sa mạc cát trắng khô hạn, cháy bỏng vết hằn cay đắng, thê lương, vượt qua ngàn cơn bão lốc khốc liệt, kinh hoàng của nỗi đời dâu bể tan hoang cũng như từng say đắm, say sưa chén rượu hồng nhan, túy lúy càn khôn bối hối, rồi dần thân làm sư tử oai phong lẫm liệt, đi đứng một mình, không bè nhóm, không đảng phái, không ý thức hệ, chỉ găm rỗng vang động, làm rung chuyển khắp sông hồ dữ dội, hùng tráng, uy nghi, khí phách giữa tồn sinh bức bách, xuống biển lên đời.

Rồi bất ngờ đến kỳ lạ, sư tử biến thành thẳng bé trẻ đại hài nhi với nụ cười tươi tắn niềm hân hoan thơ ngây, thấy gì cũng rục rờ mới lạ, bằng con mắt trong veo, trong trẻo trình nguyên xanh biếc trời thơ đất mộng không tên.

Trên cung bậc ngân vang ngút ngàn sáng tạo, Phạm Công Thiện cùng tương ứng với triết gia Nietzsche về ba hóa thân: Lạc đà, sư tử và hài nhi. Trước hết tinh thần trở thành lạc đà, chuyên chở gánh nặng văn hóa, truyền thống... tiêu biểu những giá trị lỗi thời xưa cũ. Sư tử là chúa tể rừng xanh, tượng trưng cho ý chí, trí tuệ siêu việt, mạnh mẽ phá hủy tất cả những triết thuyết độc thần, hư vô, duy vật lỗi thời đó, làm sụp đổ hết thảy mọi thần tượng do con người sợ hãi dựng lên và cuối cùng là hài nhi hồn nhiên, là biểu tượng cho sự bắt đầu, khởi nguyên hoàn toàn mới mẻ, là một tiếng cười rộng rang, một tiếng ừ chấp nhận thiêng liêng.

Hài nhi xem mọi sự như trò chơi, trò đùa vui vẻ, chẳng có chi phải trầm trọng, nặng nề, chẳng có gì phải van xin, tôn thờ, sợ hãi. Hài nhi chỉ biết yêu thương múa hát, hân hoan sáng tạo và sáng tạo thênh thang.

Thênh thang ca hát như Trang Tử dạo khúc Tiêu Dao Du bên bờ sông Dương Tử hay như Milarepa hát ca những lời thơ



TT. Tuệ Sỹ thắp hương trong lễ tưởng niệm Triết gia Phạm Công Thiện tại Tu viện Quảng Hương Già Lam, vào tháng 3.2011.

siêu thoát trên tuyệt đỉnh Hy Mã Lạp Sơn lạnh rờn tuyết trắng, hoặc như Beethoven Hòa Tấu Khúc Thứ 9 bất hủ và Phạm Công Thiện cười vang lên như tiếng gấm sư tử trăm hùng tự tại thong dong:

*Anh vut cười to động đóa hồng
Dịu dàng em rắc giữa hương nồng
Anh ngồi chễm dậy như sư tử
Vô chup bướm ngàn lúc rạng đông*

Khi sư tử mà đùa rờn, nhảy múa với chim ngàn hoa bướm là lúc mọi sự đã trở thành một trò chơi của hài nhi hỷ lộng, rất mực thuần nhiên thoải mái, thanh thản nhẹ nhàng như thi sĩ tâm sự khơi vơi về thái độ ứng xử giữa cuộc luân lưu sinh tồn linh động: "Sống, ăn ở đời một cách khiêm tốn, tâm thường, nhỏ thấp, cung cách, cử chỉ lặng lẽ từ tốn, nhún nhường, không tìm cách tỏ ra rằng mình là quan trọng đối với con mắt thế gian, nhưng đằng sau bề ngoài tầm thường đó thì hãy để tâm thức mình bay vút, vượt lên trên tất cả quyền lực và danh vọng thế gian..."

Chấp nhận tất cả những gì xảy đến đời mình với sự đứng vững bình thản, mặc kệ giàu hay nghèo, mặc kệ khen hay chê, không thị phi phân biệt cái này với cái kia như đức hạnh và đời bại, vinh quang và nhục nhã, tốt và xấu. Không đau đớn khổ sở và cũng không ân hận những gì đã qua, không sung sướng

hơn hở và cũng không hãnh diện về những gì mình đã thực hiện thành tựu.

Ngó nhìn những quan điểm xung đột và những phát hiện sinh hoạt đa dạng của chúng sinh với lòng bình thản, khinh an và tâm thức siêu thoát. Phải hiểu rằng đời là thể và là thể điều tác động không thể tránh được của mỗi một sinh thể. Hiểu như thế thì hãy luôn tỉnh thức, thanh thản trầm lặng. Ngó nhìn nhẹ nhàng xuống cuộc đời như một người đứng trên tột đỉnh núi cao nhất, nhìn ngó xuống những thung lũng và những ngọn núi nhỏ thấp trải ra dưới chân mình.*****

Giữa muôn trùng cuộc lữ, trên con đường mây trắng bành bồng, gió trắng đồng vọng, rung ngân lên vắng vắng những cung đàn lá lướt dưới gót chân của chàng thi sĩ dị thường. Bước dăng trành vạn lý du, có đôi lúc cũng dừng gót chân lững lờ lại nghỉ ngơi một vài quán trọ dọc đường như giảng dạy triết lý, văn chương ở đại học Toulouse, nước Pháp hay thuyết trình Thiền tông, Mật tông ở các đại học, thiền viện trên khắp miền viễn xứ California và Hoa Kỳ.

Tiến sĩ Nhật Bản Nohira Munehiro khi làm luận án tốt nghiệp tiến sĩ, lấy đề tài về triết gia Phạm Công Thiện, cho biết các nhà học giả uyên thâm xứ hoa Anh Đào đều tôn vinh, ca tụng Phạm Công Thiện là Long Thọ của Việt Nam.

Từ năm 1966, mới 25 tuổi, Phạm Công Thiện đã nói về Long Thọ: "Theo Trung Quán Luận, thì sự nô lệ, sự phiền muộn, đau khổ, chấp trước...chỉ là vọng tưởng.

Chúng ta bám chặt vào sự vật, vào ý tưởng, vào con người, vào hoàn cảnh, vào nguyên nhân, vào kết quả, vào mục đích, vào cứu cánh, vào phương tiện, vào sống và chết: Chỉ vì vọng tưởng tạo ra những đặc tính và những hình ảnh mà chúng ta tưởng rằng có thực và bất di dịch...

Con người giải thoát làm việc thiện, cứu đời, độ thể, không phải để đạt đến kết quả nào ở đời này hay đời sau. Hành động của con người giải thoát là hành động không mục đích và không lý do. Lý tưởng Bồ tát thể hiện trong Đại bi là lòng thương không mục đích, vì còn mục đích là công trái buộc vào nhân và quả. Trói buộc là nô

lệ, là chấp nhận hoặc chấp quả, chấp ngã hoặc chấp pháp, chấp hữu hoặc chấp không. Hồ thắm chính là phá chấp và phá chấp triệt để..." (6)

Tinh thần phá chấp triệt để ấy, thể hiện nhất quán qua toàn bộ tác phẩm Phạm Công Thiện từ thuở xưa cho đến bữa nay, nên các học giả Nhật Bản sánh Phạm Công Thiện với Long Thọ cũng là tương xứng, xác đáng. Đại văn hào Mỹ Henry Miller thì cho rằng, Phạm Công Thiện là hậu thân của Rimbaud, một thi sĩ tiên tri thấu thị của nước Pháp. Nhà thơ Giang Trần, nhà văn Phan Tấn Hải bên Hoa Kỳ thì tôn vinh, tấn phong Phạm Công Thiện là bậc Bồ tát nghệ sĩ. Còn riêng người viết bài này, đã từng hân hạnh được bắt tay, gặp mặt trò chuyện với Phạm Công Thiện ở Đại học Vạn Hạnh, vào một chiều mùa hạ năm 1969 thì vẫn xem Phạm Công Thiện là một thi nhân, một thi sĩ với trọn nghĩa của danh từ.

Chính Phạm Công Thiện cũng thường mặc nhiên tự nhận mình chỉ là nhà thơ, một thi sĩ thuần túy mà thôi: "Ngôn ngữ của tôi là ngôn ngữ của thi sĩ, ai muốn hiểu sao đó thì cứ hiểu... Thơ là linh hồn của tất cả âm nhạc, hình ảnh của thơ là vô hình đột chuyển thành ra hiện hình và hiện ảnh: Hiện hình và hiện ảnh của thơ chính là hiện cảnh linh động, hiện thực hơn tất cả những cảnh sắc và phong cảnh hiện tiền... Thơ không nói về bất cứ cái gì cả, như vậy mới là tất cả. Thơ chỉ là thơ và thơ tự nói về thơ từ trong thơ đến trong thơ, cả cao và thấp, cả trong và ngoài, ở trên và dưới mặt đất, tất cả chỉ là thơ."

Vâng, tất cả chỉ là thơ, khi thấy muốn sự muôn việc trên cõi đời này chỉ là thơ và thơ thôi thì lúc ấy mới bừng sáng rực ngời lên chân thực nghĩa vô lượng vô biên của Diệu Tâm thâm diệu, của Nhất Chân pháp giới, trùng trùng duyên khởi Hoa Nghiêm, thấy tất cả mọi sự đều tốt đẹp và tốt đẹp. Vì thế, cho nên thi nhân vẫn tiếp tục hân hoan sáng tác, sáng tạo vô ngần bất tuyệt miền man:

*Tháng ngày làm thơ chơi
Hồn bay thẳng ra khơi
Bạch phát ngút ngàn tới
Thu phong tắt nghẹn lời
Làm thơ lúc lúc chén
Nước chảy tuôn ròn rền
Bột trắng sạch rêu đen
Bếp nhà rần tiếng én
Xin gọi đại là thơ
Làm lúc nào chẳng nhớ
Cho một cô gái nhỏ
Chưa từng gặp bao giờ
Muốn gì mà có ngay
Thì tai nạn vạ bay
Không thèm muốn gì nữa
Đời trần ngập thơ hay*

Khi thơ hay bay ngập tràn mặt đất trần gian, thì ngôn ngữ Việt Nam cũng bay về ngợp trời xanh bát ngát, làm trang nghiêm cho nụ cười thanh tịnh, quang minh tinh thể. Thế là trên ngõ về im lặng, người thi sĩ kỳ tuyệt của chúng ta đã xuống tận hồ thắm cũng như đã lên tột đỉnh cao chất ngất của tâm linh và chợt bừng ngộ thấy ra toàn thể trò đời chỉ là một cuộc đại hòa điệu chơi tối thượng, một trận du hí tam muội lồng lộng, phiêu bồng. Sống là chơi, chết là chơi, yêu là chơi, thương là chơi, vui buồn, sướng khổ là chơi, có không, còn mất là chơi, hơn thua, phải trái là chơi, thành công, thất bại là chơi, chiêm bao, mộng寐 là chơi, tỉnh thức, thực tế, thực tại là chơi, phiêu bạt giang hồ khắp thế giới là chơi, giảng dạy triết lý, thi ca, thiền học là chơi, biết nhiều thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Hán, Phạn, Pali... là chơi, thương yêu năm nàng tiên nữ là chơi, làm đại đức, thiền sư Nguyên Thánh là chơi, làm hành giả Mật tông là chơi, làm văn nghệ sĩ là chơi, làm thơ làm thần cũng là chơi chơi hết thầy mà thôi. Ôi chao ! Một cuộc đại hòa điệu chơi trùng trùng vô thủy vô chung giữa mệnh mông vô tận, bất khả tư nghì...An ma ni bát di hồng. An ma ni bát di hồng.

Tâm Nhiên

Ghi chú:

Thơ Phạm Công Thiện, trích trong 2 tác phẩm:

Ngày Sinh Của Rắn. Nhà xuất bản An Tiêm. Sài Gòn 1966

Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn. TP. HCM 2009

(1) Phạm Công Thiện. *Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im*. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn. TP.HCM 2009

(2) Phạm Công Thiện. *Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học*. Tái bản lần thứ ba. Nhà xuất bản An Tiêm. Sài Gòn 1966

(3) Phạm Công Thiện. *Henry Miller*. Nhà xuất bản Phạm Hoàng. Sài Gòn 1969

(4) Phạm Công Thiện. *Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất*. Nhà xuất bản Trần Thi. California 1988

(5) Phạm Công Thiện. *Những Bước Chân Nhẹ Nhàng Trở Về Sự Im Lặng*. Nhà xuất bản Phương Đông. TP.HCM 2008

(6) Phạm Công Thiện. *Hồ Thắm Tư Tưởng*. Nhà xuất bản An Tiêm. Sài Gòn 1966.

RỒI MÙA CÚM TRUYỀN LAN...

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Mỗi khi nhắc đến Bệnh Cúm thì nhiều người bảo "ông thầy thuốc này chỉ ăn cơm mới, nói chuyện cũ không à."

Nhưng bực mình một nỗi là mỗi năm, vào cùng thời điểm bệnh này lại xuất hiện, hoành hành và gây ra nhiều tử vong. Thành ra nhắc lại chuyện cũ để phòng ngừa, chắc không phải là điều dư.

Trên thực tế, bệnh cúm có mặt trên khắp thế giới.

Riêng ở Hoa Kỳ, hàng năm từ vài tuần trước Lễ Giáng Sinh tới sau TẾT ta là rất nhiều người bị cúm. Cúm xảy ra cho mọi tuổi nhưng nặng và nguy hiểm hơn ở lớp người cao tuổi có sẵn vài bệnh kinh niên như bệnh phổi, tim, tiểu đường đồng thời tính miễn dịch cũng suy giảm.

I-Nguyên nhân

Các cụ ta khi xưa thì cứ tin tưởng Cúm là do các vị thần linh nào đó gây ra. Nên, để trị cúm, các cụ lễ bái.

Ngày nay, mấy thầy cô y học đã chứng minh rằng Cúm do siêu vi trùng Influenza A và B gây ra.

Những siêu trùng Cúm gây bệnh nguy hiểm nhất đều được các khoa học gia tìm thấy trong các dịch cúm xuất phát từ Á Châu, nhất là Trung Hoa Lục Địa. Vì thế chuyên viên dịch học đều trông đợi coi năm đó trùng Cúm nào sẽ từ Á Châu lan tràn ra thế giới để có thể điều chế thuốc chích ngừa Cúm kịp thời.

Nhiều khi cúm không phải xuất phát từ Á Châu. Nhưng Trung Hoa rất chú ý đến việc coi xem trùng Cúm thuộc loại nào, nên dù bệnh từ một địa phương khác mà được phát hiện từ Trung Hoa, thì sẽ được gọi là Cúm Bắc Kinh.

Ngoài ra, theo thống kê của cơ quan Y Tế Thế Giới, Trung Hoa cũng có nhiều trận Cúm khá trầm trọng, đôi khi xảy ra quanh năm. Lý do một phần vì dân số Trung Hoa lên đến cả trên một tỷ người, y khoa phòng ngừa cũng không về hết nông thôn rộng lớn, nên khi có Cúm là nó lan ra cho một số đông người. Độc hơn nữa là siêu trùng lại hay hoán đổi gene nên ác tính tăng lên.

Trong thế kỷ vừa qua đã có ít nhất hai dịch Cúm trầm trọng xuất phát từ Trung Hoa.

Dịch Cúm năm 1957 do nhóm trùng A, khởi sự từ gia súc là heo và vịt nuôi ở thôn quê. Khi truyền sang người, siêu trùng đã hoán đổi gene, trở nên hung dữ, hệ thống miễn dịch của con người không chống cự nổi, nên gây tử vong rất nhiều.

Ta còn nhớ cách đây mấy năm chính quyền Hong Kong đã phải tiêu diệt cả mấy triệu con gà mắc Cúm, sợ là Cúm gà sẽ truyền sang người. Ngay sau đó, chính quyền Tân Gia Ba cũng phải tiêu hủy mấy ngàn con heo vì sợ người mắc Cúm heo.

Dịch Cúm xuất phát ở Tây Ban Nha năm 1918 đã gây tử vong cho hơn hai chục triệu người trên khắp thế giới.

Tại Hoa Kỳ, bệnh Cúm và bệnh nhiễm độc sùng

phổi là nguyên nhân tử vong đứng hàng thứ sáu trong toàn dân chúng. Riêng với người cao tuổi thì cúm là nguy cơ tử vong đứng hàng thứ năm. Hàng năm có cả hơn 30.000 người chết vì Cúm, trên 100.000 người phải nhập viện để chữa Cúm và các bệnh liên hệ tới Cúm.

Cúm là một bệnh rất hay lây, truyền từ người này qua người khác theo đường không khí mà ta hít thở. Bệnh nhân ho, hắt hơi, nói sẽ tung siêu trùng ra không khí, ta hít phải là mang bệnh. Bệnh cũng lây lan khi ta sờ mó vào vật dụng nhiễm virus rồi vô tình đưa tay lên miệng, lên mũi, mắt. Vì thế những người sống chung đụng với nhau như học sinh cùng trường, tội nhân cùng nhà giam, lão nhân trong nhà dưỡng già, nhân viên y tế... đều dễ bị lây cúm, đặc biệt là trong thời gian triệu chứng bệnh Cúm đang trầm trọng.

II-Triệu chứng

Cúm là một bệnh cấp tính, bình thường thì tự giới hạn trong ít ngày.

Cúm thường có những triệu chứng đột ngột như nhiệt độ cơ thể tăng cao, người lạnh run, nhức đầu và các cơ thịt, mệt mỏi khác thường, không có năng lực. Sốt kéo dài từ 3 ngày tới 1 tuần lễ.

Ngoài ra người bệnh còn ho rũ rượi, chảy nước mũi, đau cổ họng.

Đôi khi các triệu chứng này hành hạ cơ thể có khi cả tuần, làm toàn thân suy nhược, lâu phục hồi.

Để xác định siêu trùng Cúm, ta có thể nuôi cấy trong phòng thí nghiệm và thường là phải mấy ngày sau mới biết kết quả. Nên trong thực tế, việc định bệnh đều căn cứ vào sự xuất hiện của Cúm tại địa phương.

Biến chứng trầm trọng nhất của Cúm là khi phổi bị nhiễm độc vì siêu trùng Cúm hoặc các vi trùng khác và đưa tới bệnh sùng phổi.

Trong mỗi mùa Cúm, số người nhập viện tăng cao vì bị sùng viêm, nhiễm trùng phổi hoặc bị suy tim. Người có bệnh kinh niên về tim phổi, đặc biệt người cao tuổi, thường hay bị các biến chứng nguy hiểm này.



III-Điều trị

Từ lâu, thuốc Amantadine, Rimantadine, Zanamivir đã được dùng để trị Cúm loại A.

Cách đây vài năm, các viện bào chế đã tung ra thị trường hai loại thuốc được giới thiệu là có thể rút ngắn thời gian trầm kha của bệnh Cúm. Đó là thuốc viên uống Relenza và thuốc xịt mũi Tamiflu. Hai thuốc này xem ra rất công hiệu. Thuốc cần có toa và sự chỉ dẫn cách dùng của thầy thuốc.

Ngoài ra, người bệnh cần nghỉ ngơi, uống nhiều nước, uống Tylenol hoặc Aspirin cho bớt đau nhức, giảm sốt, và uống thêm ít thuốc giảm ho như Robitussin.

Đó là chữa theo Tây y. Nếu thân hữu nào ngại uống thuốc, xin trở lại với môn chữa chạy theo tin tưởng cổ truyền ta:

"Tôi lấy ông Cúm bà Co

Oâng ở xứ Nghệ ông bỏ sang đây

Khôn thiêng có mả cổ này

Oâng sỏi cho sạch, ông rày tha tôi".

Với vài đĩa bánh đúc và bát mẳm tôm vắt chanh, mà người bệnh được ăn sau khi cúng. Ăn xong là khỏi bệnh liền!

IV-Chích ngừa

Thuốc chích ngừa Cúm hiện bây giờ được bào chế dưới dạng siêu trùng bị làm vô hiệu hóa (inactivated, killed virus). Mỗi năm, siêu trùng trong thuốc ngừa có thể thay đổi.

Chích ngừa Cúm vẫn được coi là phương cách hữu hiệu để ngăn chặn Cúm gây ra do cả hai loại siêu vi trùng A và B.

Thuốc chích ngừa rất an toàn, thường thường chỉ gây ra một vài phản ứng nhẹ như sưng ở chỗ chích, da hơi đau và hơi đỏ, đau nhức mình mẩy trong vài ngày rồi hết.

Một loại thuốc ngừa Cúm xịt vào mũi cũng được tung ra thị trường vào tháng 6 năm 2003. Đó là thuốc Flu Mist làm bằng siêu trùng đã yếu. Theo nhà bào chế thì thuốc có công hiệu tới 87%. Thuốc chỉ được phép dùng cho người khỏe mạnh từ 5 tuổi tới 49 tuổi. Người già và người mắc bệnh kinh niên vẫn nên dùng loại thuốc chích, vì tác dụng mạnh hơn.

Chích ngừa được đề nghị áp dụng hàng năm cho:

- Người cao tuổi và các em bé từ sáu tháng trở lên;

- Những người vì nghề nghiệp dễ mắc hay truyền bệnh cúm như nhân viên các cơ sở y tế, nhà dưỡng lão;

- Những người mà bệnh cúm có thể gây nhiều tử vong, như đã có các bệnh kinh niên về tim suy, phổi, ho suyễn, tiểu đường, bệnh kinh niên về thận;

- Người mắc bệnh xơ gan vì nghiện rượu;

- Người suy yếu miễn dịch như ung thư máu, đang chữa ung thư bằng phóng xạ, hóa chất.

- Phụ nữ đã có thai từ ba tháng trở lên cần được chích ngừa cúm với loại siêu vi trùng đã làm giảm cường lực.

Chích ngừa phải được thực hiện vào khoảng tháng 10 để cơ thể có thì giờ tạo ra hệ thống phòng thủ chống trùng Cúm hoành hành từ tháng 12 tới tháng 4 tây. Thuốc ngừa có công hiệu từ 4 tới 6 tháng.

Ngoài ra, khi Cúm do trùng A đã xảy ra ở một địa phương, thuốc viên Amantadine cũng được dùng để phòng ngừa mà công hiệu lên tới 70%.

thơ

XUÂN VỀ

Xuân về soi kính xem tóc bạc

Đưa tay nhâm đềm những thị phi

Khóc cười, trôi nổi theo thế sự...

Ngày tháng trôi qua đã được gì?

Xuân về đốt hết bao oan trái

Đổ những tro tàn buổi cuối Đông,

Đưa tay chặm sạch dòng nước mắt...

Ngẩng cao đầu giữa cõi Sắc-Không!

Xuân về bên chén trà tỏa khói

Mơ hồ giữa ảo ảnh, phù vân

Trăm năm phiêu bạt trong cõi mộng

Hãy vững chân giữa chốn bụi trần!

Atlanta, Mồng Một Tết Quý Ty - 2013

LÊ BÍCH SƠN

Nhiều năm, thuốc chích ngừa Cúm được cung cấp rất trễ, nên chính quyền yêu cầu ưu tiên chích cho người cao tuổi và người có bệnh kinh niên trước.

Cách đây ít năm, sau khi có những trường hợp bệnh Than do quân khủng bố gây ra, thì sự chích ngừa Cúm lại càng quan hệ, vì bệnh Than cũng có những triệu chứng sơ khởi giống như bị Cúm.

Ngoài ra, ta cũng nên chích ngừa bệnh Sưng phổi (Pneumonia), vì đây là một biến chứng trầm trọng của bệnh Cúm, có thể đưa tới tử vong, nhất là ở người cao tuổi.

SINH HOẠT PHẬT SỰ

Tổng Hội Cư Sĩ Họa Mặt Truyền Thống Giới Trẻ Phật giáo hằng năm: Kêu Gọi Tăng Ni Trẻ Tiếp Nối Phật Sự của Thế Hệ Thầy Tổ

Santa Ana (Bình Sa) Tối Thứ Hai ngày 11 tháng 2 năm 2013, tại văn phòng Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ một buổi họp mặt truyền thống giới trẻ Phật Giáo được tổ chức với sự tham dự của khoảng 50 Tăng Ni trẻ và một số quý vị Cư Sĩ.

Buổi lễ dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện Chủ Chùa Bát Nhã.

Mở đầu là lễ cầu an do Thượng Tọa Thích Thánh Minh làm chủ lễ. Sau đó Giáo Sư Huỳnh Tấn Lê, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ lên ngỏ lời chào mừng và chúc Tết quý vị tham dự.

Tiếp theo là Đạo Từ đầu Xuân của Hòa thượng Thích Nguyên Trí. Mở đầu Hòa Thượng chúc quý Tăng Ni cùng các Phật tử một năm mới an lạc, sau đó Hòa thượng cảm ơn Giáo Sư Huỳnh Tấn Lê và phu nhân trong nhiều năm qua đã hết lòng lo cho công tác Phật sự nhất là về phương diện tinh thần cũng như vật chất để công tác Phật sự được viên thành. Nói với quý Tăng Ni trẻ HT nói: "Giáo Hội mong mỏi những đóng góp của giới trẻ từ lớp này sang lớp khác để tiếp nối con đường Phật sự, chúng ta hãy trăm người như một, ngàn người như một, vai sát vai, cùng bên nhau, thương yêu nhau, đoàn kết lẫn nhau thì không có gì mà chúng ta không làm được. Hòa thượng chân thành cảm ơn tất cả và rất

mong được sự đóng góp nhiệt tình của giới trẻ nhất là trong công tác chuẩn bị cho Đại Lễ Phật Đản năm 2013 sắp tới đây.

Tiếp theo là lời chúc Tết của Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ qua điện thoại từ Dallas, Texas gọi về. Mở đầu Hòa thượng cảm ơn Hòa thượng Thích Nguyên Trí đã thay mặt Giáo Hội tham dự buổi họp mặt này, sau đó Hòa thượng cảm ơn Giáo Sư Huỳnh Tấn Lê và Phu nhân đã hết lòng lo cho công tác Phật sự. Nhân dịp năm mới Hòa thượng chúc tất cả mọi người một năm mới thân tâm thường an lạc để tiếp tục con đường phục vụ cho đạo pháp và dân tộc.

Đáp lời, Thượng Tọa Thích Thánh Minh thay mặt Tăng Ni trẻ nói lên lời tri ân Hòa thượng Viện Chủ Chùa Bát Nhã về những sự bảo bọc cũng như ân cần giúp đỡ để anh em có điều kiện tu học và làm Phật sự. Thượng Tọa cũng nói lên lời tri ân Giáo Sư Huỳnh Tấn Lê, Luật Sư Đào đã tận tình giúp đỡ để các Tăng Sĩ trẻ có điều kiện làm công tác Phật sự. Sau cùng Thượng Tọa cảm ơn Quý Chư Tôn Đức Tăng Ni trong Giáo Hội đã bảo bọc cũng như giúp đỡ về phương diện tinh thần để có điều kiện tiếp tục con đường phục vụ đạo pháp và dân tộc.

Sau đó tất cả mọi người cùng dùng cơm chay do Tổng Hội Cư Sĩ khoản đãi và thưởng thức chương trình văn nghệ đầu Xuân do quý Tăng Ni trẻ trình diễn.



Đêm Thơ Nhạc Mùa Xuân Tuệ Giác của Nhóm Hương Thiên: Mừng Ngày Đức Phật Thích Ca Thành Đạo và Xuân Quý Tỵ

HUNTINGTON BEACH, CA (VB) – Hơn hai trăm chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử lắng lòng thưởng thức trọn vẹn đêm thơ nhạc “Mùa Xuân Tuệ Giác” do nhóm Hương Thiên tổ chức tại Trung Tâm Sangha cũ, thành phố Huntington Beach, vào tối Chủ Nhật, 19 tháng 1 năm 2013.

Theo Ban Tổ Chức, đêm thơ nhạc “Mùa Xuân Tuệ Giác” được thực hiện để kính mừng ngày đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo vào đêm mừng tám tháng Chạp dưới cây Bồ Đề bên dòng sông Ni Liên Thuyền, Ấn Độ, cách nay hơn hai mươi sáu thế kỷ. Đêm thơ nhạc cũng để mừng đón xuân Quý Tỵ sắp bước sang.



Hình ảnh trong đêm thơ nhạc “Mùa Xuân Tuệ Giác” do Nhóm Hương Thiên thực hiện tại Trung Tâm Sangha, Huntington Beach. (Photo VB)

Đây là lần thứ 3 nhóm Hương Thiên tổ chức đêm thơ nhạc dành cho công chúng mang nội dung Phật Giáo để góp phần vinh danh giáo lý giác ngộ và giải thoát của đạo Phật mang lại nhiều lợi lạc cho cuộc sống con người.

Dù Trung Tâm Sangha không phải là một sân khấu đặc biệt để thực hiện những buổi nhạc hội chuyên đề như thế này, nhưng với tài tổ chức, nhóm Hương Thiên cũng đã làm hài lòng khách thưởng ngoạn với những nhạc phẩm chọn lọc, những giọng ca truyền cảm và ban nhạc xuất sắc.

Thông lệ mở đầu cho đêm thơ nhạc của nhóm Hương Thiên là hướng dẫn người tham dự cùng hợp ca bài “Hiện Pháp Lạc Trụ,” ý thơ của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh và nhạc của nhạc sĩ Tâm Nguyên Nghiêm Phú Phát. “Thở vào tâm tĩnh lặng, thở ra miện mỉm cười, an trú trong hiện tại, giây phút đẹp tuyệt vời.” Đặc biệt đêm nay người tham dự còn có 3 phút tĩnh lặng để lắng tâm xuống theo 3 tiếng chuông ngân, “... lắng lòng nghe, lắng lòng nghe, tiếng chuông huyền diệu đưa về nhất tâm...” Không buông bỏ tạp niệm và lắng lòng xuống để cho tâm trải rộng ra khắp không gian thì làm sao đón nhận được trọn

vẹn từng cung bậc, từng giai điệu, từng lời, từng thanh âm, và cả những khoảng vắng không lời, không thanh âm nữa. Thường thức âm nhạc như vậy thì đâu có khác gì thâm nhập vào pháp môn tu tập để buông xả vọng niệm và an trú sát na hiện tiền.



Chương trình bắt đầu từ khoảng 7 giờ rưỡi tối cho đến kết thúc vào khoảng 10 giờ rưỡi, nghĩa là kéo dài 3 tiếng đồng hồ. Điều đáng nói là hội trường Sangha từ lúc bắt đầu chương trình cho đến khi chấm dứt được bao trùm trong không khí yên lặng bình an, như thể mọi người đều nhập định để lắng nghe thanh âm của “Mùa Xuân Tuệ Giác.”

Khi lắng lòng để cho thanh âm của nhạc và lời rót vào tâm như nước thấm vào lòng đất, người nghe sẽ cảm nhận được những phút giây kỳ diệu của thể giới âm nhạc. Người nghe sẽ thấm sâu trong những lời ca như thế này: “... cuộc đời như khói như sương, mà người sao mãi vẫn vương...” (Chân Nguyên của Trúc Tâm); và “... từng giọt thơ chìm lắng vào hồn... lang thang như chiếc lá đã rơi.. chiều nay ngồi lắng tâm... nhìn vật nặng nơi sân chùa...” (Nắng Động Sơn Chùa, ý và lời của Diệu Trân, nhạc Tâm Nguyên); hay “... có bao giờ anh nghe tiếng côn trùng nức nở dưới khe đất bụi cây... Hãy cho nhau niềm vui, hãy cho nhau an lành...” (Sự Sống, thơ Tuệ Kiên, nhạc Võ Tá Hân); hoặc “... Lửa, ôi lửa cháy ngất tòa sen cho mười phương nhập thể cháy bùng lên... Rồi đây và mai sau, còn chi, vẫn còn mãi trái tim bồ tát, rọi hào quang xuống tận ngục A Tì...” (Lửa Từ Bi, thơ Vũ Hoàng Chương, nhạc Tâm Nguyên); v.v...

Với 27 tiết mục ca nhạc và ngâm thơ, nội dung chương trình bao gồm 2 chủ đề chính: Mừng xuân và mừng đức Phật thành đạo. 27 tiết mục chuyển chờ hai chủ đề đan quyện vào nhau và bổ túc cho nhau một cách mạch lạc, uyển chuyển và hấp dẫn, nhất là những lời dẫn của từng tiết mục được hai giọng đọc truyền cảm của 2 MC tài nghệ Diệu Trang và Bùi Đường làm ngọt lịm lòng người nghe. Có



được đem thơ nhạc tuyệt vời như vậy phần lớn là nhờ vào tài diễn xuất và trình bày trọn vẹn tinh túy của các nhạc phẩm của các ca sĩ như Thanh Thanh, Tuyết Hoa, Thúy Anh, Thục Oanh, Đồng Thảo, Vũ Quang Vinh, Kim Yến, Lê Hoàng Mỹ Linh, Chu Minh Quân, Thy Nga, Trần Ngọc, Trần Kim Yến, Ngọc Sương, Duy Hiền, Lâm Dung, Khắc Hiền, Xuân Mai, Thu Hằng, Mỹ Thúy, Kim Cúc, Xuân Thanh. Những bản nhạc được trình bày do các nhạc sĩ sáng tác như Tâm Nguyên, Võ Tá Hân, Lê Quốc Thắng, Hoàng Quốc Bảo, Trịnh Công Sơn, Trúc Tâm, Phạm Đình Chương, Đức Trí, Nguyễn Hiền, Phạm Duy, Hồ Đăng Tín, Nguyễn Tuấn, Quốc Dũng, Đông Quân, Từ Công Phụng, Văn Phụng, Chúc Linh, và Giác An. Cùng các bài thơ được phổ nhạc của các thi sĩ Phạm Thiên Thư, Thích Nhất Hạnh, Giác An, Kim Tuấn, Tuệ Kiên, Diệu Trân, Xuân Mai, Sen Nhất Quán, Vũ Hoàng Chương. Cũng không thể thiếu phần đóng góp rất quan trọng của các nhạc sĩ phụ trách nhạc cụ như Hoài Khanh (keyboard), Ngọc Quang (guitar), Ngọc Nôi (flute), Chu Đình Chính (violon), Anh Minh (saxophone), Nghiêm Phú Phát (piano), cùng với Nguyễn Đình Thư và Nguyễn Hòa phụ trách phần âm thanh.



Điều làm mọi người ngạc nhiên và thích thú là hai MC Diệu Trang và Bùi Đường đã "bắt cóc" nhà văn Vĩnh Hào lên sân khấu để phỏng vấn nhanh về một đề tài mà mọi người Phật tử ai cũng muốn biết,

đó là tại sao nhạc Phật Giáo chưa được phổ cập, hay nói đúng hơn là chưa được đại đa số quần chúng tích cực thưởng thức? Nhà văn Vĩnh Hào cho biết điều đó thì phải hỏi quý vị Thầy trú trì các ngôi chùa, chứ đừng nên hỏi các Giáo Hội vì chính quý vị trú trì là người có thẩm quyền quyết định mang âm nhạc Phật Giáo vào trong sinh hoạt thường nhật của thiền môn. Theo nhà văn Vĩnh Hào, khi vị trú trì chấp nhận đưa âm nhạc vào sinh hoạt lễ nghi trong chùa thì Phật tử cũng sẽ chấp nhận. Nhà văn Vĩnh Hào kể rằng cách nay 30 năm ở tại một ngôi chùa vùng kinh tế mới hẻo lánh xa xôi tại Việt Nam cũng đã đưa âm nhạc vào chùa và được mọi người tiếp nhận một cách hoan hỷ. Nhà văn Vĩnh Hào khuyến thỉnh quý vị trú trì hãy mạnh dạn cho phép đem đàn vào chánh điện để hát những bản nhạc đạo. Nhà văn Vĩnh Hào cho biết theo ông, âm nhạc Phật Giáo có 3 thể loại: Một, nhạc lễ; hai nhạc đạo ca phổ thông; và ba là nhạc hóa thân, tức những bản nhạc mà nội dung nói lên được tinh thần và triết lý Phật Giáo. Theo nhà văn Vĩnh Hào, các chương trình văn nghệ Phật Giáo có thể phối hợp một cách hài hòa 3 thể loại nhạc nói trên như đêm thơ nhạc này.



Hình ảnh trong đêm thơ nhạc "Mùa Xuân Tuệ Giác" do Nhóm Hương Thiền thực hiện tại Trung Tâm Sangha, Huntington Beach. (Photo VB)

Trong số hơn mười vị chư tôn đức Tăng, Ni có sự hiện diện đặc biệt của Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, viện chủ Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương, San Diego; Đại Đức Thích Hạnh Tuệ từ Chùa Phật Đà, San Diego, chủ biên trang nhà Hoa Vô Ưu; Ni Sư Thích Tuệ Từ từ Chùa Khánh Hỷ, Garden Grove; Sư Cô Thích Huệ Trân từ Chùa Phật Tổ Long Beach.

Đường phố tối nay dường như cũng vắng vẻ và thanh tịnh hơn. Vầng trăng thượng tuần tháng Chạp huyền ảo còn treo chênh chếch trên nền trời phía tây. Gần nửa đêm, trên đường về từ Trung Tâm Sangha mà thanh âm của đêm thơ nhạc Mùa Xuân Tuệ Giác do Nhóm Hương Thiền thực hiện còn vang vọng đâu đây, "... Thôi về đi, đường trần đâu có gì... Không còn ai, đường về ôi quá dài... Có nhiều khi, một mình tôi bước dài...." (Phôi Pha của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn).

Kính mừng ngày Đức Thích Ca Mâu Ni thành tựu đạo quả giác ngộ và giải thoát.



TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính Thưa quý Đồng Hương Phật Tử,

Chùa Bát Nhã được hình thành và gắn liền với Cộng Đồng Ty Nạn hơn hai mươi năm. Trải qua những năm tháng thăng trầm, Chùa Bát Nhã đã vươn vai gánh vác rất nhiều công tác Phật sự của Giáo Hội Phật Giáo và tham gia các chương trình bảo trợ do cộng đồng ty nạn đảm trách nơi quê hương thứ hai này. Ngoài là nơi giúp thanh thiếu niên trau dồi tiếng Việt, tôi luyện võ thuật, nâng cao kiến thức Giáo Lý Phật Đà, Chùa Bát Nhã còn là nơi tổ chức cũng như diễn ra nhiều hoạt động và sự kiện ý nghĩa khác.

Để đáp ứng nhu cầu cần thiết và nguyện vọng của quý Đồng Hương Phật Tử đã tin tưởng chọn chùa Bát Nhã làm nơi quy ngưỡng đời sống tâm linh của mình, Chùa Bát Nhã sẽ khởi công xây dựng Ngôi Đại Hùng Bảo Điện vào hạ tuần tháng 6 năm 2012.

Đây là một công trình vĩ đại xứng đáng được hậu thế tự hào và bảo tồn, tuy nhiên kinh tế của chùa vẫn còn eo hẹp. Do đó Phật tử gần xa nên vì tương lai Phật pháp và thế hệ mai sau mà hoan hỷ đóng góp một bàn tay để công trình xây dựng sớm được thành tựu viên mãn.

Sau khi chùa Bát Nhã hoàn thành chúng tôi quyết tâm thực hiện những hoài bão:

- 1 - Tôn thờ 10.000 pho tượng Phật và Bồ Tát
- 2- Di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam tại hải ngoại
- 3 - Trụ sở của Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Liên Châu
- 4- Là nơi quy tụ Chư Tôn Đức Tăng ni – An Cư Kiết Hạ và các khóa tu học thường xuyên cho tín đồ Phật tử.
- 5- Đào tạo thanh thiếu niên “Biết nói tiếng nước tôi”, cũng như thể dục, đức dục, và trí dục.
- 6- Giúp đỡ hậu sự những gia đình khó khăn khi có người thân qua đời
- 7- Trung tâm dưỡng lão cho Chư Tôn Đức Tăng Ni khi tuổi già sức yếu.
- 8 - Tôn thờ hình ảnh và hài cốt chư hương linh quá cố
- 9- Đền thờ Quốc tổ Chư Anh Linh. Anh hùng chiến sĩ vì quốc vong thân và Đồng bào tử nạn.

Kính mong Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni và Đồng hương Phật tử hoan hỷ liễu tri.
Nam Mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma Ha Tát.

Viện chủ chùa Bát Nhã
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
(ấn ký)

Mọi chi tiết xin liên lạc địa chỉ:
803 S Sullivan St., Santa Ana, CA 92704
Điện thoại: **714-571-0473** - Fax : 714-568-1009 -
Email :Batnhacali@yahoo.com

